



Báo cáo Nghiên cứu Thế hệ trẻ Việt Nam

Tháng Tám năm 2020



Ảnh trang bìa

Nghệ sĩ trẻ đang nghe nhạc của cộng đồng nhạc trong nước, chương trình Lưu trú Âm nhạc Cộng đồng FAMLAB, tỉnh Gia Lai.
Ảnh: Lê Xuân Phong



Hội đồng Anh xây dựng các kết nối, sự hiểu biết và tin tưởng giữa người dân Vương quốc Anh và các quốc gia khác thông qua nghệ thuật và văn hoá, giáo dục và ngôn ngữ tiếng Anh.

Chúng tôi hỗ trợ các bạn trẻ hình thành các kỹ năng, sự tự tin và kết nối mà họ đang tìm kiếm nhằm khám phá tiềm năng của bản thân và tham gia đóng góp cho các cộng đồng vững mạnh và toàn diện. Chúng tôi hỗ trợ họ học tiếng Anh để có thể tiếp cận một nền giáo dục chất lượng cao và đạt được các bằng cấp được công nhận trên toàn cầu. Hoạt động của chúng tôi trong lĩnh vực nghệ thuật và văn hoá khuyến khích sự thể hiện và trao đổi sáng tạo cũng như góp phần ươm mầm các doanh nghiệp sáng tạo.

www.britishcouncil.org/research-policy-insight/research-series/next-generation

> Lời cảm ơn

Nghiên cứu này do Love Frankie, tổ chức nghiên cứu và thay đổi xã hội vùng, và công ty nghiên cứu IRL (Indochina Research Ltd) thực hiện.

Nhóm nghiên cứu Love Frankie đảm trách thiết kế nghiên cứu và phương pháp luận, tham vấn các bên liên quan, phân tích và viết báo cáo: ông Galen Lamphere-Englund (Giám đốc Nghiên cứu), ông Mike Wilson (Quản lý Nghiên cứu Cấp cao), bà Ploy Khongkhachan (Chuyên viên Phân tích Cao cấp), ông Luxi Bunmathong (Chuyên viên Phân tích), và ông Josh Atkinson (Cố vấn Nghiên cứu Định lượng). Bà Hannah Perry (nguyên Giám đốc Nghiên cứu) đã đưa ra thiết kế nghiên cứu cũng như các động lực khởi động cho dự án.

Nhóm IRL Việt Nam đảm trách quản lý nghiên cứu thực địa, thu thập số liệu, và có những đóng góp thực tiễn trong phân tích do: ông Xavier Depouilly (Tổng Giám đốc), bà Phùng Thị Nam Trang (Giám đốc Nghiên cứu), bà Nguyễn Thị Hạnh Nguyên (Chuyên viên Nghiên cứu và Marketing), và bà Đinh Nữ Hồng Loan (Nghiên cứu viên định tính). Các thành viên khác trong nhóm thực địa thực hiện công việc phỏng vấn và khảo sát gồm bà Trần Thị Thùy Dương (Quản lý Thực địa - khu vực miền Bắc Việt Nam), bà Huỳnh Thị Hồng Thắm (Quản lý Thực địa - Khu vực miền Nam Việt Nam).

Xin đặc biệt cảm ơn thành viên nhóm cố vấn đã đóng góp ý kiến chuyên môn kỹ thuật và kiến thức sâu sắc về bối cảnh: TS. Phạm Tất Thắng (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng), ThS. Đinh Thị Phương Lan (Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội), TS. Đỗ Ngọc Hà (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thanh niên), ông Trần Việt Anh (Người sáng lập Diễn đàn Spiderum), PGS.TS. Lê Anh Vinh (Phó Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam), ông Trần Vũ Nguyên (Phó Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo TP. Hồ Chí Minh (Saigon Innovation Hub), bà Trần Thị Bích Ngọc (Người sáng lập công ty An Nam Productions) và các thành viên khác từ các lĩnh vực như nghệ thuật, truyền thông, doanh nghiệp và cộng đồng dân tộc.

Cuối cùng, nhưng chắc chắn không kém phần quan trọng, chính là đội ngũ Hội đồng Anh tham gia vào dự án này. Họ đã hỗ trợ nhiệt tình và làm việc sát sao với nhóm nghiên cứu trong dự án: bà Christine Wilson (Trưởng ban Nghiên cứu), bà Hoàng Vân Anh (Giám đốc các chương trình Giáo dục và Xã hội) và bà Nguyễn Phương Chi (Quản lý chương trình, Việt Nam).

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các đáp viên – những người Việt trẻ – đã dành thời gian chia sẻ góc nhìn và tiếng nói về đất nước mình trong nghiên cứu này. Nghiên cứu này chính là vì họ và tương lai của họ.

Mọi câu hỏi và thắc mắc xin được gửi về Hội đồng Anh theo địa chỉ vananh.hoang@britishcouncil.org.vn và chi.nguyen@britishcouncil.org.vn

Miễn trừ trách nhiệm pháp lý

Những quan điểm chia sẻ trong báo cáo này là của các tác giả và những người đóng góp, không nhất thiết thể hiện quan điểm của Hội đồng Anh.

> Mục lục

Lời cảm ơn	
Lời nói đầu	2
Tóm lược tổng hợp	4
Những khuyến nghị tiêu biểu	5
Chương 1: Bối cảnh:	
Các bước chuyển mình và nghiên cứu hiện tại	6
Những khoảng trống quan trọng trong nghiên cứu hiện tại	7
Chương 2: Phương pháp luận	10
Chương 3: Đời sống và liên kết xã hội	12
Cuộc sống gia đình	12
Cha mẹ	12
Công việc và gia đình	12
Xây dựng gia đình	13
Các vấn đề xã hội	14
Giá trị thế hệ	15
Sự đi xuống của các giá trị tập thể và bước chuyển dịch sang chủ nghĩa cá nhân	15
Các giá trị vật chất	16
Tiến bộ về bình đẳng giới và LGBTI	16
Đời sống số	17
Chơi game	18
Các nền tảng mạng xã hội giống nhau cho những mục đích sử dụng khác nhau	18
Mặt trái của mạng xã hội	21
Tương tác giữa người với người và tương tác ảo	21
Giải trí ngoại tuyến	21
Thể thao	21
Du lịch	22
Chương 4: Giáo dục, kỹ năng và việc làm	24
Giáo dục	24
Ấn tượng về hệ thống giáo dục Việt Nam	24
Các con đường học tập	26
Lựa chọn trường phổ thông	28
Chương trình đào tạo quốc dân	28
Giáo viên	29
Các rào cản với giáo dục	30
Bạo lực học đường	30
Chi phí	30
Đến trường	30
Học thêm	30
Áp lực thể hiện	31
Khoảng trống kỹ năng và cách bù lấp	33

Bối cảnh việc làm	35
Thị trường việc làm hiện tại	35
Vấn đề giới ở nơi làm	38
Việc làm bán thời gian và hợp đồng thời vụ	38
Người trẻ kiếm việc như thế nào?	38
Hài lòng với công việc hiện tại và công việc mơ ước	38
Khởi nghiệp và thương mại điện tử	41
Các thách thức với khởi nghiệp	43
Vì sao kinh nghiệm quốc tế lại quan trọng	43
Du học	43
Làm việc ở nước ngoài	44
Chương 5: Vị thế Việt Nam trên thế giới	46
Dị cư	49
Quan điểm về văn hóa quốc tế	50
Quan hệ khu vực	51
Chương 6: Tương lai của Việt Nam	52
Hình dung tương lai	52
Chương 7: Các vấn đề ưu tiên và kiến nghị	54
Lưu ý về vấn đề ưu tiên	56
Các vấn đề ưu tiên ở cấp độ vi mô	56
Đời sống học đường và tiếp cận giáo dục	56
Tiếp cận y tế, thực phẩm và vệ sinh	58
Ổn định tài chính về cư trú (nhà ở)	58
Hôn nhân và gia đình	59
Bất nạt, quấy rối và lạm dụng	59
Các vấn đề ưu tiên ở cấp độ vĩ mô	60
Kinh tế	60
Bình đẳng giới	60
Môi trường	60
Giảm sút trong việc tham gia cộng đồng	61
Thiếu tiếng nói và hành động	62
Tham gia hạn chế vào các vấn đề chính trị	62
Tình trạng tham nhũng tràn lan	65
Kết luận	66
Đề xuất cho nghiên cứu tương lai	67
Tài liệu tham khảo	68
Phụ lục 1: Phương pháp và cách tiếp cận	71
Phụ lục 2: Bảng câu hỏi định tính	79

> Lời nói đầu

Kể từ khi chính sách Đổi Mới được đưa ra vào năm 1986, dân số Việt Nam đã tăng gần 60% và dự đoán tăng đạt 120 triệu người trước năm 2050. Với sự phát triển kinh tế ấn tượng, biến đổi xã hội và hội nhập vào kinh tế toàn cầu ngày một tăng, Việt Nam tiếp tục trên đà đi lên. Giữa bối cảnh tăng trưởng ấn tượng và được công nhận toàn cầu ấy, nghiên cứu Thể hệ trẻ Việt Nam của Hội đồng Anh đưa ra tuyên bố rõ ràng từ những người Việt trẻ (từ 16–30 tuổi) về những trăn trở và khát vọng của họ về tương lai tại Việt Nam.

Nghiên cứu Thể hệ trẻ của Hội đồng Anh nhằm điều tra và tìm hiểu thái độ và trải nghiệm của những người trẻ từ các quốc gia đang trải qua những thay đổi, dù đó là về kinh tế, chính trị hay xã hội. Đây là một phần trong cam kết của Hội đồng Anh trong việc tìm hiểu tiếng nói và lựa chọn của người trẻ, để cổ vũ người trẻ lên tiếng và hỗ trợ họ tham gia vào quá trình hoạch định chính sách cho thanh niên. Tới nay, nghiên cứu đã được tiến hành ở nhiều quốc gia trong đó có Ethiopia, Đức, Ireland và Bắc Ireland, Kenya, Myanmar, Nam Phi, Tanzania, Thổ Nhĩ Kỳ, Zimbabwe và Vương quốc Anh.

Từ nghiên cứu này, chúng tôi nhận ra rằng Thể hệ trẻ Việt Nam nhận thức rõ và trân trọng những cải thiện trong giáo dục, cơ hội việc làm, sự mở cửa và hiện đại hóa xã hội. Tuy nhiên, cũng giống như những người đồng trang lứa ở các quốc gia khác trong chuỗi nghiên cứu, để cảm thấy tự tin và an toàn về tương lai của bản thân, người Việt trẻ muốn và cần nhiều hơn thế, trong đó có sự tập trung nhiều hơn vào các kĩ năng sống và các kết nối giữa giáo dục và việc làm. Người trẻ ở nông thôn và người trẻ ở thành thị có những quan điểm và kì vọng khác nhau về vai trò và giá trị của

cộng đồng và quốc gia; tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra sự đồng thuận cao về những tiến bộ đạt được trong bình đẳng giữa các giới, nhóm dân tộc và cộng đồng LGBTQI, cũng như nhu cầu tiếp tục phát triển và duy trì sự bình đẳng này. Đáng chú ý là mặc dù người trẻ muốn tiếng nói của mình được lắng nghe và ảnh hưởng tới thay đổi, nhưng họ cũng bày tỏ quan ngại rằng tình trạng tham nhũng ở nhiều cấp sẽ ngăn cản tiếng nói của người trẻ, và giảm khả năng người trẻ có thể tác động đến những lĩnh vực quan trọng hơn, trong đó có bảo vệ môi trường.

Những thay đổi kinh tế - xã hội nổi bật trong một thế hệ đã tiếp sức cho nhiều thay đổi ở Việt Nam. Hội đồng Anh thực hiện nghiên cứu Thể hệ trẻ Việt Nam vào năm 2019, trước khi chúng ta biết đến Covid-19. Chúng tôi công bố bản nghiên cứu này ở một thời điểm rất khác, khi cả thế giới tiếp tục phải trải qua những thay đổi chóng mặt, hệ lụy từ khủng hoảng kinh tế và y tế mà cơn đại dịch toàn cầu đang gây ra. Phản ứng của Việt Nam đã củng cố hơn nữa vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Hội đồng Anh mong có cơ hội được làm việc với các đối tác và các bên liên quan trên cả nước để ứng phó với những thách thức và đáp lại những khát vọng mà người Việt trẻ đã bày tỏ về tương lai, đồng thời giúp họ hiện thực hóa mọi tiềm năng của mình. Chúng tôi hi vọng sẽ chứng minh cho người Việt trẻ thấy được rằng không chỉ tiếng nói của họ được lắng nghe, mà quan điểm của họ là có giá trị và những điều người Việt trẻ đề xuất là có ý nghĩa cho đất nước đang trên đà phát triển.

Donna McGowan,
Giám đốc Quốc gia,
Hội đồng Anh tại Việt Nam

Trong 30 năm qua, Việt Nam đã chuyển mình từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới thành một nền kinh tế có mức thu nhập trung bình, và nằm trong số ít các quốc gia đạt được đa số các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc trước năm 2015. Dân số vàng, sức sáng tạo và đầu tư, người dân Việt Nam hoàn toàn có lý do để lạc quan về một tương lai của Kỷ nguyên Số và nền kinh tế tri thức trong vòng 20 năm tới.

Giống như nhiều quốc gia khác trên toàn thế giới tại thời điểm lịch sử này, thách thức lớn trước làn sóng số hóa sẽ là tăng năng suất lao động để tránh “bẫy” thu nhập trung bình, đồng thời đảm bảo được tỉ lệ việc làm cao, duy trì hòa nhập và công bằng xã hội. Những thời kỳ biến động lớn như hiện tại có tác động sâu sắc tới mọi thế hệ, nhưng thế hệ trẻ sẽ là đối tượng phải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Trong khi đó, chính thế hệ trẻ là những người sẽ định hình con đường mà Việt Nam cần đi để ứng phó với những thách thức và thực hiện sứ mạng của mình.

Lớp người Việt trẻ hiện nay là thế hệ đầu tiên hoàn toàn thoát khỏi nghèo đói cùng cực, và cũng là thế hệ cuối cùng có thể ngăn sự tăng trưởng thiếu bền vững do khai thác bào mòn tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Tuy nhiên, người Việt trẻ thường xuyên bị cản trở, không thể hiện được hết tiềm năng của mình trong các vai trò chủ thể thay đổi và doanh nhân xã hội mà chúng ta vẫn kỳ vọng.

Đó là bởi trên khắp cả nước, thanh niên chưa tiếp cận được với giáo dục và đào tạo kĩ năng có chất lượng và phù hợp với điều kiện kinh tế, vốn là những điều kiện để họ có được các cơ hội kiến tạo sinh kế và cải thiện cuộc sống. Ý kiến

của người trẻ thường không được lắng nghe do nền văn hóa ăn sâu vào Khổng giáo và không gian chính trị chịu nhiều ảnh hưởng của thế hệ lớn tuổi hơn. Cũng có những người trẻ tạo được những bước đi tích cực trong cộng đồng hay xã hội, nhưng những nỗ lực của họ bị xem nhẹ hoặc không được đánh giá cao.

Trong khi tháp dân số của Việt Nam đang đảo ngược với tốc độ chưa từng có, nghiên cứu Thế hệ trẻ Việt Nam này đã phác lên cái nhìn toàn cảnh về những công dân Việt trẻ, những điểm dễ bị tổn thương, những nỗ lực vượt khó, những nhu cầu, và cả những khát vọng, động lực và cam kết hành động của họ vì một xã hội đáng sống và bền vững hơn. Tiếp nối tiếng nói của những thế hệ Việt đầu tiên sinh ra trong thời kì bùng nổ nhất trong lịch sử đất nước kể từ chính sách Đổi mới 1986, nghiên cứu này cung cấp cho người đọc các quan điểm sâu sắc, có giá trị, và một điểm mốc để khám phá sâu hơn nhằm giúp đỡ các nam, nữ thanh niên Việt phát huy mọi tiềm năng, trở thành lực lượng tiên phong cho những thay đổi trong tương lai.

Là người công tác trong cơ quan giáo dục của nhà nước và cũng là thành viên của ban cố vấn, tôi tin rằng nghiên cứu này đã thành công đặt được nền móng cho những hiểu biết thấu đáo và đầu tư hiệu quả hơn vào công tác phát triển thế hệ trẻ hướng tới tương lai của Việt Nam.

PGS.TS. Lê Anh Vinh,
Phó Viện trưởng
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thành viên Ban Cố vấn Nghiên cứu
Thế hệ trẻ Việt Nam

Nhà văn George Orwell từng nói: “Mỗi thế hệ đều tưởng rằng mình thông minh hơn thế hệ trước, và thông thái hơn thế hệ sau.” Tại Việt Nam, tình huống này thậm chí còn dễ dàng nhận ra hơn. Sau khi kết thúc chiến tranh vào năm 1975 và bắt đầu thời kì đổi mới vào năm 1986, Việt Nam đã chứng kiến biết bao biến chuyển về kinh tế - xã hội khi dịch chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế định hướng thị trường. Những thay đổi lớn dẫn đến sự đứt gãy trong tư duy của các thế hệ, và hệ quả là những sự hiểu lầm và áp lực dành cho nhau.

Trong một gia đình Việt, không khó để nhận thấy không khí bức bối giữa các thành viên: “Sao mà các con lại vô ơn và ích kỉ thế?” “Tại sao bố mẹ lại bảo thủ và không bao giờ chịu cố gắng để hiểu tâm tư của con?” Thực tế này rõ ràng đang kìm hãm tiềm năng của hàng triệu người trẻ, khiến họ không khám phá được hết năng lực của bản thân. Và cách duy nhất để cải thiện được tình hình chính là củng cố sự thấu hiểu lẫn nhau và xây dựng niềm tin.

Khi đất nước và người dân đang trên chặng đường đạt vị thế cao hơn trên thế giới, người Việt, trong đó có các doanh nhân, nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục và những người làm nên thay đổi khác, cần nhiều kết quả nghiên cứu hơn từ những báo cáo khoa học và chuyên môn để thực sự xác định được những vấn đề cần giải quyết, đặt kì vọng hợp lý và dẫn dắt thế hệ trẻ tiếp theo đạt được những thành tựu xuất sắc.

Mặt khác, mỗi người trẻ cũng cần hiểu được sự đa dạng của các lối sống, đức tin, giá trị của thế hệ mình, để hợp tác tốt hơn và cùng tạo ra những tác động chưa từng có, nhất là khi khả năng hợp tác đã được chứng minh là phương pháp tốt và là xu hướng toàn cầu.

Vượt lên những hạn chế về nguồn lực trong quá trình thực hiện, tôi tin rằng công trình nghiên cứu Thế hệ trẻ Việt Nam đã đem lại cái nhìn rộng và bao quát về thế hệ người Việt trẻ và chứng minh được rằng công trình này hữu ích không chỉ cho các thế hệ hiện tại và trước đó mà còn cho các thế hệ sau này. Nghiên cứu cũng đã mở ra những chủ đề liên quan khác trong tương lai.

Là một người Việt trẻ và là thành viên của ban cố vấn, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới nhóm nghiên cứu và Hội đồng Anh vì đã thực hiện và chia sẻ báo cáo có tính tác động và đầy ý nghĩa này.

Trần Việt Anh, Người sáng lập
Diễn đàn Spiderum

Thành viên Ban Cố vấn Nghiên cứu
Thế hệ trẻ Việt Nam

> Tóm lược tổng hợp

Việt Nam đã trải qua sự chuyển đổi đáng kể trong ba thập kỷ qua. Sự dịch chuyển kép trong cả xã hội và kinh tế đều bắt đầu từ chính sách Đổi mới vào năm 1986. Khi chuyển sang “mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Việt Nam đã gặt hái được sự phát triển vượt bậc về kinh tế và tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, vươn lên từ nhóm những nước có thu nhập thấp nhất thế giới thành một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, tăng trưởng ổn định (Thư viện Ban nghiên cứu Quốc hội Liên bang Hoa Kỳ, 2005; Turner & Nguyễn, 2005, tr. 1693 -1710). Nghiên cứu này nhằm minh họa toàn diện những thay đổi kèm theo trong cuộc sống của người Việt độ tuổi từ 16 đến 30 – thế hệ trẻ – giữa những biến đổi, chuyển dịch kinh tế, xã hội không ngừng trong xã hội Việt Nam đương đại.

Thế hệ trẻ đã đánh giá Việt Nam là một đất nước đang vươn lên mạnh mẽ, ngày càng phát triển và đem lại điều kiện sống được cải thiện cho người dân. Những đáp viên ở khu vực nông thôn đã nhận thấy những lợi ích lớn lao trong một thời gian ngắn, và vẫn hài lòng với sự tăng trưởng. Những đáp viên ở thành thị, mặc dù vẫn háo hức, đã bắt đầu nhận thấy nhiều tác động biến và bất ổn về tương lai.

Trên khía cạnh kinh tế, chính sách Đổi mới và sự tăng trưởng có được từ chính sách này đã đem lại những thay đổi rõ nét: thế hệ trẻ được hưởng lợi từ một nền kinh tế phát triển bùng nổ với đa dạng việc làm, cả về số lượng và hình thức. Những cải tiến kỹ thuật và phát triển nói chung đã giúp lớp người sinh trưởng trong ba thập kỷ qua có được mức lương cao hơn hẳn so với thế hệ cha mẹ họ. Người trẻ cũng nhận thấy những thay đổi tích cực về bình đẳng giới ở nơi làm và trong xã hội. Gần 65% người Việt trẻ tin rằng cơ hội việc làm cho thế hệ mình đã cải thiện trong vòng năm năm qua. Những người trẻ là dân tộc thiểu số và sống ở nông thôn cảm nhận được rõ rệt sự thay đổi về chất lượng cuộc sống và sinh kế so với thế hệ cha mẹ họ.

Đồng thời, tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. Gần bốn phần mười (37%) đáp viên, bất kể hoàn cảnh xuất thân, có ý định tự kinh doanh. Trong các buổi phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung (FGD), các đáp viên cho biết khởi nghiệp kinh doanh đem đến cho họ quyền quyết định và tự do hơn hẳn so với việc làm cho người khác.

Giáo dục cũng đang được cải thiện. Hơn ba phần tư những người trẻ được khảo sát (77%) trên cả nước cảm thấy giáo dục hiện nay đã được cải thiện so với các thế hệ trước. Tuy nhiên, hai phần ba người trẻ (68%) cho rằng những người cùng trang lứa với họ đang gặp khó khăn trong tìm việc làm đúng ngành học và đúng mong đợi. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục tái sửa đổi chương trình giảng dạy ở trường để đáp ứng nhu cầu của thế kỷ 21 thông qua các kỹ năng giảng dạy như giao tiếp sáng tạo, tư duy phê phán và quản lý thời gian.

Đồng thời, quá trình hội nhập với thế giới đã dẫn đến những biến đổi rõ nét trong xã hội. Cuộc sống của thế hệ trẻ đang được số hóa cao độ, không thể tách rời khỏi Internet và mạng xã hội, trong đó mạng xã hội đóng vai trò chủ chốt trong việc định danh khoảng một phần ba đáp viên trên toàn Việt Nam. Với nhiều người, cuộc sống không có Internet hay mạng xã hội là điều không tưởng: như một đáp viên ở Nghệ An đã nói, “một ngày [không có mạng và mạng xã hội] sẽ dài tựa thế kỷ” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24).

Với sự trao đổi thông tin và giao thương ngày càng nhiều, các giá trị xã hội đang dịch chuyển: bằng chứng từ các nhóm thảo luận cho thấy người Việt trẻ vô cùng tự hào về tình hình bình đẳng giới được cải thiện ở Việt Nam – và cảm thấy háo hức khi xã hội đang ngày càng hiện đại hóa và cởi mở. Khi được khảo sát, bốn phần mười (39%) đáp viên đã xếp bình đẳng giới trong nhóm năm vấn đề ưu tiên hàng đầu của họ. Những đáp viên thuộc cộng đồng LGBTI cũng đã chứng kiến sự nâng cao về kiến thức và

quan điểm của xã hội. Họ lạc quan về tương lai của mình khi Việt Nam đã xóa bỏ lệnh cấm hôn nhân đồng giới, dù vẫn chưa có các lựa chọn pháp lý cho việc kết hợp dân sự đồng giới và họ vẫn quan ngại rằng hôn nhân đồng giới sẽ khó được chấp nhận ở các vùng nông thôn bảo thủ.

Thế hệ trẻ - ít nhất là những người sống ở thành thị - cũng cho thấy họ chuộng các giá trị cá nhân hơn các giá trị tập thể. Điều thú vị là xu hướng này lại không xuất hiện ở các đáp viên từ nông thôn. Cho dù đó là ảnh hưởng bởi tính cá nhân tư bản hay đơn giản chỉ là sự cô đơn mà cuộc sống hiện đại mang lại – vốn được nhiều nhà tâm lý học coi là bệnh lý – vẫn có một sự phân cách rõ ràng giữa thành thị và nông thôn khi xét tới các cảm xúc về tính tập thể và cộng đồng (Cacioppo, Cacioppo, & Capitanio, 2014). Thái độ ủng hộ tính tập thể ở các vùng nông thôn tương quan với thái độ ủng hộ dành cho dịch vụ dân sự và những nhận thức được cải thiện về khả năng phản ứng của chính phủ - cả hai điểm này đều ít thấy hơn ở khu vực thành thị.

Mặc dù lạc quan về tương lai nhưng thế hệ trẻ Việt Nam nhận thức được các thách thức họ và bạn bè đồng trang lứa phải đối diện hàng ngày – cũng như các vấn đề xã hội mà đất nước đang gặp phải. Ở cấp độ cá nhân, họ đầu tư nhiều công sức để kiếm tìm các điều kiện sống, giáo dục tốt hơn và sự ổn định tài chính. Khi nhìn vào chính phủ và xã hội, họ tin rằng các nhà hoạch định chính sách cần ưu tiên xử lý vấn đề tham nhũng, cải thiện môi trường tự nhiên, đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm, và cung cấp cơ hội giáo dục và việc làm tốt. Có hai thái cực khá rõ ràng về việc nên hay không nên lên tiếng mạnh mẽ về các vấn đề hệ trọng, nhất là khi họ ý thức được rằng một cá nhân khó có thể tác động để thay đổi, đặc biệt trong các vấn đề liên quan tới chính phủ hoặc những nhân vật trong bộ máy chính quyền.

Có lẽ hiện trạng này diễn ra vì, mặc dù người Việt trẻ cảm thấy được các cộng đồng địa phương hỗ trợ, nhưng hầu hết các đáp viên đều cảm thấy bị tách biệt khỏi những vấn đề quốc gia lớn hơn. Gần như toàn bộ các đáp viên thảo luận nhóm tập trung đều thấy rằng tiếng nói của họ thường chỉ có bạn bè thân thiết và gia đình, cũng như những người theo dõi họ trên mạng xã hội lắng nghe, chứ không tác động được đến xã hội ở quy mô rộng hơn. Để được lắng nghe, họ chỉ ra rằng, cá nhân cần có chức danh và quyền thế, uy tín theo hình thức nào đó, hoặc phải có tiền. Mỗi ngày, người trẻ đều cảm thấy bản thân mình chẳng có mấy quyền lực tác động tới xã hội, có lẽ chỉ trừ qua mạng xã hội và bạn bè thân hữu. Họ khao khát khả năng được lên tiếng cởi mở về những vấn đề trong xã hội: họ muốn có tiếng nói. Và, hơn thế, họ muốn thấy những hành động cụ thể được thực hiện để đáp lại tiếng nói ấy. Họ muốn được lắng nghe.

Để đáp ứng khát vọng được lắng nghe ấy, trong các buổi thảo luận đánh giá cuối cùng, các đáp viên trẻ đã chiêm nghiệm các kết quả của nghiên cứu này và lập danh sách các mục tiêu và khuyến nghị cho Việt Nam.

Với thế hệ trẻ, một Việt Nam lý tưởng ở tương lai sẽ:

- Không còn hộ nghèo
- Đảm bảo giáo dục cho tất cả người dân, bao gồm cả khu vực nông thôn và miền núi
- Người dân được sống một cuộc sống yên bình, không hỗn loạn
- Giới trẻ có nhiều cơ hội tiếp cận và học hỏi các công nghệ tiên tiến
- Cơ sở hạ tầng hiện đại và toàn dân đều được sử dụng
- Phát triển bền vững cho cả con người và môi trường
- Chính sách nhà nước minh bạch
- Có chính sách để bảo vệ người lao động, quyền con người, và môi trường tự nhiên.

Những khuyến nghị tiêu biểu

Các đáp viên trẻ cũng đưa ra những đề xuất cụ thể cho việc xử lý các vấn đề nhức nhối nhất được nêu trong khảo sát toàn quốc, thảo luận nhóm tập trung, và phỏng vấn. Tất cả khuyến nghị được nêu ở cuối báo cáo này.

Để chống tham nhũng, các đáp viên đã đề xuất:

1. Gia tăng thực thi luật phòng chống tham nhũng và tiếp tục đẩy mạnh các nỗ lực chống tham nhũng
2. Tăng lương cho cán bộ ở các vị trí thấp hơn trong khối công
3. Tiến hành giao dịch minh bạch dựa trên nền tảng công nghệ, có hóa đơn và thực hiện thanh toán điện tử khi áp dụng các mức phạt và thu phí để đảm bảo rằng công dân biết tiền của mình đã được chuyển đi đâu.

Để sự tham gia chính trị được tốt hơn và tiếng nói của mình được lắng nghe hơn, các đáp viên đề xuất:

1. Mở rộng khả năng bỏ phiếu về các quy định bổ sung về các vấn đề địa phương trong thị trấn hoặc xã của họ
2. Tiếp tục tạo ra các nền tảng để hiện thực hóa quyền con người và tạo ra các không gian để lắng nghe tiếng nói của nhiều người hơn về xây dựng chính sách qua các diễn đàn trực tuyến và trực tiếp
3. Tìm kiếm các phương pháp hiệu quả để hỗ trợ và giải quyết các thủ tục hành chính nhanh hơn.

Để bảo vệ môi trường tự nhiên, các đáp viên đề xuất:

1. Đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch như ô tô điện và xe máy điện
2. Khuyến khích các chiến dịch giáo dục để bảo vệ môi trường, ví dụ như nhiều chiến dịch trồng cây rộng khắp, trên toàn quốc hơn

3. Đảm bảo các yêu cầu quy định về nước thải, vệ sinh và môi trường phải được cả người tiêu dùng và doanh nghiệp thực thi triệt để
4. Cung cấp thêm cho người dân các lựa chọn về rác và tái chế.

Để góp phần cải thiện bình đẳng giới, các đáp viên đề xuất:

1. Tạo ra những diễn đàn an toàn cho phụ nữ trẻ thể hiện ý tưởng của họ, nơi mà mọi người có thể mạnh dạn và không e ngại nói ra những ý tưởng quyết liệt
2. Mang lại phúc lợi tốt hơn và nơi trú ngụ cho những nạn nhân bị bạo hành tình dục và bạo hành trên cơ sở giới
3. Thực thi các chính sách cung cấp nơi trú ngụ và chăm sóc cho con của những nạn nhân, đặc biệt là những người đang sống tại nơi tạm trú.

Cuối cùng, để cải thiện nền kinh tế và tinh thần khởi nghiệp, các đáp viên đề xuất:

1. Xây dựng và công khai danh sách những điều các doanh nghiệp khởi nghiệp cần làm để tuân thủ các quy định hành chính từ giai đoạn hình thành tới giai đoạn thực hiện
2. Cải thiện các chỉ dẫn hành chính và hướng dẫn thuế cho doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp xã hội, có thể thông qua một cổng thông tin điện tử rõ ràng cho mọi chính sách về thuế
3. Hỗ trợ tiếp cận vốn qua các khoản vay chính thức hoặc các quỹ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và khởi nghiệp để tạo điều kiện thành lập doanh nghiệp mới.

> Chương 1:

Bối cảnh: Các bước chuyển mình và nghiên cứu hiện tại

Việt Nam đã và đang phát triển vượt bậc về kinh tế cũng như có các chuyển biến xã hội liên quan trong suốt ba thập kỷ qua. Theo Ngân hàng Thế giới, sự phát triển và chuyển biến này trước hết đến từ chính sách Đổi mới năm 1986 nhằm chuyển đổi Việt Nam sang “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh của những năm 1980, Việt Nam đã đối mặt với nền kinh tế trì trệ và sáng kiến Đổi mới đã được đưa ra ở nửa sau thập kỷ. Kết quả là, Việt Nam chuyển hướng sang nền kinh tế thị trường với các chính sách mới, như các quy trình pháp lý thành lập doanh nghiệp mới, gia tăng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp, và các hiệp định thương mại. Các cải cách còn bao gồm phi tập trung hóa sản xuất nông nghiệp, tự do hóa kinh tế, tăng thương mại và đầu tư nước ngoài, và tăng sở hữu tư nhân – nói cách khác, tự do hóa thị trường (King và cộng sự, 2008, tr. 783-813). Chính nhờ tầm nhìn tự do hóa và thực tiễn này, Việt Nam đã ngày càng có tính cạnh tranh hơn trong nền kinh tế toàn cầu.

Nhờ chính sách Đổi mới, Việt Nam đã gặt hái được những thành quả vượt bậc về phát triển kinh tế và toàn cầu hóa – chuyển dịch môi trường kinh tế - xã hội của Việt Nam (Turner & Nguyễn, 2005, tr. 1693-1710). Sự phát triển này vẫn tiếp tục cho đến tận ngày nay, Việt Nam từ một trong những quốc gia có mức thu nhập thấp nhất thế giới, trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp với tỉ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình dao động từ 5 tới 7%/năm (Dữ liệu Quốc gia Ngân hàng Thế giới, 2018; Thư viện Ban nghiên cứu Quốc hội Liên bang Hoa Kỳ, 2005).

Các cải cách cũng đã thay đổi chế độ bao cấp của nhà nước. Chính phủ xóa bỏ bao cấp cho giáo dục, tuyển dụng, và y tế, dẫn đến sự gia tăng tỉ lệ nghèo tuyệt đối đi cùng sự bất bình đẳng (King và cộng sự, 2008, tr. 783-813; Hayden và cộng sự, 2017, tr. 232-249). Cả hai đều được cho là các nguyên nhân chính dẫn đến việc di cư nội địa của người trẻ nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm tại thành thị (King và cộng sự, 2008, tr. 783-813; Rushing, tháng Mười hai năm 2006, tr. 471-494; Boothroyd và Phạm, 2000, được dẫn trong Nguyễn, 2015, tr. 172-194). Theo Hệ số Gini, phương pháp đo lường độ bất bình đẳng trong thu nhập – số liệu càng thấp thì mức độ bình đẳng càng cao, hệ số của Việt Nam tăng từ 35,7 trong năm 1992 lên 38,7 trong năm 2012 (Ngân hàng Phát triển châu Á, 2017). Trong khi đó, Oxfam ghi nhận rằng, số liệu hệ số Gini của Ngân hàng Thế giới có thể vẫn còn đánh giá thấp tình hình thực tế ở Việt Nam do những người giàu nhất có xu hướng khai báo thu nhập thấp hơn thực tế và ít khảo sát hộ gia đình tiếp cận được đối tượng này. Oxfam (2017) đã tính toán rằng thu nhập một ngày của người giàu nhất Việt Nam còn nhiều hơn thu nhập trong 10 năm ròng của người nghèo nhất Việt Nam.

Quan điểm nhân khẩu học của Việt Nam cũng có sự chuyển dịch lớn trong ba thập kỷ qua. Dân số 97 triệu người hiện tại (tính đến năm 2018) cho thấy sự tăng trưởng đáng kể từ con số hơn 60 triệu dân vào năm 1986. Trong các văn bản chính thức, Chính phủ Việt Nam định nghĩa “thanh niên” là những người trong độ tuổi 16–30, như nêu trong Luật Thanh niên 2005 (Bộ Nội vụ Việt Nam, 2012). Dân số thuộc độ tuổi 15–29 chiếm khoảng 25% dân số cả nước, theo điều tra dân số 2017, và là nhóm đông nhất của dân số trẻ tại Việt Nam

(Trung tâm Phát triển OECD, 2017). Tổ chức Minh bạch Thế giới (TI) (2014) ước tính rằng, nếu tính thêm nhóm trẻ em thì dân số dưới 30 tuổi ở Việt Nam chiếm tới hơn nửa số dân.

Việt Nam đầu tư rất nhiều vào lực lượng thanh niên. Điều này được thể hiện qua hàng loạt chương trình phát triển thanh niên được ban hành bởi tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ và tại tất cả tỉnh thành trên cả nước, mà cơ sở chính là Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Chiến lược định nghĩa người trẻ là những công dân trong nhóm tuổi 16 tới 30 này được phát triển nhằm:

Xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có đạo đức cách mạng, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa; có trình độ học vấn, nghề nghiệp và việc làm; có văn hóa, sức khỏe, kỹ năng sống và ý chí vươn lên; xung kích, sáng tạo làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến; hình thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bộ Nội vụ Việt Nam, 2012, Bản dịch UNFPA, tr.16

Trên mặt trận này, giáo dục Việt Nam đã cải thiện rõ rệt trên một số lĩnh vực. Đánh giá PISA về Toán và Khoa học năm 2018 cho thấy Việt Nam vượt trội hơn nhiều quốc gia phát triển như Anh và Mỹ (Trung tâm Phát triển Toàn cầu, 2018).

Tỉ lệ nhập học cũng tăng theo thời gian. Tỉ lệ nhập học chung của bậc đại học tăng đột biến từ ~3% trong năm 1990 lên tới ~28% vào năm 2016 (Ngân hàng Thế giới, 2019).

Về khía cạnh việc làm, với nền kinh tế ngày càng cởi mở, môi trường quản lý ngày một thông thoáng, Việt Nam đã thu hút lượng lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Thành tựu này chủ yếu là nhờ Luật Đầu tư nước ngoài ban hành năm 1987, sửa đổi năm 1996 thành Luật 67 và sửa đổi năm 2014 thành Luật Đầu tư (Collins, được dẫn trong Xhu & Benson, 2005, tr. 176 -194). Tuy nhiên, cung và cầu ở nhiều khối vẫn chưa tương xứng. Các đánh giá đã chỉ ra rằng người trẻ ở Việt Nam không có đủ thông tin về thị trường lao động để đưa ra những lựa chọn giáo dục và nghề nghiệp phù hợp. Cùng với tâm lý thích học đại học thay vì học nghề hoặc các hình thức giáo dục phi chính quy, các doanh nghiệp phải đối mặt với thiếu hụt kỹ năng cần được bù đắp thông qua đào tạo tại chỗ hoặc qua các nỗ lực bổ sung (Hội đồng Anh, đd: Trung tâm Phát triển OECD, 2017).

Về mặt văn hóa, chính sách Đổi mới, sự tự do hóa và toàn cầu hóa đều đã góp phần định hình những thay đổi trong đời sống văn hóa và xã hội của Việt Nam. Các nhà quan sát đã nhận xét rằng thế hệ trẻ Việt Nam đang dần áp dụng tư tưởng Tây hóa. Điều này cho thấy sự chuyển dịch trọng tâm mang tính thế hệ, về mặt tổng thể, từ tính tập thể sang nhiều tính cá nhân hơn (Nguyễn, tr. 172-194). Nhiều học giả cho rằng giới trẻ Việt Nam hiện đang ưu tiên hướng phát triển trở thành những người có trình độ học vấn cao đồng thời nỗ lực đạt được các mục tiêu cá nhân và sự nghiệp trước khi thực hiện các trách nhiệm về hôn nhân và gia đình (King và cộng sự, 2008, tr. 783-813; Tambyah và cộng sự, tr. 175-187). Mạng lưới quan hệ cá nhân có sức ảnh hưởng là yếu tố quan trọng trong khi việc kiếm được nhiều tiền hơn và tích lũy của cải, tiêu thụ tin tức cập nhật và các sản phẩm văn hóa trực tuyến đã trở thành – với các quan sát viên bên ngoài – dấu ấn của thế hệ trẻ. Trước Đổi mới, sự hòa thuận trong gia đình được coi trọng hơn những theo đuổi của cá nhân, nhưng

điều đó giờ đây đang thay đổi. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hoài nghi rằng thế hệ trẻ sẽ vẫn có “sự phụ thuộc liên thế hệ”, và bởi vì điều này nên người trẻ có xu hướng đưa ra những quyết định trọng đại trong đời theo ý kiến của cha mẹ (Tổ chức Lao động Quốc tế, 2015).

Những khoảng trống quan trọng trong nghiên cứu hiện tại

Thành công của chính sách Đổi mới đã là trọng tâm của lí luận và các xuất bản phẩm về Việt Nam. Nhiều nghiên cứu đi theo hướng ghi nhận cách chính sách Đổi mới đã dẫn lối cho sự chuyển biến kinh tế xã hội của Việt Nam, và từ đó tác động tới vô số các khía cạnh đời sống của đất nước. Tuy nhiên, những minh họa về Đổi mới và cách đường lối này thay đổi quỹ đạo của một thế hệ người Việt Nam mới thường tập trung vào những khía cạnh đời sống cụ thể - ví dụ, giáo dục, việc làm, và các giá trị, hơn là nhìn vào các trải nghiệm thế hệ một cách bao quát.

Mặc dù đã phát triển sau Đổi mới nhưng Việt Nam vẫn đối diện với những thách thức mới cũng như đón chào những vận hội mới. Các nghiên cứu về sự tăng trưởng gần đây tại Việt Nam đang dần nổi lên trong giới học thuật và giới hoạch định chính sách – chủ yếu là về các phân tích kinh tế và chính trị. Tuy nhiên, rất hiếm có các lí luận đánh giá những thay đổi ấy liên quan như thế nào tới đời sống của thế hệ trẻ tại Việt Nam.

Đa số các nghiên cứu về thanh niên Việt Nam trước đây, trừ các báo cáo Chính phủ như Tổng điều tra dân số 2019 hoặc Báo cáo về Thanh niên Việt Nam (2015–2018), chủ yếu phân tích dựa trên số liệu thứ cấp và sử dụng hướng tiếp cận định tính với tập mẫu nhỏ. Tuy những cách này cho phép đào sâu tìm hiểu nhưng chúng không mang tính đại diện. Theo dữ liệu điều tra dân số, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã đưa ra các nhóm dữ liệu thường xuyên. Tuy nhiên, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam

mới nhất được công bố đã là từ năm 2009 và cũng chỉ có các con số sơ bộ công bố cho cộng đồng.

Chưa có một nghiên cứu nào trước đây tìm hiểu về khát vọng và quan điểm của người trẻ toàn Việt Nam. Như Bộ Nội vụ Việt Nam và UNFPA lưu ý, “hiện nay không có khảo sát quốc gia toàn diện nào cho mọi vấn đề liên quan đến người trẻ” (2019, tr.4). Nghiên cứu này mong muốn bù lấp khoảng trống ấy. Để làm được việc này, chúng tôi sử dụng phương pháp hỗn hợp, đầu tiên là các buổi tham vấn với hơn 20 chuyên gia nghiên cứu. Từ những thông tin của các chuyên gia, chúng tôi tiến hành khảo sát đại diện toàn quốc ở quy mô lớn (n=1.200) (chi tiết ở phần phụ lục về phương pháp luận). Tiếp đó, chúng tôi tổ chức thảo luận nhóm tập trung với hơn 100 người trẻ trên cả nước từ Bắc chí Nam, theo các khu vực thành thị khác nhau. Chúng tôi cũng thực hiện phỏng vấn sâu (n=20) với người trẻ có xuất thân đa dạng nhằm có được cái nhìn rộng về dân số trẻ đa dạng và gây nhiều cảm hứng. Cuối cùng, chúng tôi tổ chức các thảo luận đánh giá với các nhóm thanh niên ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để đánh giá và phản biện những kết quả nghiên cứu - cùng với các thành viên của ban cố vấn.

Nghiên cứu Thế hệ trẻ Việt Nam đánh giá dữ liệu thu được từ những phương pháp này một cách đa diện, bao hàm các quan điểm và nhận thức đang thay đổi của người trẻ về gia đình, giáo dục, việc làm, đời sống xã hội, các vấn đề ưu tiên, và quan hệ quốc tế. Nghiên cứu chốt lại bằng việc thảo luận nhận thức của những người trẻ về tương lai của mình – tương lai của Việt Nam. Chúng tôi mong muốn khắc họa trung thực cuộc sống của thế hệ trẻ Việt Nam, như những gì nhóm nghiên cứu của chúng tôi được chia sẻ, giữa những thay đổi kinh tế xã hội vẫn đang tiếp tục thôi thúc sự tăng trưởng sôi động của Việt Nam đương đại.





> Chương 2: Phương pháp luận

Nghiên cứu Hệ trẻ Việt Nam sử dụng các phương pháp luận và kĩ thuật thu thập dữ liệu đa dạng, trong đó có bốn giai đoạn thu thập và phân tích dữ liệu. Mục tiêu chính của nghiên cứu là:

- Tìm hiểu bản chất, trải nghiệm, nhu cầu, thái độ và khát vọng của những người trẻ (16–30 tuổi) ở Việt Nam năm 2019
- Nhấn mạnh các khoảng cách và cơ hội cho những người trẻ có tiếng nói mạnh mẽ hơn và được kết nối với các nhà hoạch định chính sách, cũng như nêu bật những cách làm hiệu quả nhất
- Khuyến nghị với các nhà hoạch định chính sách cùng các bên liên quan chủ chốt những cách thức nhằm cải thiện các điều kiện dành cho người trẻ và sự gắn kết với họ.

Giai đoạn đầu gồm các buổi họp khởi động, xây dựng ban chỉ đạo cố vấn, phỏng vấn các bên liên quan, trình bày tổng quan lý thuyết, và phân tích truyền thông cơ sở để đặt nền móng cho dự án và quá trình thu thập dữ liệu sau này với người Việt trẻ.

Giai đoạn hai là nghiên cứu định lượng: khảo sát trực tiếp (mặt đối mặt) trên toàn quốc để thu thập được dữ liệu tốt, vì nếu chỉ sử dụng các chiến lược tuyển đáp viên trực tuyến thì sẽ khó đạt được tính đại diện trên phạm vi cả nước. Công cụ khảo sát gồm 35 câu hỏi được Hội đồng Anh tại Việt Nam và ban chỉ đạo cố vấn thiết kế dựa trên kết quả từ giai đoạn một, nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp trong bối cảnh Việt Nam. Cuộc khảo sát trực diện toàn quốc được thực hiện với 1.200 đáp viên trên cả nước thuộc nhóm tuổi 16–30.

Tập mẫu được tạo bằng phương pháp lấy mẫu đa giai đoạn phân tầng. Chúng tôi chia Việt Nam thành sáu khu vực hành chính. Chúng tôi xây dựng một bộ tiêu chí mềm (giới, nhóm tuổi và thu nhập hộ gia đình) để đảm bảo mọi phân khúc dân số tại Việt Nam đều được đại diện. Do hạn chế về ngân sách và nghiên cứu, với mỗi vùng, chúng tôi chọn ra hai tỉnh, cùng với Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, để thực hiện phỏng vấn ở cả thành thị và nông thôn theo bảng dưới đây (khung mẫu đầy đủ có trong Phụ lục):

Giai đoạn ba chuyển sang hướng tiếp cận định tính, gồm thảo luận nhóm tập trung (thảo luận nhóm n=18, người tham gia n=108) từ dân số trẻ đại trà. Tiếp theo là phỏng vấn sâu (n=20) sử dụng phương pháp lấy mẫu có mục đích với những người trẻ có những hoàn cảnh đặc biệt mà có thể không được tiếp cận bằng phương pháp lấy mẫu đại trà. Những cách lấy mẫu này cho phép thu được dữ liệu xác tín, bối cảnh hóa được các kết quả của giai đoạn định lượng, và hiểu được sâu sắc hơn cuộc sống của giới trẻ có hoàn cảnh đặc biệt mà khảo sát định lượng không bao quát được.

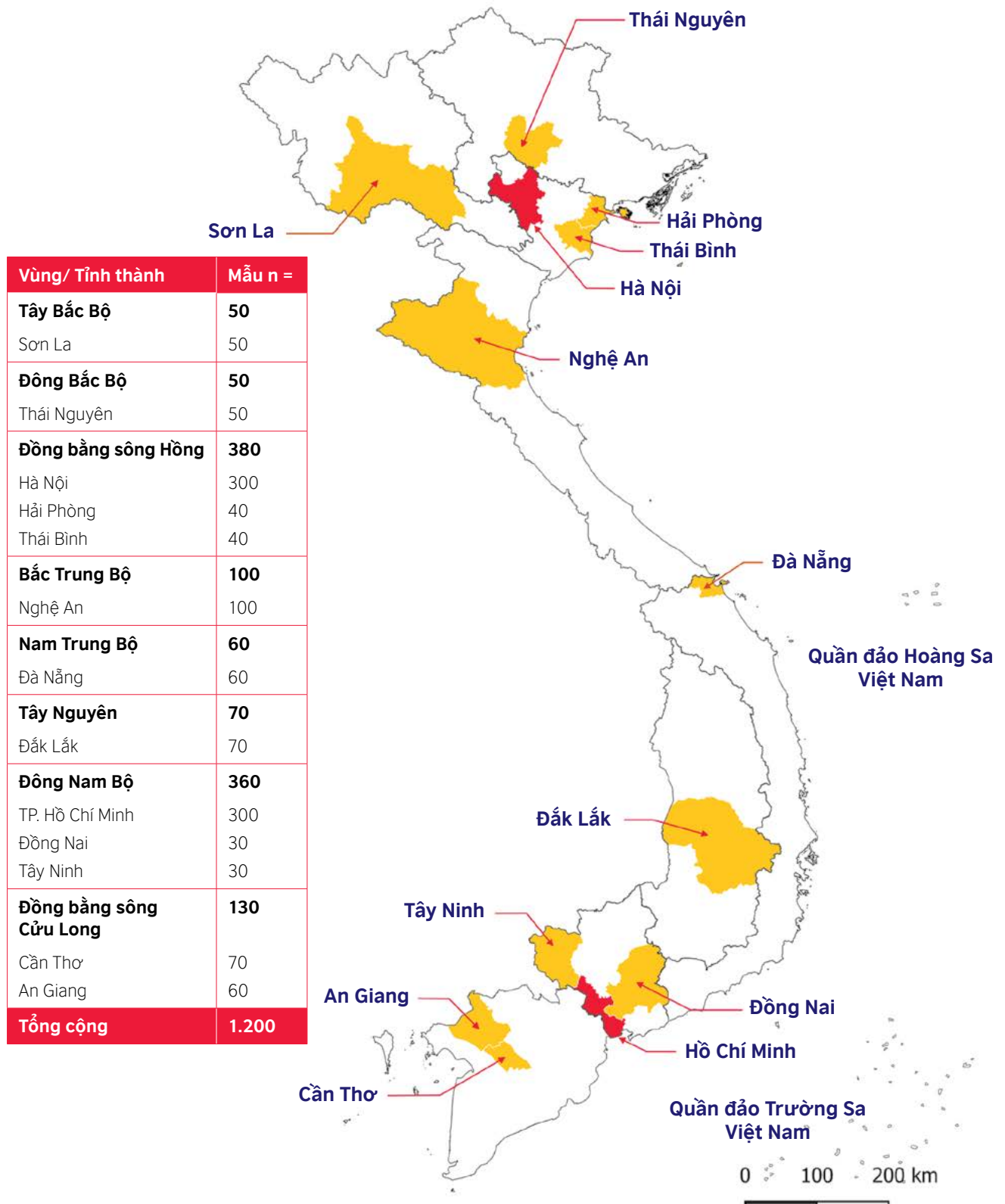
Giai đoạn này được tiến hành tại sáu địa điểm khác nhau ở khu vực nội đô và ven đô của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, và hai tỉnh khác. Các phỏng vấn sâu cũng được thực hiện ở hai tỉnh khác nhằm tiếp cận những đáp viên trẻ là người dân tộc thiểu số.

Giai đoạn cuối cùng – thứ tư là giai đoạn phân tích các dữ liệu đã thu thập và xác minh phân tích. Cuối cùng, hoạt động tư vấn và hội thảo đánh giá được triển khai với Hội đồng Anh tại Việt Nam và ban cố vấn. Hai nhóm thảo luận kiểm chứng với người trẻ và thảo luận sâu với doanh nhân trẻ đã được thực hiện bổ sung do nghiên cứu nhận thấy sự quan tâm lớn đến tinh thần khởi nghiệp. Những hoạt động này được thực hiện để kiểm chứng các kết quả sơ bộ và định hình các khuyến nghị theo những người có ý kiến quan trọng nhất trong nghiên cứu này - hệ trẻ Việt Nam.

Phương pháp chi tiết được nêu trong Phụ lục 1.

Bảng 1: Khung mẫu

Cỡ mẫu	n=1.200
Giới	50% nam – 50% nữ
Tuổi	16–30 tuổi – đại diện toàn quốc theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)
Thu nhập	15.000.000 đồng trở lên 7.500.000–14.999.999 đồng 4.500.000–7.499.999 đồng 3.000.000–4.499.999 đồng 1.500.000–2.999.999 đồng 0–1.499.999 đồng
Các tỉnh thành	Thái Nguyên, Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nghệ An, Đà Nẵng, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Cần Thơ, An Giang



> Chương 3:

Đời sống và liên kết xã hội

Cuộc sống gia đình

Cha mẹ

Người Việt trẻ vô cùng gắn bó với gia đình. Theo cuộc khảo sát đại diện trên toàn quốc của chúng tôi, ba phần tư (75%) đáp viên cho biết gia đình là yếu tố căn bản định hình nên con người họ, và bốn phần năm (80%) số người cho rằng chỉ ít thì gia đình cũng là một yếu tố chi phối quá trình tự định danh. Lòng hiếu thảo vẫn là một giá trị thiết yếu đối với giới trẻ Việt Nam và họ đề cao sự kính trọng đối với cha mẹ. Tám phần mười (80%) người được khảo sát đồng ý rằng họ cảm thấy bố mẹ mình nhìn chung là đúng – vì bố mẹ thường có nhiều kinh nghiệm hơn. Nghiên cứu hiện tại lưu ý rằng, chính vì tuân theo các giá trị Khổng giáo nên người Việt trẻ thường phải đối diện với áp lực lớn khi muốn tự đưa ra quyết định và hành động theo những quyết định đó (Rushing, 2006, tr. 471-494; Valentin, 2007, tr. 299-315; Tổ chức Lao động Quốc tế, 2015). Mặt khác, cha mẹ thường cảm thấy cần phải bảo vệ con cái, và coi đó là cách thể hiện tình yêu thương. Cùng với các phát hiện trên, nhưng người trẻ đã kết hôn sẽ ưu tiên gia đình riêng của mình khi đưa ra các quyết định của cuộc đời. Trong các thảo luận nhóm tập trung, các đáp viên, bất kể các yếu tố nhân khẩu học như sống ở thành thị hay nông thôn, tuổi tác, nhóm dân tộc hay giới tính, đều cảm thấy rằng cha mẹ là những người đầu tiên họ liên lạc để xin lời khuyên về các vấn đề khó khăn: “Chúng tôi chịu ảnh hưởng của gia đình vì... cha mẹ vẫn luôn muốn điều tốt nhất cho chúng tôi. Chúng tôi không muốn làm cha mẹ thất vọng” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô TP. Hồ Chí Minh).

Trong khi tám phần mười (79%) người được khảo sát cho biết họ coi trọng lời khuyên của cha mẹ, ba phần tư (75%) đáp viên cũng cảm thấy được tạo điều kiện “để tự đặt ra nguyên tắc sống cho cuộc đời mình”, thể hiện ý thức độc lập và tự chủ đang tăng dần trong thế hệ

tương lai. Về định tính, các đáp viên cảm thấy “hiện tại, cha mẹ không can thiệp nhiều như trước. Họ cho chúng tôi [con cái] nhiều quyền tự quyết hơn” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Nghệ An).

Công việc và gia đình

Khoảng bốn phần mười người trẻ cảm thấy cảm thấy áp lực khi phải theo đuổi các hình thức học tập (38%) và công việc (40%) mà gia đình ưa thích. Rõ ràng, trong khi thảo luận nhóm tập trung, các đáp viên bày tỏ rằng cha mẹ họ tham gia vào các quyết định giáo dục của con cái, nhưng có nhiều người ở thành thị hoặc ven đô cảm thấy cởi mở với việc tự lựa chọn hơn so với các đáp viên ở nông thôn. Phát hiện định tính này trái ngược với dữ liệu khảo sát vốn cho thấy ít có sự phân chia rõ rệt giữa thành thị - nông thôn:

Khi chọn trường đại học, em phải hỏi ý kiến ba mẹ để xem liệu ba mẹ có đủ tiền cho em đi học ở trường đó hay không.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Trong khi đó, tình trạng tài chính và cơ hội việc làm với thu nhập tốt luôn được nêu lên trước tiên khi nói tới các quyết định của cha mẹ về con đường học vấn của con cái. Giới trẻ cảm thấy rằng cha mẹ sẽ có tầm nhìn rõ ràng về hướng xây dựng sự nghiệp của các con. Những đáp viên trong thảo luận nhóm tập trung chia sẻ rằng cha mẹ và quan hệ họ hàng có ảnh hưởng lớn tới các quyết định của họ. Do cuộc sống gia đình được đề cao, nhất là ở các vùng nông thôn, nên việc làm ở gần nhà đặc biệt được ưa chuộng:

Khi tôi tốt nghiệp đại học, nhờ gia đình mà tôi có được vị trí ở công ty này, dù đây không phải là ngành tôi học. Thật may là sau khi bắt đầu đi làm thì tôi phát hiện ra nó hợp với năng lực của mình.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh

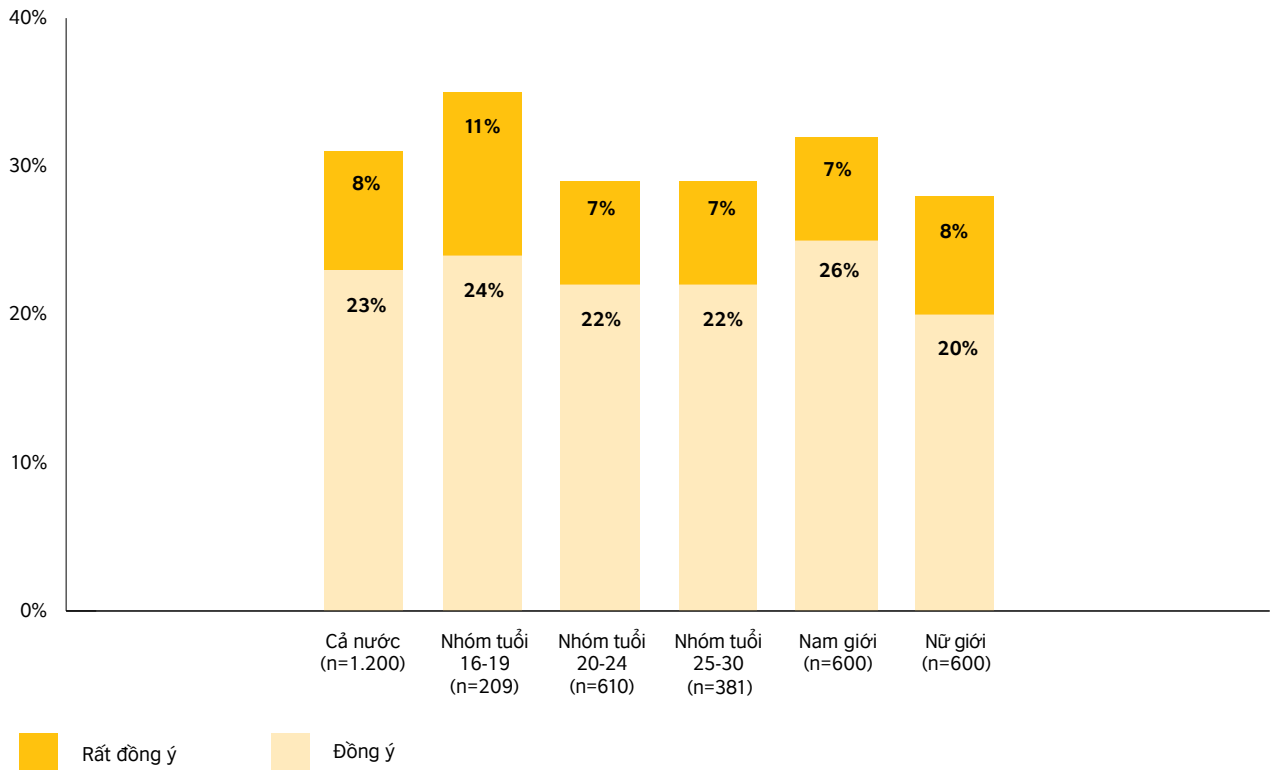
Về sự cân bằng giữa gia đình và công việc, số người trẻ ưu tiên gia đình hơn sự nghiệp nhiều hơn một chút – nhưng nhiều người lựa chọn sự nghiệp hoặc vẫn đang băn khoăn. Khi được hỏi rằng liệu thành công trong sự nghiệp có quan trọng hơn gia đình không, chỉ có ba phần mười (30%) người đồng ý và bốn phần mười (43%) không đồng ý. Một phần tư (25%) trung lập. Kết quả này thay đổi nhẹ giữa các nhóm tuổi: những người lớn tuổi hơn sẽ ít coi trọng sự nghiệp hơn: 28% nhóm 24–30 tuổi chọn sự nghiệp, so với 33% nhóm tuổi 16–19. Nữ giới (28%) cũng ít có khả năng đặt sự nghiệp trên gia đình hơn so với nam giới (33%). Một nữ đáp viên nói rằng: “Tôi sẽ chỉ nghĩ tới chuyện kết hôn khi tôi tốt nghiệp và có sự nghiệp ổn định” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, TP. Hồ Chí Minh).

Tương tự, trong các thảo luận nhóm tập trung, các đáp viên đã kết hôn và các bố mẹ trẻ nhấn mạnh rằng gia đình luôn tác động tới mọi quyết định của họ. Ví dụ, giờ và lịch trình làm việc luôn được cân nhắc kỹ lưỡng khi chọn lựa công việc để có thời gian dành cho gia đình. Giống như những người đồng trang lứa trên thế giới, nhiều người Việt trẻ sẵn sàng làm việc kiếm được ít tiền hoặc những công việc mà họ không đặc biệt thích để có thời gian cho gia đình. Công nghệ mới cũng tạo điều kiện linh hoạt về chuyên môn để làm việc từ xa và được ở bên gia đình mà không cần hi sinh công việc:

Vì có gia đình và con nhỏ nên tôi không muốn bị áp lực về thời gian. Tôi vẫn có thể làm việc ở nhà – giờ là thời đại 4.0 rồi.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang

Biểu đồ 1: Tỷ lệ đồng ý với tuyên bố “Với tôi, thành công trong sự nghiệp quan trọng hơn là xây dựng gia đình” theo độ tuổi và giới tính.



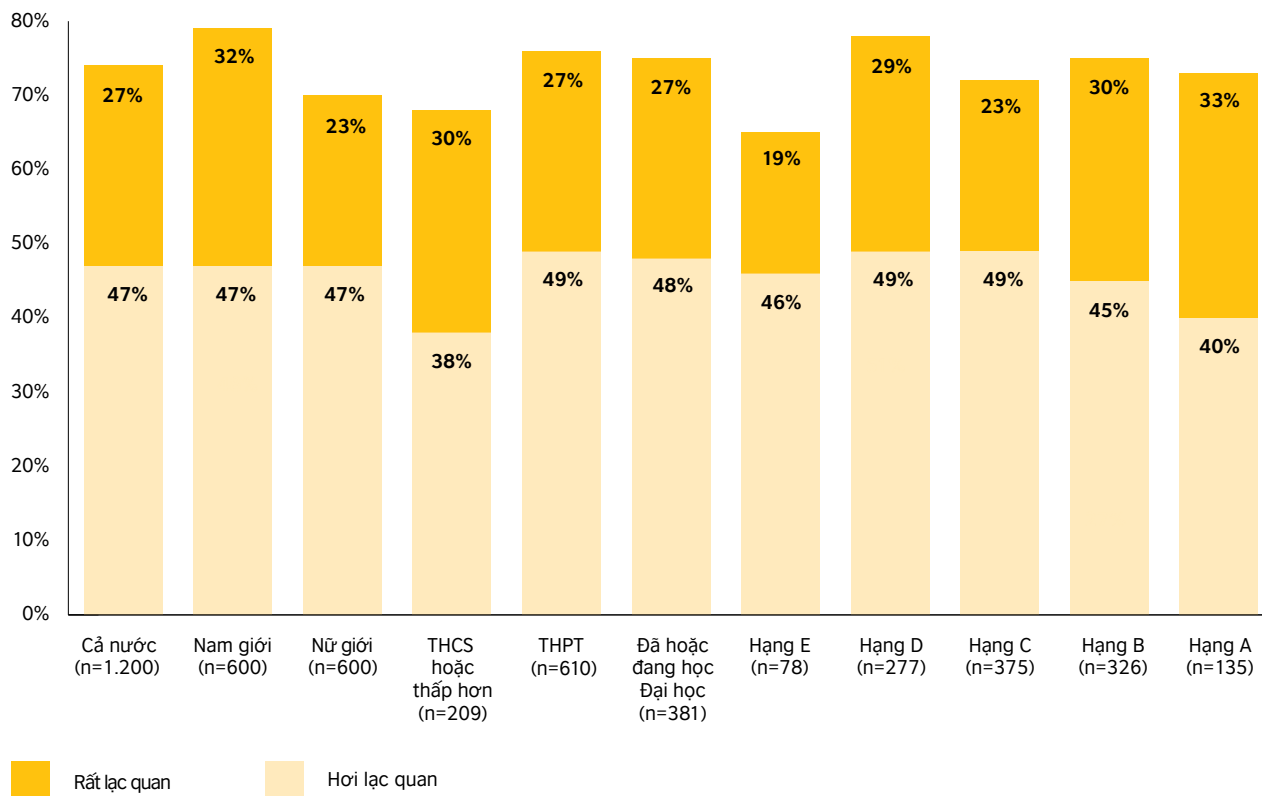
Xây dựng gia đình

Hầu hết người trẻ đều lạc quan về khả năng xây dựng và chăm lo gia đình của mình. Ba phần tư (74%) đáp viên lạc quan rằng họ sẽ có thể lo cho gia đình. Nam giới (77%) lạc quan hơn nữ giới (70%); những người có trình độ học vấn cao hơn cũng lạc quan hơn – 76% người tốt nghiệp cấp ba trở lên so với 68% người chỉ tốt nghiệp cấp hai hoặc thấp hơn. Bất kể giới và trình độ học vấn, khi bàn về thời điểm tốt nhất để kết hôn: người trẻ tham gia thảo luận nhóm trên cả nước nhìn chung đều cảm thấy

25–30 tuổi là vừa. Khi được hỏi vì sao, các đáp viên nói rằng tầm 25–30 tuổi đã đủ trưởng thành để chăm lo cho tương lai của gia đình, đã có thời gian đi làm, đạt được mức độ ổn định về tài chính và có kinh nghiệm sống trước khi kết hôn. Theo quan điểm chung của các đáp viên thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, hôn nhân sắp đặt ít phổ biến hơn so với các thế hệ trước. Nữ giới trong thảo luận nhóm bày tỏ rằng họ không còn gặp áp lực phải vội vã kết hôn. Họ cảm thấy sở dĩ có điều này là vì phụ nữ đang ngày càng độc lập hơn về tài

chính, cho thấy bình đẳng giới ở Việt Nam được cải thiện. Nói như một nữ đáp viên trẻ tuổi, “trước khi kết hôn, em muốn có một khoảng thời gian sau khi tốt nghiệp để trải nghiệm cảm giác là một người trẻ, làm những gì em thích.” (Nữ giới thảo luận nhóm, nhóm tuổi 16–19, TP. Hồ Chí Minh).

Biểu đồ 2: Những đáp viên cảm thấy rất hoặc hơi lạc quan về những kỳ vọng trong tương lai của việc xây dựng gia đình theo giới tính, giáo dục và tình trạng kinh tế xã hội.



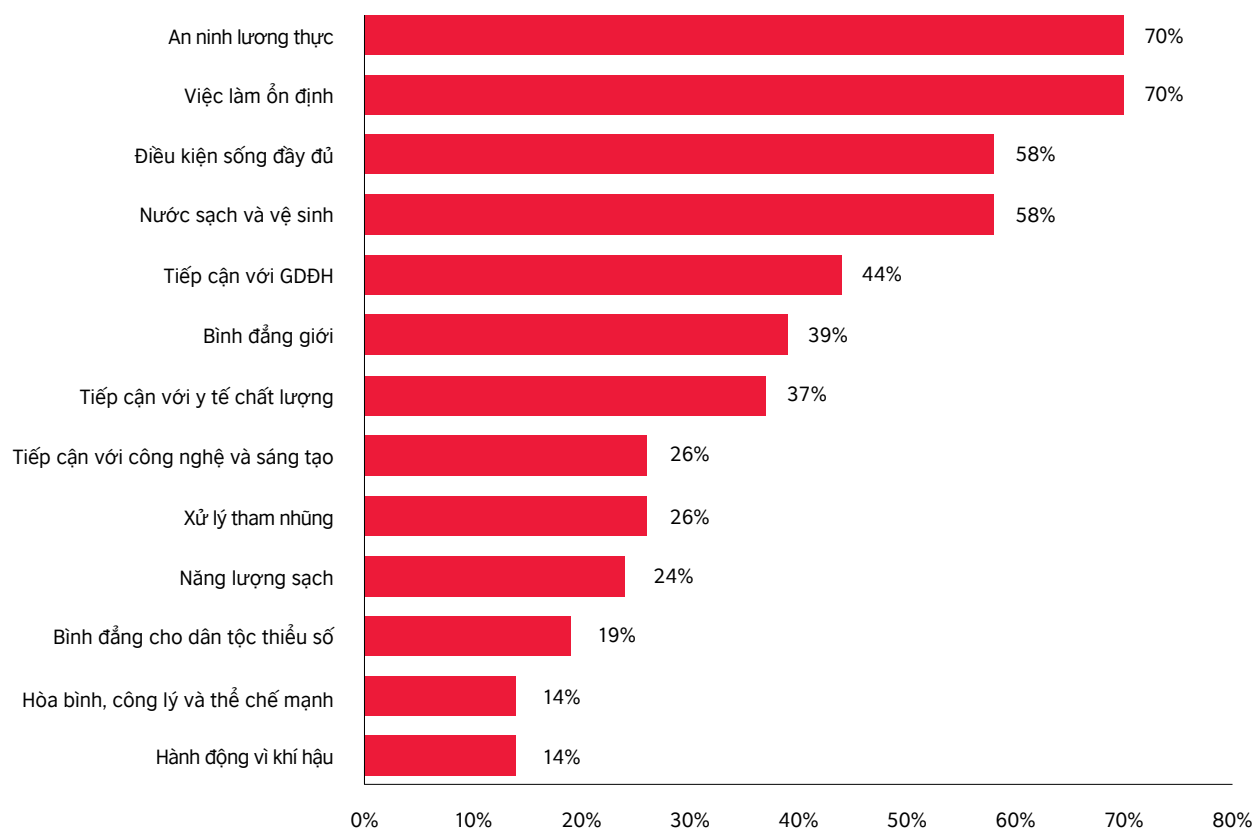
Nhìn chung, đáp viên trong thảo luận nhóm cho thấy mong muốn có con đầu lòng ngay sau khi kết hôn hoặc trong vòng một năm sau đó. Vào thời cha mẹ họ, chuyện kết hôn và có con sớm là bình thường, nhưng hiện tại, thế hệ trẻ không bị bó buộc bởi ý tưởng rằng gia đình cần phải có nhiều con để chăm lo cho cha mẹ. Thay vào đó, thế hệ này quan tâm tới chi phí nuôi dưỡng con và – nhìn chung – cảm thấy rằng việc phá thai đã được xã hội Việt Nam chấp nhận. Như một đáp viên chia sẻ: “Ngày xưa, khi bạn có bầu, bạn sẽ giữ đứa bé. Nhưng giờ người ta có thể quyết định giữ hay không tùy theo khả năng tài chính của họ hoặc cha mẹ họ. Đó là lí do vì sao tỉ lệ phá thai hiện nay lại cao.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Thanh Trì).

Các vấn đề xã hội

Các vấn đề xã hội luôn thường trực trong tâm trí thế hệ trẻ, nhất là với những người đến từ miền Nam và TP. Hồ Chí Minh. Nhìn chung, các lo lắng xoay quanh tình trạng suy thoái đạo đức ở Việt Nam và được các nhóm thảo luận nhắc tới với các ví dụ như tình trạng sử dụng ma túy gia tăng, tội phạm và bạo lực địa phương. Đối với một đáp viên từ TP. Hồ Chí Minh, “kinh tế đang phát triển, người ta có nhiều cơ hội hơn và chất lượng cuộc sống được cải thiện. Nhưng điều đó cũng dẫn đến nhiều vấn đề hơn cho xã hội. Người ta chịu nhiều áp lực hơn trong cuộc sống, nhiều tệ nạn xã hội nảy sinh hơn” (thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30). Trong khi đó, đáp viên của điều tra bày tỏ rằng xã hội Việt nam đang đối diện với suy thoái liên chính khi con người trở nên kém trung thực, kém thật thà hơn trước.

Khi được yêu cầu xếp hạng các vấn đề xã hội nhức nhối, sau những nhu cầu vật chất cơ bản như an ninh lương thực, việc làm, điều kiện sống có chất lượng, và khả năng tiếp cận nước sạch, 39% nhấn mạnh bình đẳng giới, 19% nhấn mạnh bình đẳng cho các nhóm dân tộc thiểu số và 14% tập trung vào hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh. Có thể nhận thấy rõ qua các thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu rằng mạng xã hội có vẻ là nguồn ảnh hưởng lớn nhất về nhận thức vấn đề xã hội do được sử dụng ngày một nhiều. Trong khảo sát, khi tìm kiếm thông tin đáng tin cậy, thế hệ trẻ trước tiên chọn lựa mạng xã hội (73%), tiếp đó là Internet và trang web (69%) và ti-vi (59%) để tìm kiếm thông tin xác thực (xem thêm phân tích ở phần *Đời sống số*). Một đáp viên ở ven đô Hà Nội kết luận rằng “tìm ở mạng xã hội là sẽ ra bất kì thông tin cần thiết nào, bất cứ thứ gì mà tôi quan tâm” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Thanh Trì).

Biểu đồ 3: Tỷ lệ người trả lời khảo sát chọn các nội dung sau đây là một trong năm vấn đề quan trọng nhất của họ (n=1.200)



Giá trị thế hệ

Việt Nam, giống như hầu hết các nước trên thế giới, hiện đang tiếp cận lượng thông tin trực tuyến rất lớn. Trong xu hướng toàn cầu này, thế hệ trẻ Việt Nam đặc biệt chuộng Internet. Sự chuyển dịch kinh tế xã hội, kết hợp với quá trình tiếp xúc các nội dung và ý tưởng từ nước ngoài, nhấn mạnh các giá trị mới – những giá trị định vị khoảng cách giữa các thế hệ, phân biệt người trẻ với những thế hệ trước.

Sự đi xuống của các giá trị tập thể và bước chuyển dịch sang chủ nghĩa cá nhân

Trong các nhóm thảo luận, người Việt trẻ – ít nhất là những người sống ở thành thị – cho thấy sự chuộng các giá trị cá nhân, trái ngược với các giá trị tập thể. Khi được hỏi, họ cho biết những mối quan hệ cộng đồng lỏng lẻo như quan hệ hàng xóm chẳng hạn đã suy yếu kể từ thế hệ cha mẹ họ. Sự suy giảm vốn xã hội này, như Putnam

(2000) đã định danh hiện tượng, là thống nhất với những lý luận hiện tại về Việt Nam, nhấn mạnh rằng người Việt trẻ ngày càng có tính cá nhân cao hơn là tính tập thể (King và cộng sự, 2008, tr. 783-813; Tambyah và cộng sự, 2009, tr. 175-187; Nguyễn, 2015, tr. 172-194). Những đáp viên nhóm thảo luận tập trung ở thành thị cho biết họ cảm thấy ít gắn kết với cộng đồng địa phương, nhất là khi so sánh với cha mẹ và ông bà họ. Cùng với sự phổ biến của những loại hình giải trí ảo và các thiết bị di động, giới trẻ cảm thấy những giao lưu trực tiếp đã giảm dần.

Những đáp viên thành thị và ven đô cảm nhận được xu hướng này rõ rệt hơn so với đáp viên nông thôn. Một đáp viên cho biết cô chủ ý không tương tác với hàng xóm “vì hàng xóm của tôi không đáng để tâm tới” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô Hà Nội).

Mặt khác, các cộng đồng nông thôn vẫn duy trì được sự gắn kết làng xã. Trong một cộng đồng nông thôn ở Nghệ An, các nam đáp viên đồng ý rằng con người trong cộng đồng của họ thân thiện và rằng họ thân thiết với hàng xóm, giúp đỡ lẫn nhau khi cần (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Nghệ An). Dù chịu ảnh hưởng bởi tính cá nhân của chủ nghĩa tư bản hay đơn giản là sự cô đơn của thời hiện đại – được nhiều nhà tâm lý học xếp là bệnh lí (Cacioppo, Cacioppo, & Capitanio, 2014) – thì sự phân cách giữa thành thị - nông thôn là rất rõ ràng khi bàn đến cảm giác gắn bó với cộng đồng.

Tương tự, quan điểm của các đáp viên thảo luận nhóm về chủ nghĩa xã hội cũng thay đổi đáng kể so với cha mẹ họ. Với các bạn trẻ ở thành thị và ven đô, những bài giảng về chủ đề này thường được coi là nặng hình thức và lỗi thời, xét theo môi trường kinh tế và thế giới hiện nay. Sự khác biệt về quan điểm giữa thành thị và nông thôn được nhấn

mạnh khi vấn đề này không ảnh hưởng nhiều tới những đáp viên ở nông thôn, nhất là những bạn thuộc nhóm dân tộc thiểu số được phỏng vấn trong nghiên cứu này. Thành viên các nhóm, đặc biệt những người sống ở nông thôn và thụ hưởng các dịch vụ công được thiết kế tốt, thường có quan điểm tích cực về giá trị và các răn dạy truyền thống. Tất cả các nhóm đều nhìn nhận sự phát triển kinh tế của Việt Nam là tích cực, mặc dù họ cũng cảm nhận được những khía cạnh kém tích cực hơn và những tổn thương gia tăng.

Ngoài ra, việc tuân theo các truyền thống và tập tục văn hóa của Việt Nam của giới trẻ thành thị cũng ít dần. Chẳng hạn, các đáp viên nữ ở TP. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng xã hội đã xóa bỏ nhiều tập tục cổ hủ và ít mê tín hơn. Mặt khác, nhiều đáp viên phỏng vấn sâu thuộc nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng nông thôn lại phát biểu rằng họ tự hào về những hoạt động văn hóa truyền thống như các lễ hội đem đến cảm giác về nguồn cội và sắc tộc. Những người thuộc dân tộc Kinh, H'Mông, Mường, Ê-đê, Xinh Mun và Thái, cùng các đáp viên theo đạo Hồi và đạo Ki-tô đã được phỏng vấn cho nghiên cứu này. Ví dụ, một đáp viên dân tộc Mường cho biết: “Dân tộc tôi có những lễ hội truyền thống thường niên. Tôi thực sự thích [các lễ hội ấy]. Điều đó không chỉ quan trọng với bản thân tôi mà còn tới cả bản nữa.” (Nam giới, phỏng vấn sâu, 30 tuổi, Đắk Lắk, dân tộc Mường).

Các giá trị vật chất

Sự cởi mở với tăng trưởng dựa trên thị trường và các chính sách phát triển đã dẫn tới chuẩn sống tăng – nhưng đồng thời cũng khiến thế hệ trẻ tiếp cận nhiều hơn với các giá trị vật chất. Người Việt trẻ đang đắm chìm trong hoạt động giao lưu xã hội trực tuyến và dành trung bình hai tiếng rưỡi cho mạng xã hội mỗi ngày (Phân tích dữ liệu Facebook của Kepios dẫn trong We Are Social, 2019, tr. 32-35). Ví dụ, trong số 62 triệu người sử dụng mạng xã hội trên cả nước, ~75% trong số đó thuộc lứa tuổi 13–34 (đd). Nhiều người, theo các đáp viên thảo luận nhóm, quan sát thấy sự khoe khoang giàu có trên mạng xã hội. Mạng xã hội thu hút đem lại một thách thức đối với giới trẻ, đặc biệt là những người xuất thân từ các gia đình có thu nhập thấp. Trong lúc thảo luận nhóm ở TP. Hồ Chí

Minh, các đáp viên có kể về những vụ ẩu đả tại trường học đều bắt nguồn từ yếu tố tầng lớp – những đứa trẻ xúng xính hàng hiệu, biểu tượng của sự giàu có như túi xách Gucci và vì thế, châm ngòi cho các vụ ẩu đả vì ghen tị – tất cả đều được tiếp sức bởi mạng xã hội. Khi có nhiều ham muốn vật chất hơn, hôn nhân thường được định hướng bởi “những thứ vật chất [mà] quyết định tất cả, [bởi] không có tiền, không có nghề, bọn em không thể kiếm được vợ” (Nam giới, thảo luận nhóm, nhóm tuổi 20–24).

Tiến bộ về bình đẳng giới và LGBTI

Thế hệ trẻ tự hào về tình hình bình đẳng giới được cải thiện và cho rằng đây là một điều quan trọng cần phải đề cập. Khi được khảo sát, bốn phần mười (39%) đáp viên xếp bình đẳng giới vào danh sách năm vấn đề ưu tiên hàng đầu. Khi có 13 lựa chọn, những người trẻ đã xếp bình đẳng giới ở vị trí thứ sáu trong các vấn đề quan trọng nhất, chỉ sau công việc ổn định (70%), tiếp cận giáo dục (44%), điều kiện sống đầy đủ (58%), an ninh lương thực (70%), nước sạch và vệ sinh (58%).

Tuy nhiên, ở nơi làm việc, bằng chứng từ cuộc khảo sát cho thấy vẫn cần cải thiện rất nhiều. Sáu phần mười (63%) đáp viên cho rằng có những nghề chỉ dành cho nam giới hoặc nữ giới; đây là quan điểm chung của cả hai giới. Tuy nhiên, nam giới thường có nhiều cơ hội thăng tiến vào công việc theo giới tính hơn: 66% (đáp viên nam) so với 59% (đáp viên nữ). Điều thú vị là, kết quả này không đồng nhất với quan điểm thể hiện trong các nhóm thảo luận. Khi trong nhóm, các đáp viên tán thành quan điểm nhất quán rằng nữ giới và nam giới đều có thể làm bất kỳ công việc nào và không phải bị ràng buộc với bất kỳ định kiến giới nào. Kết quả khác biệt có thể do trong nhóm thảo luận tập trung, các đáp viên thể hiện thiện kiến vì mong muốn được chú ý nhiều hơn – họ muốn được người khác nhìn nhận một cách tích cực:

Em nghĩ là giờ nam và nữ bình đẳng về khả năng, do đó họ có thể làm nghề của nhau. Vấn đề là, có một số nghề thì hợp hơn với giới này hơn giới khác, ví dụ, nghề xây dựng.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Nghệ An

Mặc dù nhiều người tin rằng nghề nghiệp cũng có thể phân định theo giới nhưng trung bình, hơn tám trên mười (84%) đáp viên cảm thấy có cơ hội như nhau cho nam giới và nữ giới trên thị trường lao động. Tương tự, nam giới thường đưa ra một bức tranh màu hồng, với 87% cho biết có cơ hội bình đẳng so với 81% nữ giới. Tuy vậy, nhận thức về bình đẳng giới nhìn chung vẫn là tích cực.

Bên ngoài thế giới công sở, trong nghiên cứu định tính, người trẻ Việt đồng ý rằng phụ nữ không còn bị hối thúc kết hôn, phụ thuộc vào đàn ông hay chỉ chăm sóc gia đình. Phụ nữ được nhìn nhận là có nhiều khả năng tự quyết và độc lập hơn: “Phụ nữ giờ độc lập hơn về tài chính. Chúng tôi có tiếng nói nhiều hơn khi bàn tới chuyện hôn nhân. Ngày xưa, một khi đã kết hôn là phụ nữ phải ở nhà chăm lo cho gia đình.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, TP. Hồ Chí Minh).

Trong khi đó, nhiều người trẻ nhận thấy sự cởi mở gia tăng đối với tính dục so với trước đây. Khi nói về các vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân hay việc chấp nhận những người thuộc LGBTI, các giá trị dường như đang dịch chuyển. Theo các phỏng vấn sâu với các thanh niên LGBTI, họ rất lạc quan về tương lai khi Việt Nam đã xóa bỏ lệnh cấm với hôn nhân đồng giới, dù vẫn chưa có các lựa chọn pháp lý cho các kết hợp dân sự đồng giới. Họ đã chứng kiến sự cải thiện trong kiến thức của công chúng và nhận thức của các cá nhân LGBTI. Nhìn chung, những người trẻ LGBTI được phỏng vấn đều có được sự chấp nhận của gia đình và bè bạn. Những người được phỏng vấn cho nghiên cứu chưa trải qua sự kì thị sâu sắc nào do xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ, mặc dù họ vẫn lo lắng về sự chấp thuận của vùng nông thôn bảo thủ:

Tôi hi vọng vào một sự thay đổi lạc quan. Việc Việt Nam đã xóa bỏ lệnh cấm hôn nhân đồng giới đã được coi là một sự đột phá cho cộng đồng LGBTI. Trong tương lai, tôi chỉ mong mọi người sẽ hiểu hơn về cộng đồng LGBTI.

Nam giới, phỏng vấn sâu, 25 tuổi, LGBTI

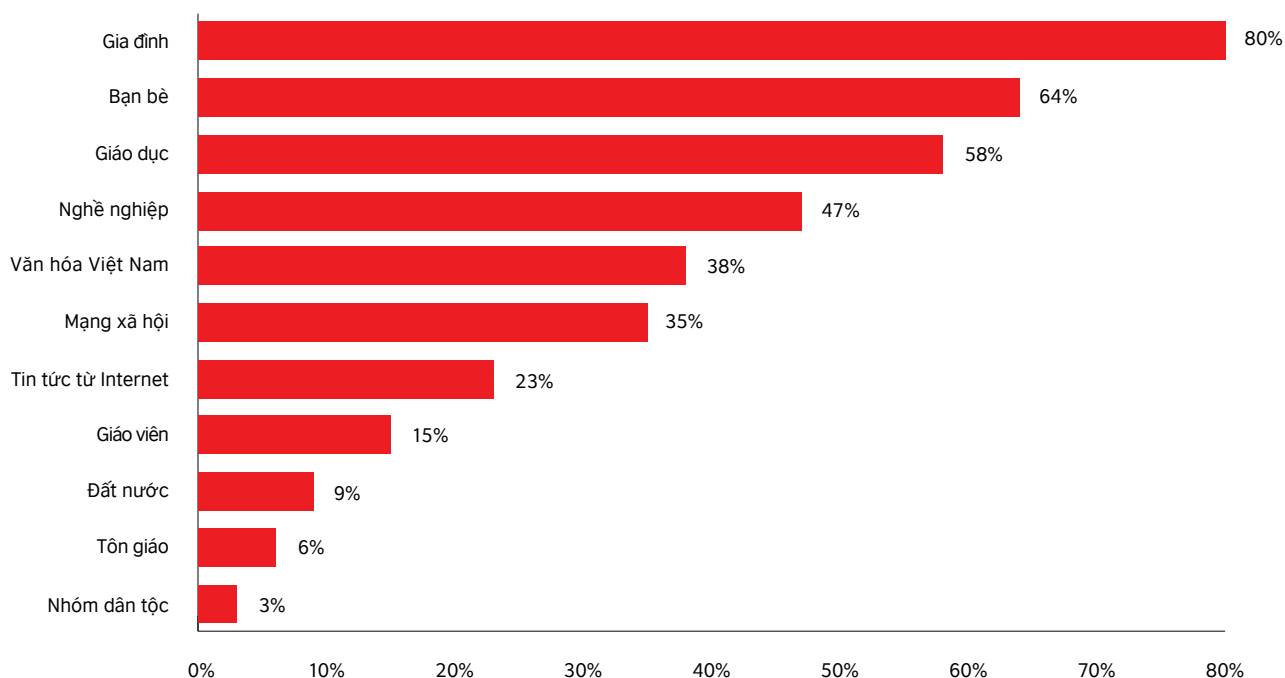
Các đáp viên, cả LGBTI và phi LGBTI, đều nhận xét rằng sự đại diện tích cực về LGBTI trên truyền thông đang tăng. Ví dụ, một đáp viên LGBTI cho biết có nhiều chương trình truyền hình có mục đích giáo dục công chúng có thái độ tích cực với cộng đồng này. Tuy nhiên, trong các phiên thẩm định, thành viên nhóm làm việc đã chỉ ra rằng ngày càng có nhiều các biểu tượng văn hóa đại chúng như các diễn viên nổi bật thể hiện xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình. Những người trẻ LGBTI tham gia phỏng vấn cho nghiên cứu cho biết họ ngưỡng mộ và theo dõi những người có tầm ảnh hưởng, cả trong và ngoài nước, mà có cùng bản dạng giới như họ, ví dụ như Thiên Minh, Gil Lê, Tom Daley và Neil Patrick Harris.

Đời sống số

Internet và mạng xã hội đã đan quện sâu sắc trong đời sống thường ngày của người Việt. Theo các báo cáo từ các công ty tư vấn mạng xã hội như We Are Social và Hootsuite như báo cáo Kỹ thuật số ở Việt Nam, Việt Nam đang chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng trong sử dụng Internet từ 50% trong năm 2016 lên 66% trong năm 2019 (We Are Social & Hootsuite, 2019). Đồng thời, những người sử dụng mạng xã hội đã tăng gần gấp đôi từ 37% dân số trong năm 2016 lên 64% trong năm 2019.

Giống như các quốc gia đang toàn cầu hóa khác, đời sống số đã dễ dàng thâm nhập vào đời sống của người Việt trẻ theo nhiều cách. Đối với những đáp viên được khảo sát, gần một phần ba (35%) cho biết mạng xã hội đóng vai trò định hình họ là ai ngày nay. Nhóm 16–19 tuổi (43%) có xu hướng thừa nhận điều này nhiều hơn nhóm đáp viên lớn tuổi – 33% với nhóm 20–24 tuổi và 32% với nhóm 25–30 tuổi.

Biểu đồ 4: Tỷ lệ người trả lời khảo sát cho biết những nội dung sau đây là một trong năm yếu tố hàng đầu định hình nên họ hiện tại. (n=1.200)



Trong các thảo luận nhóm tập trung, các nền tảng mạng xã hội và việc kết nối với thế giới thông qua những nền tảng này đã trở thành hoạt động giải trí được yêu thích nhất, đặc biệt là trên Facebook và Zalo, ứng dụng nhắn tin nội địa của Việt Nam với nhiều tính năng đa dạng. Để bắt kịp với sự phổ biến rộng khắp của những nền tảng này, theo kết quả khảo sát, mạng xã hội và Internet cũng là nguồn thông tin được tin cậy nhất đối với các tin cập nhật và cơ hội việc làm. Với nhiều đáp viên thảo luận nhóm, cuộc sống không có Internet hay mạng xã hội là không thể tưởng tượng nổi. Internet đã hoàn toàn tích hợp vào cuộc sống của họ. Như một đáp viên ở Nghệ An đã nói, “một ngày [mà không có Internet và mạng xã hội] cảm giác dài như một thế kỉ” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24 tuổi).

Chơi game

Chơi game trực tuyến hay e-Sports¹ cực kì phổ biến với nam giới và, ít nhất là qua nghiên cứu định tính, đang ngày càng phổ biến hơn với nữ giới.²

Game trực tuyến cũng trở thành một kênh giao tiếp nhờ các chức năng trò chuyện tích hợp, tương tự như các nền tảng mạng xã hội. Các game thủ trẻ tuổi kết nối với người mới qua game trực tuyến và đôi lúc những mối quan hệ này lại trở thành tình bạn ngoài đời thực. Theo như chia sẻ trong nhóm thảo luận, chức năng trò chuyện trong game thậm chí còn giúp một số người tìm được người yêu.

Các nền tảng mạng xã hội giống nhau cho những mục đích sử dụng khác nhau

Trong các thảo luận nhóm tập trung, đáp viên chia sẻ những cách sử dụng nền tảng và ứng dụng mạng xã hội khác nhau trong nhiều tình huống ở Việt Nam ngày nay. Cụ thể, nền tảng và ứng dụng mạng xã hội là:

Không gian ảo để tương tác và kết nối

Giống như giới trẻ trên toàn thế giới, người Việt trẻ thích kết nối trực tuyến với bạn bè, gia đình và những người có chung sở thích. Đối với đa số, mạng xã hội là một nơi để kết nối những người có cùng suy nghĩ và đó là cơ sở để hình thành nên các mối quan hệ ngoại tuyến. Những nền tảng chính ở đây gồm Facebook, Instagram và Zalo.

Thị trường cho hàng hóa và dịch vụ

Thương mại điện tử, nổi lên trong các thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn với những doanh nhân trẻ, đang ngày càng phổ biến với người Việt trẻ, những người đóng hai vai – vừa là người tiêu dùng, vừa là người bán. Các ứng dụng “chợ mua bán” và giao hàng đem lại cho người sử dụng Internet sự tiện dụng và cơ hội kiếm đủ sống. Trong khi đó, việc bán hàng qua live-stream (phát sóng và tương tác trực tiếp với người xem trên mạng xã hội) trên các nhóm Facebook rất phổ biến với nữ thanh niên. Các dịch vụ vận chuyển và khách sạn cũng có

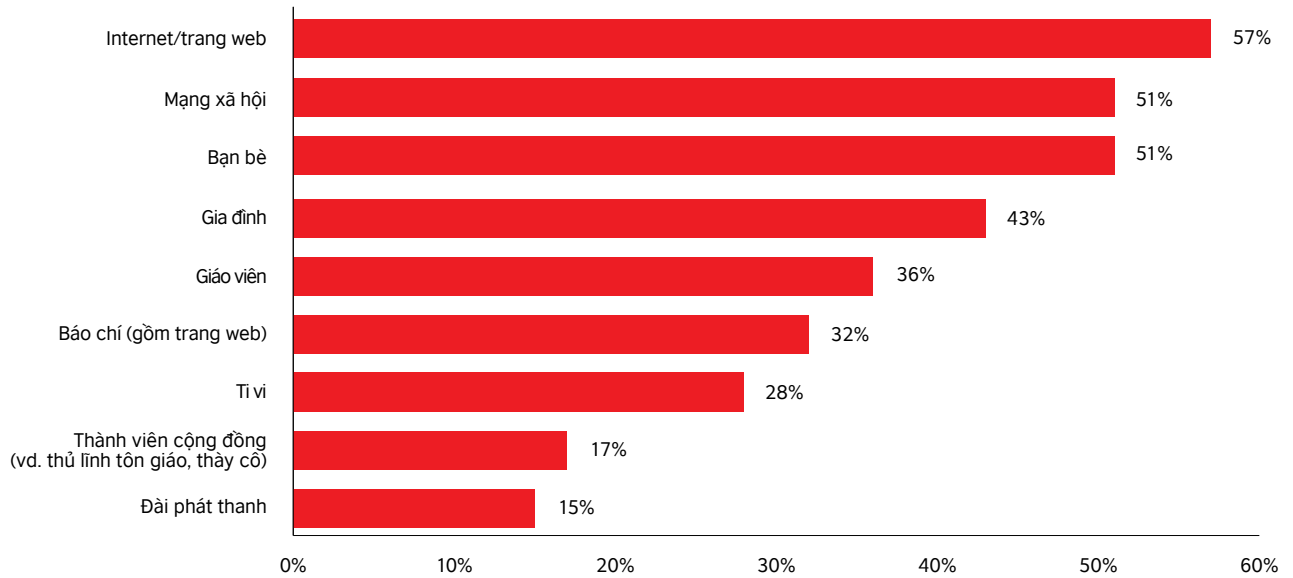
các ứng dụng trực tuyến – thị trường tích hợp theo chiều ngang của Grab là một ví dụ. Ví điện tử và ứng dụng ngân hàng cung cấp phương thức thanh toán dễ dàng khi giao dịch trực tuyến. Những ứng dụng và nền tảng chính gồm Facebook, Sendo, Shopee và Tiki.³

Mạng lưới tuyển dụng

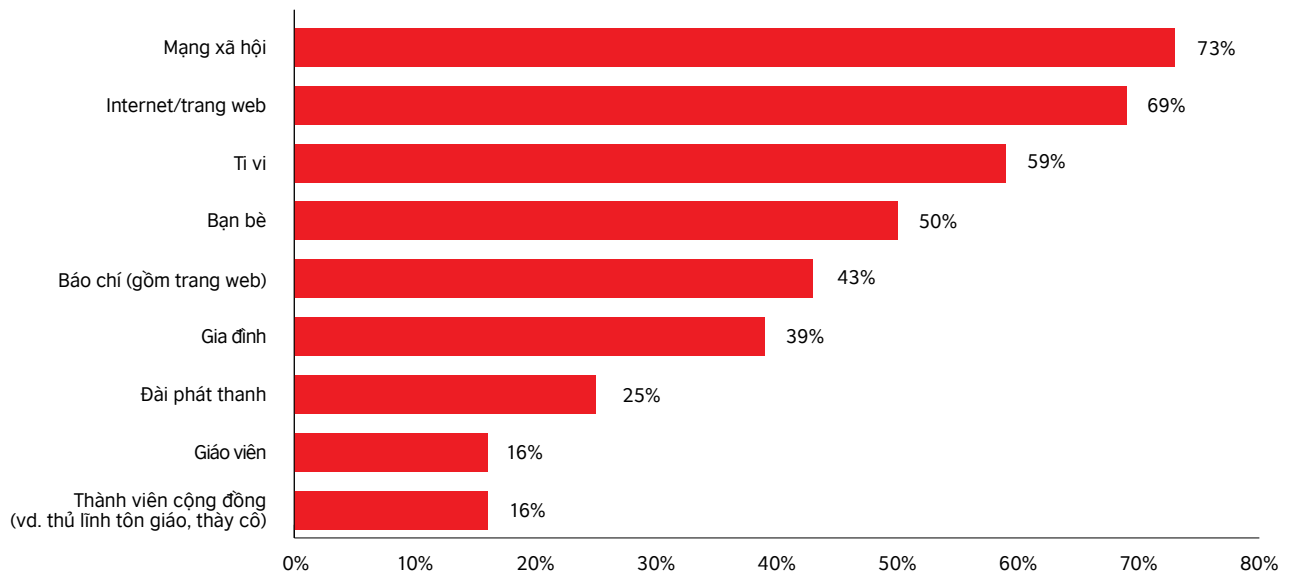
Các đáp viên cho biết Internet/các trang web (57%) và mạng xã hội (51%) là những nguồn đáng tin cậy nhất về các cơ hội việc làm và học tập. Mức độ tin tưởng tăng cao trong các nhóm tuổi lớn hơn (56% và 60% lần lượt cho nhóm tuổi 25–30 so với 44% và 47% cho nhóm 16–19 tuổi). Theo các đáp viên thảo luận nhóm, các nhóm Facebook thường được dùng để đơn giản hóa quá trình “săn” việc cho giới trẻ.

1 > Dựa trên International e-Sports Federation, e-Sports là môn thể thao đối kháng diễn ra trong môi trường ảo mà cả năng lực thể chất và tinh thần đều được vận dụng để kiến tạo các điều kiện thắng thua thông qua các luật chơi được chấp nhận.
2 > Đáp viên trong nhóm thảo luận chia sẻ rằng họ chơi nhiều trò chơi trên máy tính và điện thoại di động như: Arena of Valor, Avatar, CrossFire Legends, CandyCrush, Cookie Jams, Đấu Tiên Đài, Farm Blast, FIFA 20, Football Dream, Free Fire, Half-Life, League of Legends, Liên Quân Mobile, Naruto, PUBG Mobile, We Escape và ZingSpeed Mobile.
3 > Các ứng dụng ví điện tử phổ biến là Momo và Zalo Pay. Trong khi đó, với dịch vụ giao hàng, người ta sử dụng: Baemin, Grab Food, Go Food và Now. Các ứng dụng di chuyển và khách sạn được nêu gồm: Grab, Go Viet và Traveloka.

Biểu đồ 5: Tỷ lệ chọn những nguồn thông tin dưới đây là nguồn được tin cậy nhất cho việc làm và giáo dục (n=1.200)



Biểu đồ 6: Tỷ lệ đáp viên lựa chọn các nguồn thông tin sau cho các vấn đề đương thời (n=1.200)



Nguồn tin và nền tảng học tập tin cậy

Phần đông giới trẻ sử dụng mạng xã hội (73%), Internet/các trang web (69%) và tivi (59%) là các nguồn thông tin tin cậy cho các sự kiện đương thời. Thông tin từ nguồn bạn bè (50%), báo chí (43%) và gia đình (39%) cũng phổ biến. Trong nhóm thảo luận, theo chia sẻ, dường như các phương tiện dựa trên Internet được chuộng hơn các nguồn truyền thống như báo giấy là do sự dễ tiếp cận của thông tin trực tuyến cùng với các quan điểm về độ tin cậy cao hơn và ít can thiệp hơn khi đưa tin. Thế hệ trẻ cũng sử dụng các nền tảng trực tuyến để học tập và phát triển kỹ năng mới – ví dụ, nghe sách nói (audiobook) hoặc đọc sách điện tử (ebook) và tìm bài học liên quan, hoặc nằm ngoài chương trình học ở trường. Mặc dù điều này đa phần là tích cực nhưng một số đáp viên lo ngại về sự phụ thuộc quá mức vào Internet như một nguồn thông tin tiện dụng, sẽ khiến họ khó có thể hiểu sâu hoặc ghi nhớ bài học giống như cha mẹ họ ngày xưa (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, ven đô TP. Hồ Chí Minh). Tương tự, một đáp viên ở nông thôn cho rằng: “Giờ chúng tôi bình thường chỉ đọc sách trực tuyến hoặc thậm chí là lên YouTube để nghe sách nói chứ không đọc sách giấy nữa.” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Nghệ An).

Nền tảng giải trí

Theo các thảo luận nhóm tập trung, tiêu thụ nội dung truyền thông là hoạt động giải trí phổ biến nhất đối với hầu hết các đáp viên. Cư dân mạng trẻ Việt Nam tiêu thụ đa dạng nội dung từ phim điện ảnh, phim truyền hình, các video ngắn, vlog, game streaming (chơi và tường thuật game trực tuyến), các video “chơi khăm” (prank) và hình chế (meme), video ca nhạc, hòa nhạc và âm nhạc trực tuyến. Cả nguồn nội địa và nguồn quốc tế đều xuất hiện nhiều trong nhu cầu tiêu thụ của các đáp viên. Nội dung tiếng Việt được đánh giá cao do gần

gũi với đời sống thường nhật và do yếu tố ngôn ngữ.

Vì tính gần gũi và quen thuộc văn hóa đóng vai trò quan trọng nên giới trẻ đặc biệt thích các nội dung từ các quốc gia châu Á, đặc biệt là từ Trung Quốc, Hong Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan. Thảo luận nhóm và phỏng vấn cho thấy, phim và chương trình truyền hình phương Tây ít được tiêu thụ hơn do các đáp viên thường không thích đọc phụ đề và có thể thấy ngoại hình diễn viên phương Tây không gần gũi. Chủ đề các phim và sản phẩm truyền thông phương Tây không phải lúc nào cũng được cho là tiếp cận được như sản phẩm tương tự của các quốc gia châu Á.

Phim hoạt hình Nhật Bản (anime) là thể loại được nhiều người ưa chuộng, nhưng chủ yếu là các bạn nam trẻ tuổi, do phim khơi gợi khát vọng lãng mạn cho giới trẻ Việt. Đáp viên cảm thấy thể loại này cổ vũ những người trẻ tuổi thể hiện những phẩm chất tốt nhất của mình và nỗ lực cải thiện bản thân.

Đáp viên thảo luận nhóm thường cho biết họ hay xem trực tuyến trên YouTube; một số đáp viên chỉ lựa chọn duy nhất hình thức này. Các kênh chính gồm video game streaming, video “chơi khăm”, vlog và nội dung về ẩm thực. Các đáp viên đề cập tới những ngôi sao YouTube như Dinology,⁴ Giang Oi,⁵ và Quỳnh Tran Jp⁶ là những người họ thường xuyên xem.

Với người trẻ có xuất thân đặc thù được khảo sát, cụ thể là nhóm dân tộc thiểu số và LGBTI, Internet và các nền tảng mạng xã hội là một nơi để họ tìm kiếm cảm giác cộng đồng trực tuyến. Những sản phẩm truyền thông phù hợp về văn hóa đóng vai trò thiết yếu để tạo nên cảm giác thuộc về này. Họ tìm kiếm và tiêu thụ những sản phẩm truyền thông từ những nghệ sĩ thuộc cộng đồng của họ. Ví dụ, các đáp viên LGBTI nghe các ca sĩ⁷ thuộc cộng đồng LGBTI và có thể xem chương trình trò chuyện

LGBTI “Come Out”. Trong khi đó, các nhóm dân tộc khác⁸ xây dựng và củng cố bản dạng văn hóa qua hành vi tiêu thụ văn hóa:

Tôi thích ca sĩ Y Moan,⁹ cũng cùng dân tộc với tôi. Ông ý là nghệ sĩ nổi tiếng có thể sáng tác và hát nhiều bài hay về Tây Nguyên và người dân tộc.

Nam giới, phỏng vấn sâu, 30 tuổi, Đắk Lắk, dân tộc Ê-đê

Dịch vụ hẹn hò và mai mối

Cư dân mạng trẻ cũng tìm tới các nền tảng mạng xã hội, các game trực tuyến và ứng dụng hẹn hò để tìm kiếm bạn trai hoặc bạn gái tiềm năng. Một cách định tính, xu hướng này có phần phổ biến hơn với các đáp viên nam so với các đáp viên nữ.

Một nơi mà giới trẻ có thể được lắng nghe

Xuyên suốt các thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, thế hệ trẻ coi mạng xã hội là nơi đầu tiên họ có thể thể hiện bản thân mà không lo bị phán xét. Khi người Việt trẻ đối diện với bức xúc và trăn trở trong cuộc sống, các nền tảng mạng xã hội sẽ là một nơi để họ thể hiện điều đó ra với thế giới. Dù đó là vấn đề cá nhân, những lo lắng về công việc hay học hành, hay đó là vấn đề xã hội thì người trẻ sẽ đăng bài trên mạng xã hội của mình và mở ra đối thoại với bạn bè trên mạng xã hội của họ. Với những vấn đề nhạy cảm như tham nhũng hay quấy rối tình dục, mạng xã hội được coi là nền tảng duy nhất mà họ có thể lên tiếng, nhất là trong bối cảnh mức độ tự do ngôn luận ở Việt Nam nhìn chung còn thấp:

Trên mạng xã hội, bọn em có thể thoải mái nói những gì bọn em muốn hoặc quan tâm và tương tác với người khác, mà không phải sợ về ý kiến của người khác hay ảnh hưởng xã hội.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Nghệ An

4 > Dinology là một kênh YouTube tiếng Việt về phong cách sống của Dino Vũ. Có hơn 303.000 người đăng kí (tháng Một năm 2020).

5 > Giang Oi là một kênh tiếng Việt về phong cách sống, xoay quanh cuộc sống của YouTuber này và hành trình trưởng thành của cô. Có hơn 1.160.000 người đăng kí (tháng Một năm 2020).

6 > Quỳnh Tran Jp là một kênh nhật kí hình ảnh (vlog) tiếng Việt của một người Việt Nam sống tại Nhật Bản. Có hơn 2.350.000 người đăng kí (tháng Một năm 2020).

7 > Lâm Quốc Khải, ca sĩ chuyển giới người Việt Nam nổi lên từ cuộc thi hát “Solo cùng Bolero 2018” và Gil Lê.

8 > Các đáp viên người Ê-đê và Mường.

9 > Y Moan là ca sĩ nổi tiếng người Ê-đê.

Theo hướng đó, vấn đề sử dụng nhiều diện mạo cá nhân (persona) và tài khoản giả mạo trực tuyến rất nổi cộm. Một số đáp viên cho biết họ đã lập nhiều tài khoản và trang mạng xã hội để đăng bài hoặc gửi tin nhắn về nỗi buồn hay bức xúc của bản thân tới các tài khoản khác của chính họ. Ví dụ, một nam đáp viên đã tự trò chuyện với chính mình qua các tài khoản của cậu để giải quyết các vấn đề cá nhân: “Em có hai tài khoản Facebook. Em gửi tin nhắn tới tài khoản còn lại để đối thoại với bản thân về các vấn đề của em” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16-19, An Giang). Với một đáp viên khác, có nhiều tài khoản là cách để khẳng định tiếng nói và hành động: “Tôi lập 10 trang mạng xã hội. Cứ khi nào buồn thì tôi lại đăng bài trên một trong những trang đó để bộc bạch” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, TP. Hồ Chí Minh).

Mặt trái của mạng xã hội

Xét một cách tương quan, giới trẻ nhìn chung nhận thấy nhiều điểm tích cực hơn điểm tiêu cực ở mạng xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh sự thuận tiện mà mạng xã hội mang lại, giới trẻ vẫn ý thức được những mặt trái của mạng xã hội. Mặc dù coi mạng xã hội là nguồn thông tin đáng tin cậy nhất nhưng họ cũng bận tâm về sự lan truyền thông tin sai lệch và tin tức giả trực tuyến. Trong các phỏng vấn định tính, một nhóm nhỏ cho biết họ ít tin tưởng thông tin trực tuyến. Đối với nhóm thành thạo công nghệ và cảnh giác này, họ lo lắng rằng các thông tin lan tỏa có thể bị sai lệch và thậm chí kiểm chứng thông tin họ thấy trên mạng. Một nhóm thảo luận tập trung ở TP. Hồ Chí Minh (Nam giới, 25–30 tuổi) cho biết họ thực hiện nhiều bước kiểm chứng thông tin trên mạng xã hội. Các phương pháp họ áp dụng bao gồm kiểm tra phần bình luận và kiểm tra chéo với các nguồn khác để xác thực thông tin.

Với mức độ phổ biến của mua sắm trực tuyến và thương mại điện tử, người Việt trẻ nhận thức được hành vi lừa đảo mua sắm trực tuyến – phần lớn các sản phẩm đều không như miêu tả trên mạng, chất lượng sản phẩm thấp, và không giao hàng. Các nhóm thảo luận cũng bày tỏ quan ngại về vấn đề xâm phạm riêng tư và các tội ác trên mạng. Đồng thời, sự gia tăng các giá trị vật chất trong giới

trẻ như đề cập ở phía trên cũng là một mối lo thường được cho là liên quan tới thói quen sử dụng mạng xã hội. Một số đáp viên thảo luận nhóm cho biết, vấn đề khoe khoang trên mạng đang gia tăng. Một nữ đáp viên đã tổng kết rằng “nhờ mạng xã hội mà nhiều người phổ trương sự giàu có của họ. Việc này thôi thúc lòng tham của người khác” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh).

Tương tác giữa người với người và tương tác ảo

Các đáp viên thảo luận nhóm cảm thấy việc sử dụng mạng xã hội nhiều có thể dẫn đến việc tách rời thế giới thực, gây ra các vấn đề từ sức khỏe thể chất, lười biếng cho đến thiếu tương tác với những người nằm ngoài vòng quan hệ lõi. Theo thảo luận nhóm, người trẻ ở thành thị có xu hướng sử dụng giải trí ảo nhiều hơn ở đời thực. Như một nữ đáp viên ở TP. Hồ Chí Minh nói, “những ngày này, tôi dành 80% thời gian rảnh tự giải trí trên mạng và 20% còn lại là [với] bạn bè” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô TP. Hồ Chí Minh).

Ngược lại, đáp viên ở nông thôn, nhất là những người sống trong cộng đồng dân tộc thiểu số gắn kết chặt chẽ hơn, nhấn mạnh tầm quan trọng của địa phương gần kề, tương tác giữa người và người cùng các hoạt động ngoài trời. Trong các phỏng vấn sâu, các hoạt động địa phương được nêu gồm chơi thể thao, câu cá, thăm chùa chiền, thăm đồng và thả diều. Đặc biệt trong nhóm dân tộc thiểu số, tương tác giữa người và người như các buổi tụ họp gia đình và bạn bè diễn ra thường xuyên cùng các lễ hội dân tộc, tạo nên cốt lõi đời sống thường nhật. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng dù sống ở đâu người Việt trẻ vẫn ưa chuộng giải trí ảo. Đời sống số đã trở thành một phần cốt yếu của mọi người trẻ Việt.

Giải trí ngoại tuyến

Mặc dù các hoạt động trực tuyến vô cùng phổ biến nhưng trong thời gian rảnh rỗi ngoại tuyến người Việt trẻ cũng tận hưởng đa dạng các hoạt động. Ăn uống khi ở bên gia đình và bạn bè, theo các phỏng vấn, là cách phổ biến nhất để giao lưu. Tuy nhiên, những người trẻ yêu thích ăn uống tích cực tìm kiếm các

quán cà phê và nhà hàng nổi tiếng qua các blog về ẩm thực, các bài đánh giá trên mạng xã hội, và các ứng dụng đánh giá đồ ăn – điều này cho thấy sự số hóa các hoạt động ngoại tuyến. Mạng xã hội tung hô những món đẹp mắt “lên Instagram đẹp”, như những tiệm trà sữa đang nở rộ ở khắp chốn tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Việc đồ ăn trở thành trung tâm của không gian xã hội và riêng tư có lẽ chính là lý do khiến 70% giới trẻ chọn an toàn thực phẩm là vấn đề nhức nhối nhất trong đời sống thường ngày của họ (xem Biểu đồ 3, phía trên). Những lo ngại xung quanh việc tiếp cận đồ ăn sạch và an toàn cũng được nhắc đến vô số lần trong các nhóm thảo luận tập trung – những nỗi lo lắng này sẽ được trình bày ở phần sau trong báo cáo, trong chương Các vấn đề ưu tiên.

Thể thao

Trong khi đó, cả chơi và xem thể thao vẫn rất hấp dẫn giới trẻ Việt Nam và hình thành nên lăng kính của họ về thể giới. Khoảng một phần năm đáp viên (18%) là thành viên của câu lạc bộ thể thao hoặc tổ chức giải trí; xét riêng nam đáp viên, tỉ lệ đó là khoảng một phần tư (24%). Theo các thảo luận nhóm tập trung, bóng đá là môn thể thao được ưa chuộng nhất với nam giới Việt Nam và là một không gian để giao lưu với những người cùng sở thích.

Tuy nhiên, thể thao không chỉ là niềm đam mê quốc gia: nó còn thể hiện sự liên kết với thể giới và là đấu trường cạnh tranh quyền lực mềm. Thành công gần đây của đội tuyển bóng đá nam quốc gia ở cấp quốc tế chính là nguyên nhân cho niềm tự hào dành cho thể thao cũng như gia tăng sự quan tâm của cả nước. Thú vị là, thể thao cũng có thể hình thành nên những quan điểm tích cực về các nước khác. Khi phân tích thành công của huấn luyện viên đội tuyển Park Hang-seo, một người Hàn Quốc, nhóm nghiên cứu nhận thấy mối quan hệ rõ ràng với những quan điểm tích cực ngoài sân cỏ về Hàn Quốc. Tương tự, các đáp viên khảo sát cảm thấy xét tới thể thao quốc tế, Vương quốc Anh sẽ là nước đứng đầu (54%), chủ yếu là do sự phổ biến của giải Bóng đá Ngoại hạng Anh, tiếp đó là Pháp (46%) và Mĩ (43%). Tất cả những nước này đều nằm trong sáu nước đứng đầu về tính hấp dẫn toàn cầu (xem Bảng 2).

Bảng 2: Xếp hạng các quốc gia được yêu thích nhất do thể thao theo các đáp viên (n=1.200)

Thể thao	
1	Vương quốc Anh
2	Pháp
3	Mĩ
4	Nhật Bản
5	Hàn Quốc
6	Trung Quốc
7	Thái Lan
8	Úc
9	Singapore
10	Malaysia

Du lịch

Người Việt trẻ thực sự rất thích du lịch, cả trong và ngoài nước. Theo các cuộc thảo luận nhóm, du lịch trong nước rất hấp dẫn do chi phí thấp, thời gian di

chuyển ngắn, đa dạng văn hóa. Du lịch trong nước “thư giãn và yên bình” lại có thiên nhiên đẹp. Với du lịch nước ngoài, tuy việc phải xin thị thực có thể là một cản trở với người trẻ nhưng những điểm đến ở châu Á và châu Âu là hấp dẫn nhất với các đáp viên khảo sát và thảo luận nhóm. Khi được hỏi về các quốc gia hấp dẫn nhất, nhìn chung các đáp viên thích các nước phương Tây và Đông Á: Hàn Quốc (82%), Nhật Bản (81%), Mĩ (79%) và Vương quốc Anh (77%) (xem biểu đồ 7).

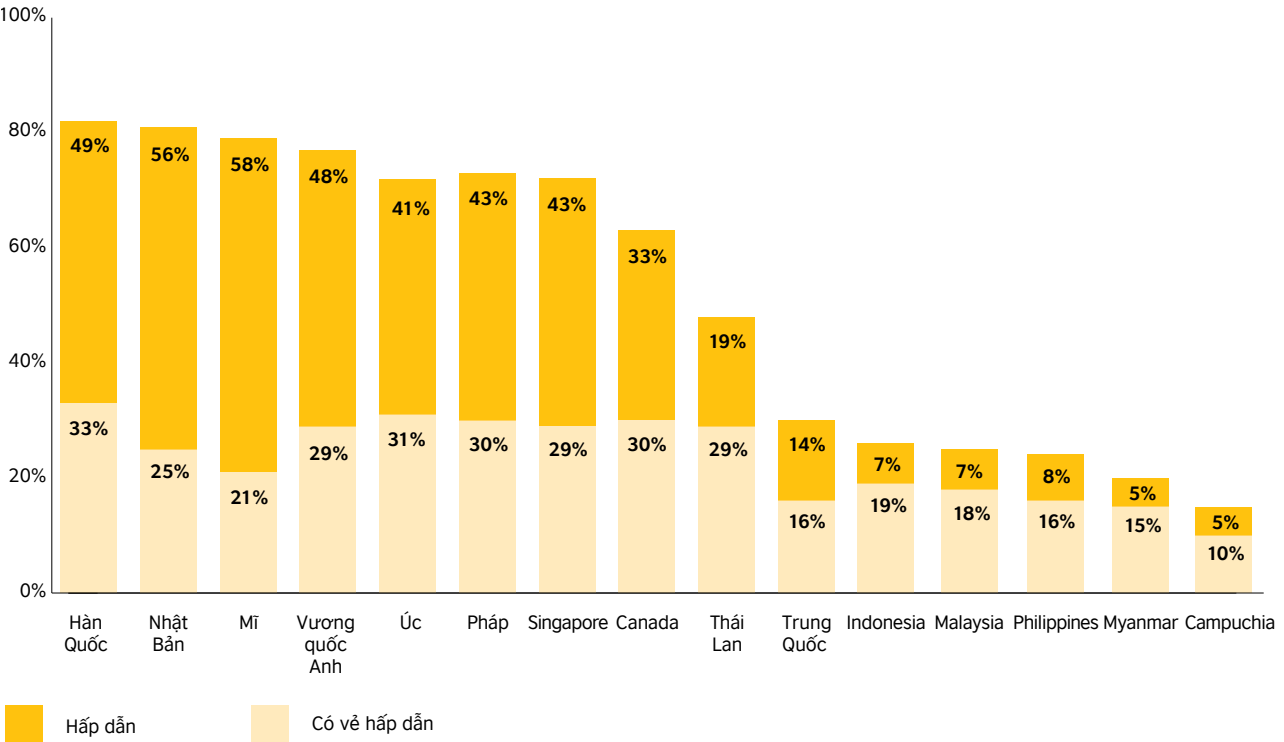
Trong các thảo luận nhóm, các đáp viên đã mô tả các tiêu chí cốt lõi khi lựa chọn điểm đến gồm: chi phí, kiến trúc và văn hóa độc đáo, danh lam thắng cảnh, an ninh và khí hậu. Đồng thời, các yếu tố gây dựng quyền lực mềm cũng tác động tới quyết định của họ. Trong các phỏng vấn, cả Hàn Quốc và Thái Lan đều là những điểm đến phổ biến nhờ các chương trình truyền hình đã xuất khẩu và diễn viên hai nước này.

Hàn Quốc, như đề cập ở trên, được cho là đã giúp Việt Nam đạt được thành công tầm cỡ quốc tế trong bóng đá – và

được nhiều người trẻ yêu mến nhờ nhạc K-Pop, chương trình truyền hình, phim điện ảnh và ẩm thực. Thành công trong gây dựng quyền lực mềm của Hàn Quốc (Làn sóng Hàn/Hàn Lưu) có thể nhận thấy rõ nét trong nhiều lĩnh vực – từ thể thao tới nghệ thuật và văn hóa. Đồng thời, sự sẵn sàng đầu tư vào văn hóa đại chúng của chính phủ Hàn Quốc qua hoạt động ngoại giao công chúng đã được các nhà bình luận tại nhiều cơ quan ngoại giao đánh giá là hướng tiếp cận đáng học hỏi. Thành công trong xuất khẩu văn hóa của Hàn Quốc tại Việt Nam đã chứng minh sự thắng lợi của chiến lược này.

Trong khi đó, Thái Lan được nhìn nhận tích cực nhờ những sản phẩm truyền hình xuất khẩu mà qua đó du lịch của nước này được thúc đẩy. Cùng với việc quốc tế hóa thể thao tác động đến nhận thức về các quốc gia, những lựa chọn du lịch có vẻ cũng có mối quan hệ rõ nét tới xếp hạng sự hấp dẫn tổng thể của các quốc gia. Xu hướng này được phân tích kĩ ở chương sau (Vị thế Việt Nam trên thế giới).

Biểu đồ 7: Tỷ lệ người trả lời khảo sát lựa chọn “có vẻ hấp dẫn” hoặc “hấp dẫn” khi được hỏi các quốc gia sau đây hấp dẫn như thế nào (n=1.200)



Thành viên của Trung tâm Hỗ trợ
và Phát triển Tài năng Điện ảnh tại
Hà Nội đang làm phim.

Ảnh: TPD



> Chương 4:

Giáo dục, kỹ năng và việc làm

Giáo dục

Người Việt trẻ, nhìn chung, là những người có giáo dục. Cải cách giáo dục do Chính phủ Việt Nam thực hiện đã đem lại lợi ích cho họ. Xét thành tích học tập của những người trẻ được khảo sát, 80% người 20–24 tuổi và 68% người 25–30 tuổi tốt nghiệp cấp ba.

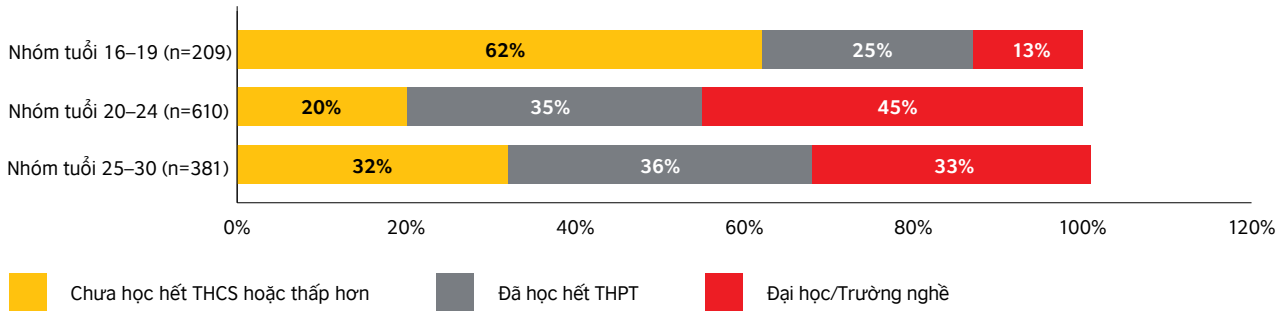
Ấn tượng về hệ thống giáo dục Việt Nam

Giới trẻ Việt Nam cảm thấy lạc quan về hệ thống giáo dục quốc dân. Gần bốn phần năm số người khảo sát đồng ý rằng chất lượng giáo dục Việt Nam đang cải thiện (77%) và ba phần tư cảm

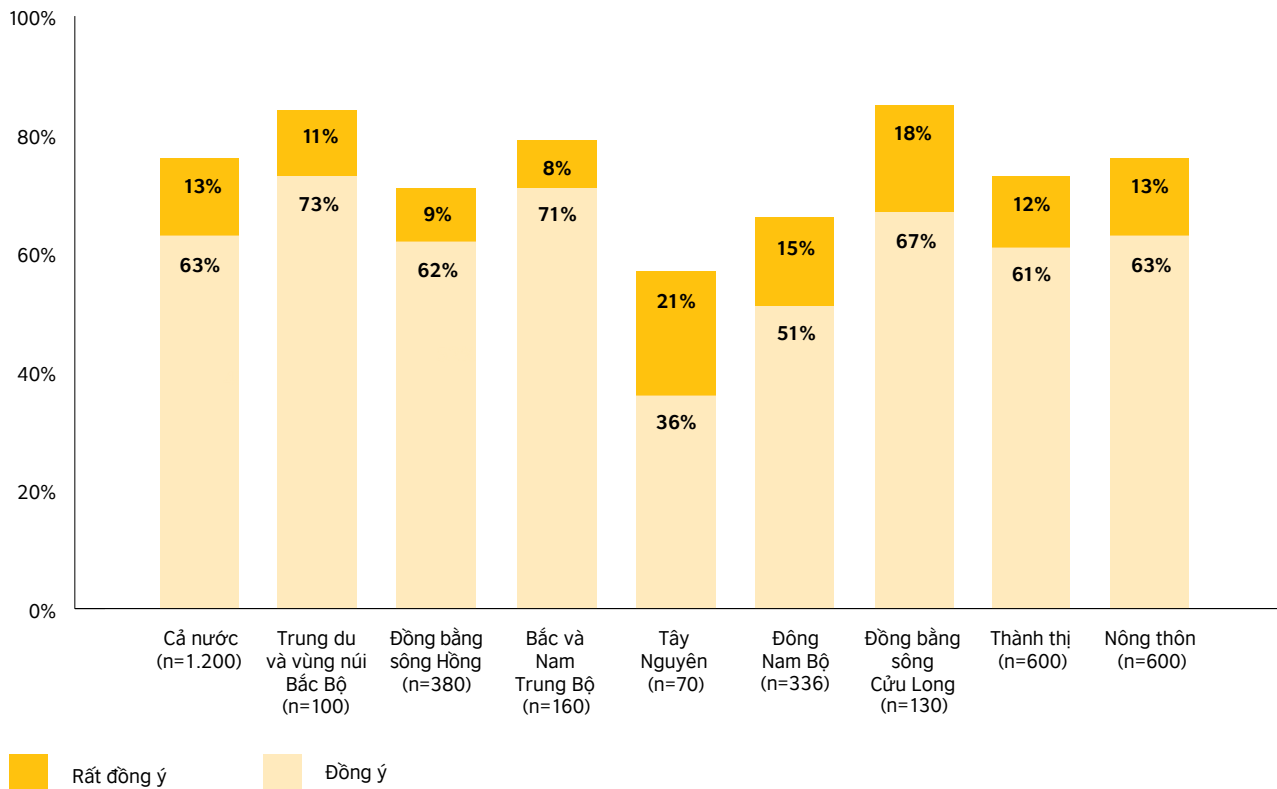
thấy Chính phủ có các chính sách giáo dục tốt (76%). Những người trẻ còn đang đi học cấp ba (nhóm tuổi 16–19) có xu hướng đồng ý rằng chất lượng giáo dục ở Việt Nam đang cải thiện nhiều hơn (85%) so với nhóm tuổi 20–24 (74%). Một đáp viên nữ giới cho biết, “so với ngày xưa, các trường ngày nay có cơ sở vật chất tốt hơn, chương trình học tiên tiến và mở rộng hơn” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, TP. Hồ Chí Minh). Điều này cho thấy hoặc cuộc sống đi làm đã giảm bớt sự lạc quan tuổi trẻ, hoặc gần đây, bậc trung học đã có những cải thiện giáo dục.

Người trẻ ở vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ ít cho rằng giáo dục đang cải thiện (71% và 73% lần lượt) hơn so với các vùng khác. Điều này cho thấy các cải thiện về giáo dục có thể không diễn ra đồng đều ở mọi vùng miền.

Biểu đồ 8: Trình độ học vấn cao nhất theo nhóm tuổi



Biểu đồ 9: Tỷ lệ theo vùng miền và đô thị hóa đồng ý hay rất đồng ý với phát ngôn: “Chính phủ có các chính sách giáo dục tốt.”



Bên cạnh đó, gần sáu phần mười đáp viên đồng ý rằng việc học tập của họ đã chuẩn bị đầy đủ cho họ hành trang vào đời (62%), và rằng họ được giới thiệu rõ ràng về các cơ hội nghề nghiệp khi học trung học (60%). Tương tự như trên, nhiều người thuộc nhóm tuổi 16–19 đồng ý rằng các lựa chọn về nghề nghiệp và học tập là rõ ràng (66%) hơn nhóm tuổi 25–30 (58%). Điều này có thể cho thấy hai khả năng: một là hệ thống giáo dục gần đây đã có những cải thiện; hai là, sau khi đi làm giới trẻ đánh giá khắt khe.

Những thay đổi tích cực được chỉ ra đã cho thấy nỗ lực cải tổ hệ thống giáo dục của Chính phủ:

Tôi nghĩ là việc học ở trường đã trang bị đủ cho tôi, đặc biệt là từ những kinh nghiệm do các thầy cô chia sẻ, và các kỹ năng khác học được ở trường như kỹ năng giao tiếp.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Thanh Trì

Giáo dục bậc đại học được cho là đang cải thiện và đang dần trở thành một yêu cầu đối với những lao động có kỹ năng. Trong thảo luận nhóm, các đáp viên nhấn mạnh rằng lợi thế tương đối của những người có bằng cử nhân đang giảm, như một đáp viên ở Thanh Trì nói: “Cha mẹ cứ nghĩ là bằng cử nhân không thôi là đủ kiếm việc, nhưng bây giờ như thế là không đủ” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19). Người trẻ thấy họ cần có bằng cấp cao hơn để nổi bật trong thị trường lao động – tuy nhiên 59% thấy rằng học cao học là quá đắt đỏ.



Trong khi đó, khoảng một nửa số đáp viên (49%) tin rằng để có được nền giáo dục tốt – nhất là ở bậc đại học – người ta cần đi du học ở các nước như Nhật Bản, Vương quốc Anh, Mĩ hoặc Canada. Theo đó, ba phần tư (73%) đáp viên cảm thấy họ sẽ có cơ hội việc làm tốt hơn sau khi du học về:

Tôi nghĩ du học rất tốt. Chúng tôi có thể học được kiến thức sâu hơn và có nhiều cơ hội nghề nghiệp hơn khi về Việt Nam, nhất là trong các công ty đa quốc gia ở đây.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Hà Nội

Với sáu phần mười (59%) đáp viên cho rằng hoàn thành cao học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) là quá đắt đỏ với bản thân, rõ ràng vẫn còn tồn tại rào cản trong học bậc cao học. Một điểm thú vị là không có mối liên hệ nào giữa thành phần kinh tế gia đình và nhận thức về rào cản giáo dục do chi phí.

Người Việt trẻ nhận thấy những cải thiện trong hệ thống giáo dục nhưng cũng ý thức được vẫn còn nhiều điều phải làm. Họ đã chứng kiến những chuyển biến tốt trong hệ thống, nổi bật nhất là chương trình đào tạo ngày càng toàn diện và những nâng cấp rõ rệt trong chất lượng cơ sở trường học. Sinh viên Việt Nam có thể tiếp cận tốt hơn tới các nguồn thông tin trực tuyến và ngoại tuyến khác nhau, từ đó mở rộng kiến thức bên cạnh việc học trên lớp. Các lớp học như ngoại ngữ, kĩ năng thuyết trình, hoặc công nghệ ngày càng phổ biến với người trẻ, cả trực tuyến và ngoại tuyến. Thời đại đã thay đổi, và chủ yếu là theo hướng tốt hơn. Nói như một đáp viên:

Ngày xưa khó mà theo [học] đến cùng. Bố mẹ chúng tôi chỉ có thể học được đến lớp 4 hoặc lớp 5, rồi phải bỏ học để giúp ông bà lo cho gia đình.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô Hà Nội

Người trẻ dự triển lãm nghệ thuật tại TP. Hồ Chí Minh.

Ảnh: Hội đồng Anh

Với những người trẻ là dân tộc thiểu số, các đáp viên nhìn chung thể hiện sự hài lòng với chất lượng giáo dục, mặc dù họ vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận giáo dục. Những người trẻ sống ở vùng sâu vùng xa, là dân tộc thiểu số, và thuộc hộ nghèo được miễn giảm một phần hoặc toàn bộ học phí như một phần trong kế hoạch khuyến học của Chính phủ (Ngân hàng Thế giới, 2011). Theo phản hồi được ghi nhận trong phiên tóm tắt phân tích, Chính phủ có điểm ưu tiên cho những thí sinh là dân tộc thiểu số, hoặc miễn thi đầu vào đại học. Chính sách miễn giảm học phí từ tiểu học lên tới cấp học nghề được các đáp viên dân tộc thiểu số trong phỏng vấn sâu đánh giá cao. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Chính phủ đã chính thức thực hiện chính sách bảo tồn “ngôn ngữ viết và nói của các dân tộc thiểu số” theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP (Ủy ban Nhân quyền Việt Nam, 2012).

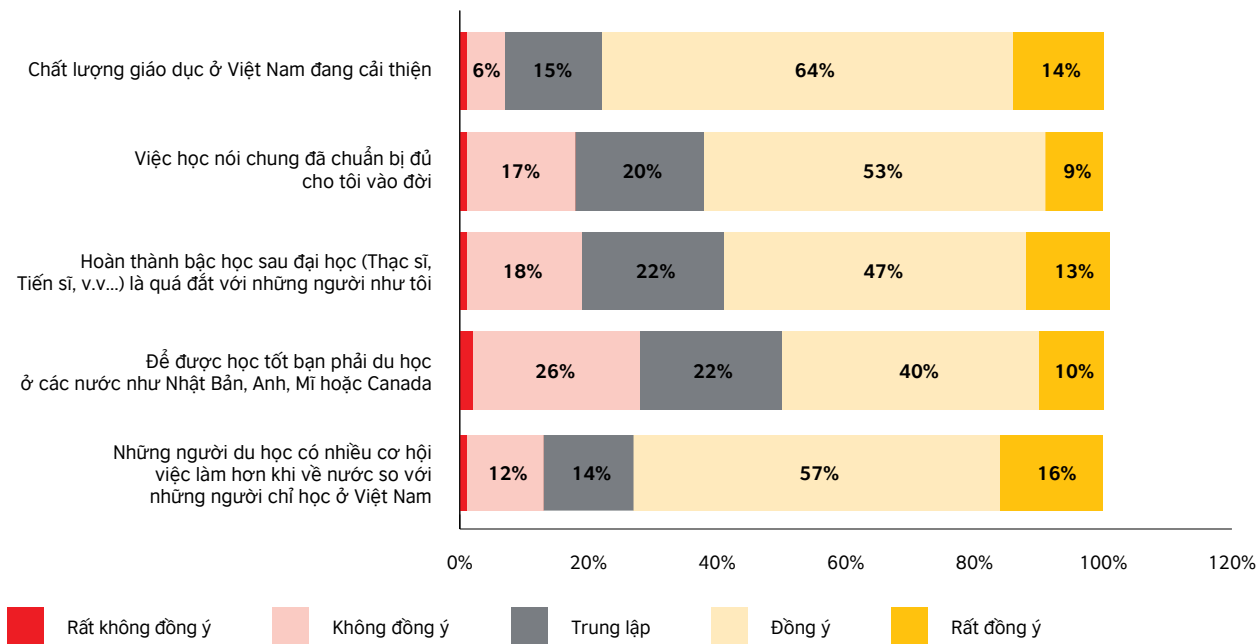
Các con đường học tập

Hai phần ba (64%) người trẻ học nghề hoặc học đại học nói rằng họ chọn ngành học vì sở thích cá nhân; ba phần mười (31%) chọn dựa vào cơ hội nghề nghiệp tương lai. Mặc dù người Việt trẻ ưu tiên sở thích ngành nghề và khả năng có việc làm nhưng quan điểm của họ về cơ hội giáo dục và việc làm có thể chịu nhiều ảnh hưởng từ cha mẹ. Những kết quả này có thể không phản ánh đầy đủ sự quan tâm của giới trẻ trong khối ngành cụ thể. Như một đáp viên chia sẻ trải nghiệm của mình khi chọn con đường học tập:

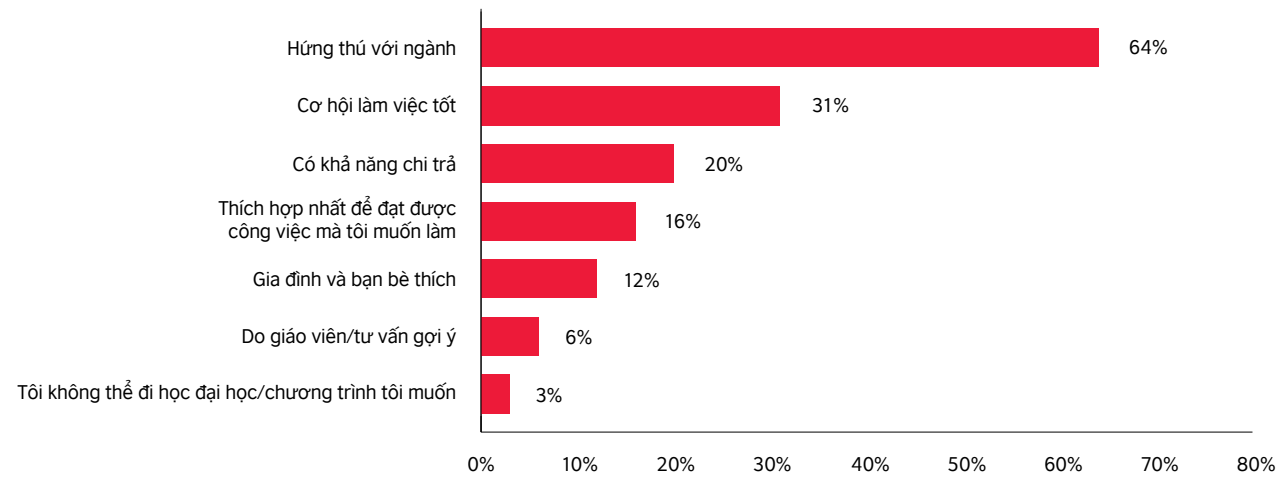
Em không thích học điều dưỡng nhưng mẹ em muốn em học. Mẹ đến hẳn trường nộp hồ sơ cho em. Thế là bây giờ em phải đi thi.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Biểu đồ 10: Quan điểm đáp viên khảo sát về hệ thống giáo dục Việt Nam (n=1.200)



Biểu đồ 11: Tỷ lệ các đáp viên khảo sát lựa chọn lí do chọn ngành học (n=1.200)



Lựa chọn trường phổ thông

Theo thảo luận nhóm tập trung, các trường công được các đáp viên đánh giá là có chất lượng tốt do Nhà nước kiểm soát chương trình học và quy trình tuyển dụng giáo viên. Đồng thời, khoảng một nửa số đáp viên cảm thấy cần phải ra nước ngoài để có được nền giáo dục xuất sắc. Giữa các đáp viên vẫn có sự phân chia quan điểm về nền giáo dục tốt và nền giáo dục tuyệt vời. Các đáp viên đánh giá các trường công danh tiếng xuất sắc dựa theo tỉ lệ học sinh đỗ đại học và khả năng có việc làm của học sinh tốt nghiệp. Tuy nhiên, một số đáp viên chỉ trích trường công về chất lượng không đồng đều, chương trình học không thực tế, chất lượng giáo viên thấp, và vấn nạn tham nhũng mặc dù đây không phải là vấn đề của riêng trường công.

Tương tự, người Việt trẻ có quan điểm đa dạng về trường tư. Học phí và các khoản phí hành chính của trường tư thường cao nhưng bù lại, cơ sở vật chất và chất lượng giáo viên được đánh giá cao. Các đáp viên đặc biệt khen ngợi trường tư về tỉ lệ giáo viên – học sinh

phù hợp cùng phong cách giảng dạy sáng tạo. Trong khi đó, các trường bán công nhìn chung được cho là có chất lượng thấp nhất so với trường tư và trường công.

Các trường quốc tế - có thương hiệu và giảng dạy chương trình học quốc tế - được đánh giá có chất lượng tổng thể cao nhất do cơ sở vật chất xuất sắc, giáo viên có trình độ và kinh nghiệm, chương trình học thực tế, cập nhật và độc đáo, và chú trọng vào kĩ năng mềm. Trong các thảo luận, người trẻ coi trọng việc có một nền giáo dục “chuẩn quốc tế”. Điều này đồng nhất với những kết quả khảo sát thu được rằng, một nửa đáp viên (49%) tin rằng để có được nền giáo dục tốt tổng thể, bạn phải du học tại quốc gia có hệ thống giáo dục xuất sắc. Đáp viên thảo luận nhóm đặc biệt đánh giá cao khả năng được tương tác trong các bối cảnh quốc tế tại các trường quốc tế, khả năng học ngoại ngữ, và quan hệ gần gũi với các nước – một điều có lợi cho những học sinh muốn du học. Học tập tại các trường kiểu này được cho là sẽ tăng tính cạnh tranh trong thị trường lao động, nhất là

ở khối tư nhân. Ở bậc đại học, các đáp viên đánh giá các trường như Đại học Anh quốc Việt Nam (BUV) và RMIT Việt Nam là các trường có tiếng tăm vượt trội. Như một đáp viên nói, “từ “quốc tế” đã có nghĩa là có chất lượng tốt” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang).

Chương trình đào tạo quốc dân

Với nhiều năm kinh nghiệm đổi mới và những bước đi mới cải cách chương trình giáo dục đang diễn ra, Chính phủ Việt Nam có thể chỉ ra những điểm cải thiện nổi bật trong chất lượng chương trình học nói chung. Bản thân những người trẻ cũng nhận ra những điều này. Gần tám trên mười (78%) người trả lời khảo sát cho rằng giáo dục Việt Nam đang cải thiện. Với sự chú trọng vào các môn học STEM¹⁰, thành công trong bài đánh giá quốc tế PISA cho môn Toán và Khoa học vào năm 2015 (báo cáo năm 2018) nên được coi là một chỉ số đáng tin cho những cải thiện về giáo dục. Việt Nam đã qua mặt nhiều quốc gia phát triển như Vương quốc Anh và Mĩ (Trung tâm Phát triển Toàn cầu, 2018).

Bảng 3: Điểm PISA theo năm

Năm	Quốc gia	Khoa học	Đọc hiểu	Toán
2015 (OECD, 2018)	Việt Nam	525	487	495
	OECD trung bình	493	493	490
	Mĩ	497	498	481
	Vương quốc Anh	514	499	494
2012 (OECD, 2013) – lần đầu Việt Nam tham gia	Việt Nam	528	508	511
	OECD trung bình	501	496	494
	Mĩ	496	497	470
	Vương quốc Anh	509	498	492

10 > STEM là từ viết tắt của Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kĩ thuật) và Mathematics (Toán học).

Mặc dù có những cải thiện đáng kể trong chương trình học và kết quả nhưng các đáp viên khi thảo luận nhóm vẫn bày tỏ quan ngại về những khía cạnh không phù hợp cho nghề nghiệp tương lai của họ. Giờ học trên trường dài, nhiều môn học dồn vào một ngày. Ngoài ra, một nhóm nhỏ đáp viên cho rằng một số môn học không phù hợp với cuộc sống và nghề nghiệp của họ: chủ yếu là các môn về giá trị xã hội chủ nghĩa được dạy một cách áp đặt, cùng với việc tập trung quá mức vào các môn STEM, như một nam đáp viên đã chỉ ra, “các trường chỉ toàn dạy lí thuyết, [và] thiếu thực hành hiệu quả. Ngoài ra, một số kĩ năng như kĩ năng giao tiếp lại chưa được coi trọng” (Nam giới, thảo luận tập trung, nhóm tuổi 20–24, An Giang). Hầu hết các đáp viên mong muốn được dạy nhiều hơn về các kĩ năng sống có tính ứng dụng, nhất là những người trẻ có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn. Trong cuộc khảo sát, khoảng hai phần mười (18%) người trẻ

trên cả nước không đồng ý rằng việc học đã trang bị đầy đủ cho họ vào đời.

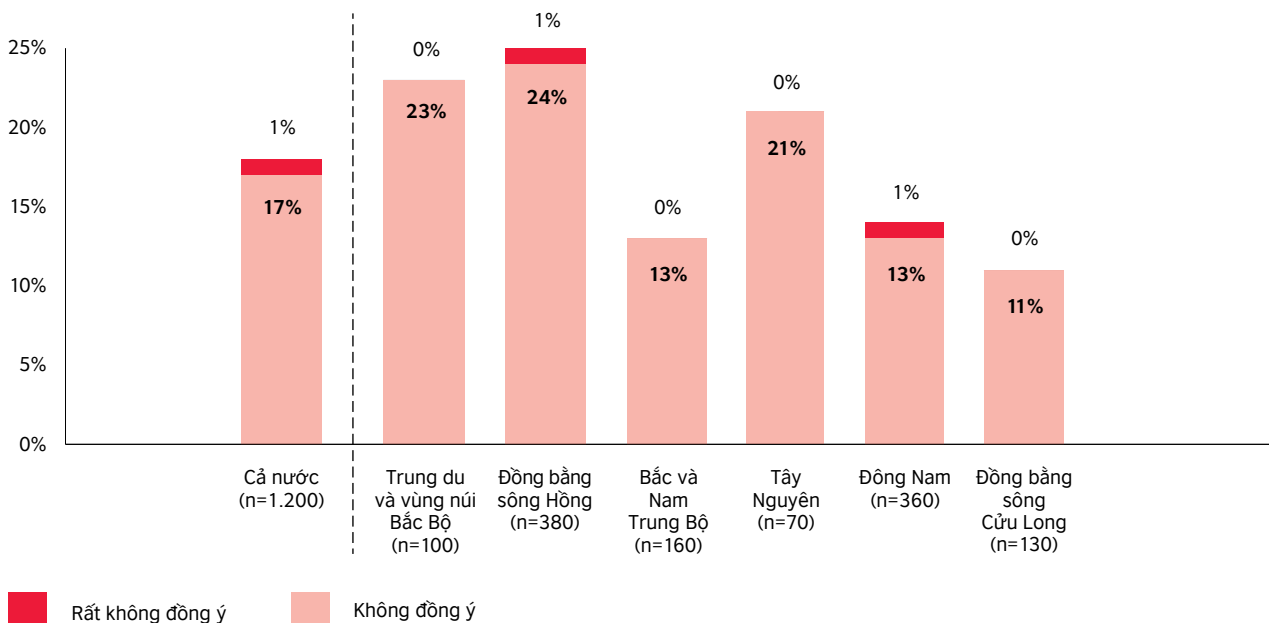
Giáo viên

Các đáp viên trong thảo luận nhóm tập trung đã nhận ra sự thay đổi trong phong cách dạy của giáo viên và động lực dạy học của họ. Về phương pháp dạy, những người trẻ nhận thấy có sự chuyển dịch từ các phương pháp dùng hình phạt và kiểm tra sang các hình thức khen thưởng học sinh để tăng động lực. Các hình phạt về thể xác trong trường học đã giảm do việc sử dụng mạng xã hội rộng rãi và việc lắp đặt máy quay trong nhiều lớp học. Những người trẻ cho rằng mạng xã hội đã khiến vấn đề này được chú ý và thu hút quan tâm.

Mặt khác, các đáp viên cũng cho biết giáo viên ở các trường công ít có động lực và nhiệt tình giảng dạy so với giáo viên ở trường tư. Điều này có thể do trường công không thu hút được giáo viên có chất lượng do lương thấp – nhìn chung, trong các thảo luận nhóm, hình

tượng xã hội của giáo viên đã bị suy giảm khi so với các thế hệ trước. Lương thấp dẫn đến những hành vi không đúng mực của một số giáo viên, ví dụ ép buộc học sinh học thêm, như ghi nhận trong thảo luận nhóm, hoặc có nguy cơ bạo hành ngôn từ trên lớp. Nhóm phân tích suy đoán rằng giáo viên ở nông thôn có thể có nhiều động lực hơn, do vị thế xã hội của nghề dạy vẫn cao, trong khi ở thành thị, vai trò giáo viên trong xã hội đã bị lu mờ bởi những nghề nghiệp khác hấp dẫn hơn. Luật Giáo dục quốc gia cho phép giáo viên nhận trợ cấp và các khoản ưu đãi khác khi làm việc tại: “các khu vực cực kì khó khăn về kinh tế-xã hội, trường chuyên, trường năng khiếu, trường nội trú dân tộc, và trường dành cho người khuyết tật.” (Ngân hàng Thế giới, đd). Tuy nhiên, dữ liệu từ nghiên cứu không thể xác nhận hay loại bỏ điểm này, do đó cần tìm hiểu thêm để quyết định.

Biểu đồ 12: Tỷ lệ không đồng ý theo vùng miền với phát ngôn: “Việc học đã chuẩn bị đủ cho tôi bước vào đời”



Các rào cản với giáo dục

Bạo lực học đường

Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung thường đề cập tới vấn đề bạo lực học đường. Người Việt trẻ nhận thấy bạo lực giữa học sinh đang gia tăng, so với trước đây, trong khi bạo lực giữa giáo viên và học sinh thì không còn nổi cộm như trước, do hệ thống giám sát của nhà trường và việc sử dụng mạng xã hội để thông tin về các sự vụ này. Bạo hành thể xác cũng được coi là phạm pháp theo Luật Giáo dục Việt Nam năm 2005 và Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004. Tuy nhiên, các báo cáo về bạo hành cảm xúc và tinh thần trong trường học gồm bắt nạt, nhạo báng hoặc mắng mỏ, vẫn mang tính thời sự. Một nam đáp viên đã nói rằng: “Bây giờ có hình thức bạo hành mới, chính là chê bai ngoại hình. Kiểu bạo hành này thậm chí còn gây đau đớn hơn cả bạo hành thể xác.” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang). Điều này thống nhất với số liệu từ OECD, cho thấy 27% học sinh Việt Nam cho biết đã bị bắt nạt ít nhất vài lần một tháng (OECD, 2019). Những đáp viên là cha mẹ trẻ trong phỏng vấn sâu cũng nêu lên quan ngại đối với sự an toàn của con cái họ, thể hiện sự lo lắng rằng con họ có thể bị bạo hành thể xác ở trường. Thảo luận nhóm cũng đề cập bạo hành thể xác trong trường học, nhất là giữa học sinh, và coi đó có thể là một yếu tố dẫn đến tỉ lệ bỏ học giữa chừng.

Chi phí

Học phí, cả cho học chính khóa và học thêm, cũng là một trong những rào cản ngăn người trẻ học tập. Đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Anh (2009) và OECD (2017), các đáp viên phỏng vấn sâu thuộc nhóm thu nhập thấp và thảo luận nhóm chia sẻ rằng, nếu gia đình gặp khó khăn tài chính thường thì hệ quả thường là nạn bỏ học giữa chừng. Một số học sinh, dù có thể trả được học phí chính khóa, đã phải bỏ học thêm vì gia đình không đủ sức chi trả. Thi thoảng, trường hoặc chính quyền địa phương sẽ hỗ trợ một phần học phí (Đáp viên thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô Hà Nội). Tuy nhiên, với những người khác, chi phí vẫn là một rào cản nghiêm trọng:

Kết quả học tập của em đạt loại giỏi nhưng em cảm thấy gia đình không thể lo cho em đi học được nữa, nên em chọn nghỉ học, và cha mẹ em cũng không phản đối.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Nghĩa vụ gia đình cũng được các đáp viên thảo luận nhóm coi là một yếu tố dẫn đến bỏ học, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn có thể chỉ cần con cái học vừa đủ để kiếm được việc và kiếm tiền hỗ trợ gia đình. Thử vị là, chính các đáp viên nam trong thảo luận nhóm – chứ không phải đáp viên nữ – đã chỉ ra rằng một số học sinh nghỉ học để lập gia đình hoặc vì mang bầu:

Khoảng một đến hai phần trăm học sinh sẽ bỏ học giữa chừng vì họ không muốn học tiếp: họ chỉ muốn kiếm tiền, có bầu, đánh lộn, và không thể lo nổi tiền học.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, ven đô TP. Hồ Chí Minh

Ưu tiên đi làm hơn đi học chính quy là một trong những nguyên do dẫn đến việc bỏ học do tài chính ổn định là điều mà nhiều người Việt trẻ mong ước. Một đáp viên phỏng vấn sâu nói rằng cô muốn học xong trung học và sẽ không học đại học để theo đuổi giấc mơ khởi nghiệp. Các thảo luận nhóm phân tích xoay quanh những câu chuyện về bán rong kiếm tiền để nuôi gia đình. Trong các thảo luận nhóm tập trung, một số sinh viên đại học cho biết họ đã bỏ học ngay khi kiếm được việc làm bán thời gian – dù là để kiếm tiền hay để lấy kinh nghiệm (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, ven đô Hà Nội). Với họ, hứng thú học thêm phai nhạt sau khi họ bắt đầu tự kiếm được tiền: “Em không muốn học, đi học chán lắm, đi làm kiếm tiền vui hơn.” (Nam giới thảo luận nhóm, nhóm tuổi 16–19, An Giang).

Một cách bù đắp khoảng trống thông tin này có thể là đưa ra những lựa chọn học tập trong tương lai thông qua phân tích chi phí – lợi ích của thu nhập ngắn hạn và thu nhập dài hạn. Một cách khác có thể cân nhắc là tạo dựng diễn đàn doanh nghiệp trẻ chuyên cung cấp thông tin rõ ràng về mối liên hệ giữa giáo dục với kĩ năng.

Đến trường

Với những người trẻ đối diện nhiều rào cản, nhất là những ai ở nông thôn, thuộc cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc có khuyết tật thể chất, khoảng cách và cách đến trường khiến việc học tập càng thêm khó khăn. Việc đạp xe hàng cây số tới trường không phải là chuyện gì xa lạ với các đáp viên ở nông thôn, trong khi chất lượng đường nông thôn lại không tốt. Tuy nhiên, việc đi lại cũng là mối quan tâm của các học sinh thành thị. Trong một số phỏng vấn sâu với những người trẻ có thu nhập thấp, khả năng đến trường bằng xe máy hoặc xe buýt vấp phải rào cản về chi phí, ngăn cản việc đến trường: “Có hai lí do khiến em bỏ học. Gia đình em không lo nổi tiền học và em không có phương tiện để đến trường.” (Nam giới, phỏng vấn sâu, 18 tuổi, TP. Hồ Chí Minh, bỏ học).

Bên cạnh đó, thời khóa biểu cũng là một vấn đề với những người học làm việc bán thời gian trong ngày. Nghiên cứu nhận thấy điều này đặc biệt đúng với các cộng đồng nông thôn. Tuy nhiên, sẽ cần kiểm chứng thêm với bối cảnh thành thị, có những người lao động bận rộn trong các ngành như dịch vụ hoặc khách sạn.

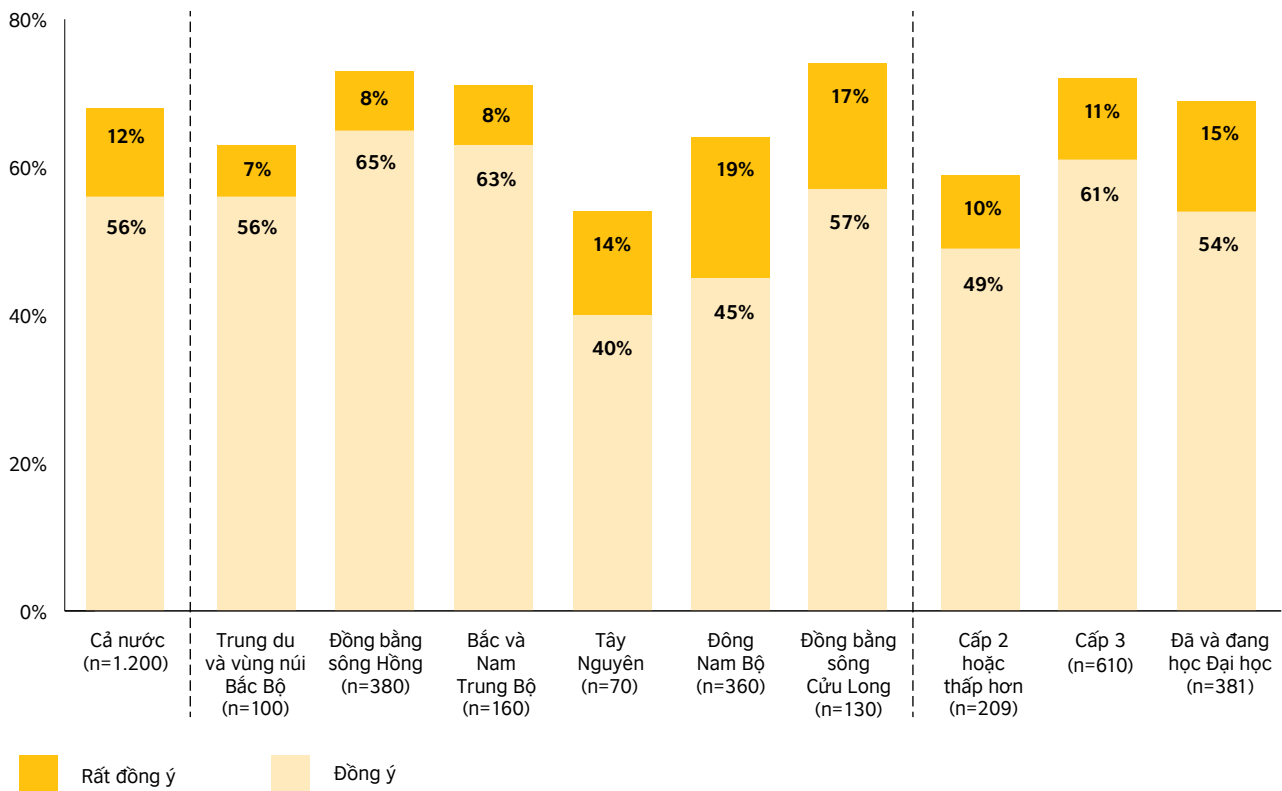
Học thêm

Theo khảo sát đại diện toàn quốc, khoảng bảy phần mười (68%) người trả lời cảm thấy cần học thêm để có thể học tốt ở Việt Nam. Những ai đã tốt nghiệp cấp ba coi trọng yêu cầu này hơn (71%) so với những người chỉ tốt nghiệp cấp hai (60%). Khi được hỏi trong thảo luận nhóm, đa số cho biết họ cảm thấy áp lực phải đi học thêm hoặc học gia sư ngoài giờ chính khóa. Áp lực này đến từ bạn bè hoặc giáo viên, những người có thể ép họ học thêm nhiều giờ sau chính khóa để biết các nội dung mà nếu không học thêm thì sẽ không biết:

Học thêm là cần thiết vì giờ học trên lớp ngắn lắm. Hơn nữa, giáo viên thường hay cho bọn em mẹo để làm bài tập về nhà. Nhiều người bọn em học thêm là vì bọn em không muốn bị giáo viên trừ.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, An Giang

Biểu đồ 13: Tỷ lệ theo vùng miền và trình độ học vấn đồng ý với phát ngôn bạn cần học thêm để học tốt ở Việt Nam



Trong các thảo luận nhóm tập trung, những người đã từng đi học cho biết một số giáo viên thường quan tâm hơn tới những học sinh học thêm lớp của họ và trù dập những ai không học thêm. Người trẻ nói rằng giáo viên đôi lúc không giảng hết trên lớp để ưu tiên cho những học sinh học lớp học thêm của họ để thi đỗ. Trong các lớp học thêm, các đáp viên cho biết giáo viên sẽ cung cấp các mẹo thi cử, hoặc thậm chí còn cho học sinh học thêm để kiểm tra để chuẩn bị trước. Một số học sinh cho biết tiết học trên lớp thường quá ngắn, và đó là lý do vì sao họ phải học thêm để hỏi thêm thầy cô về những điều họ không hiểu ở trên lớp. Bên cạnh các môn học ở trường, các kỹ năng như kỹ năng tin học, kỹ năng đàm phán, kế toán và thuế, và ngoại ngữ cũng là các nội dung học thêm được ưa thích vì đó là những điều sẽ cần thiết cho nghề nghiệp sau này. Lớp học thêm vẫn diễn ra bất chấp việc nó không được cho phép:

Luật cấm việc dạy thêm và học thêm nhưng các lớp học thêm vẫn diễn ra cho đến giờ vì giáo viên, đặc biệt ở trường công, vẫn cần kiếm thêm tiền vì lương chính của các thầy cô do nhà nước trả rất thấp.

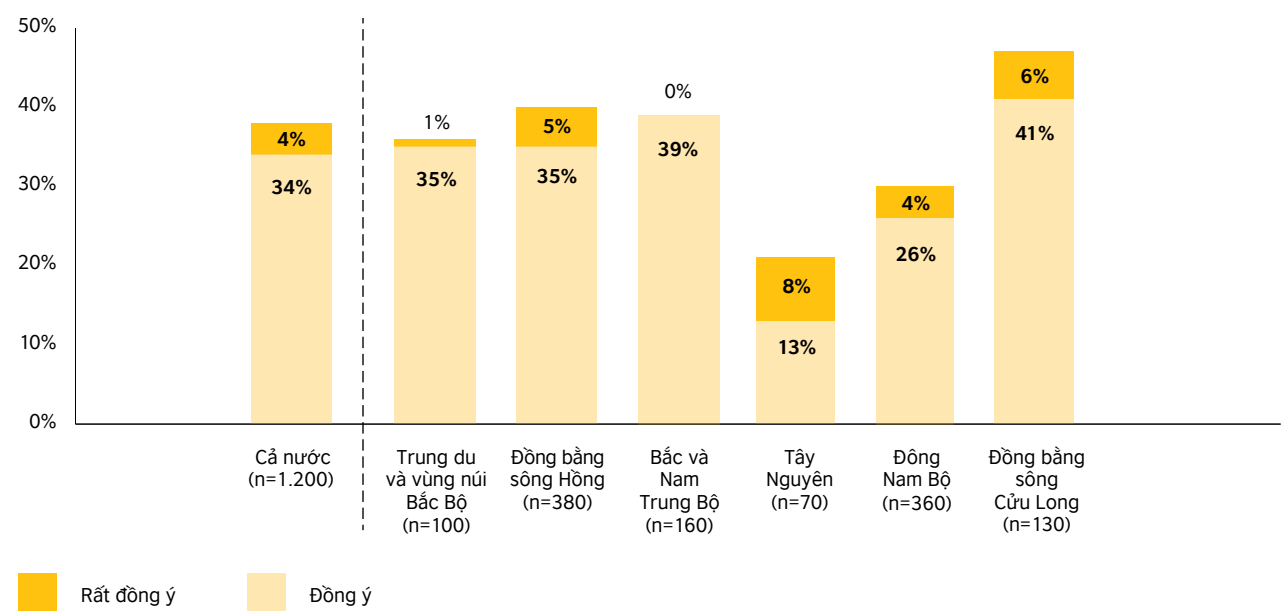
Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh

Áp lực thể hiện

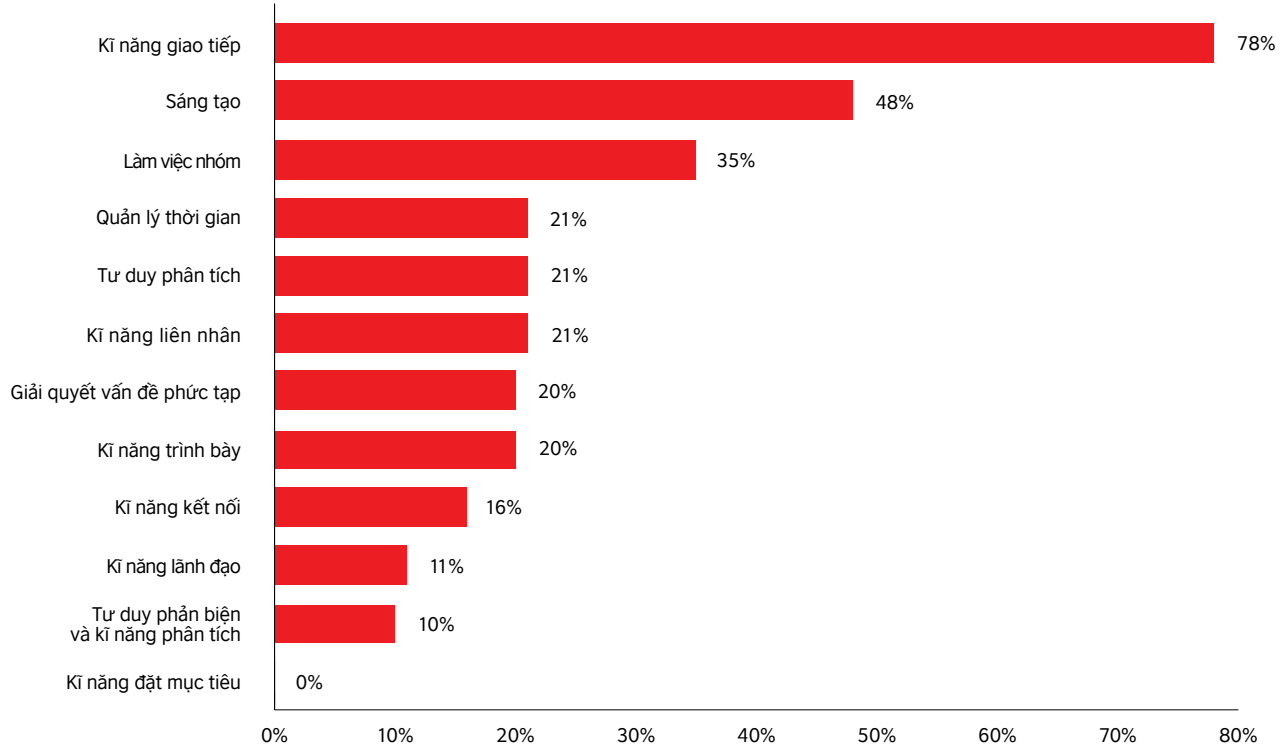
Nhiều người trẻ chịu áp lực phải học giỏi từ gia đình. Bốn phần mười (38%) đáp viên khảo sát đồng ý rằng họ cảm thấy áp lực phải học theo lựa chọn của gia đình. Tuy nhiên, tỷ lệ tương đương (35%) không thấy áp lực đó. Theo các đáp viên thảo luận nhóm tập trung, cha mẹ họ và các nhà tuyển dụng tương lai ưu tiên kết quả thi. Các câu chuyện chia sẻ trong thảo luận nhấn mạnh rằng áp lực này dẫn đến nạn tham nhũng trầm trọng ở các trường như sửa điểm thi hay thậm chí là làm bằng giả. Vẫn còn tồn tại áp lực học đại học từ phía cha mẹ dù hiện giờ có nhiều sinh viên tốt

nghề thất nghiệp và nhu cầu kỹ năng nghề và khởi nghiệp tăng. Một đáp viên chỉ ra rằng “có những người tìm đến cách gian lận, hối lộ, sửa điểm và làm giả bằng để vào đại học” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh).

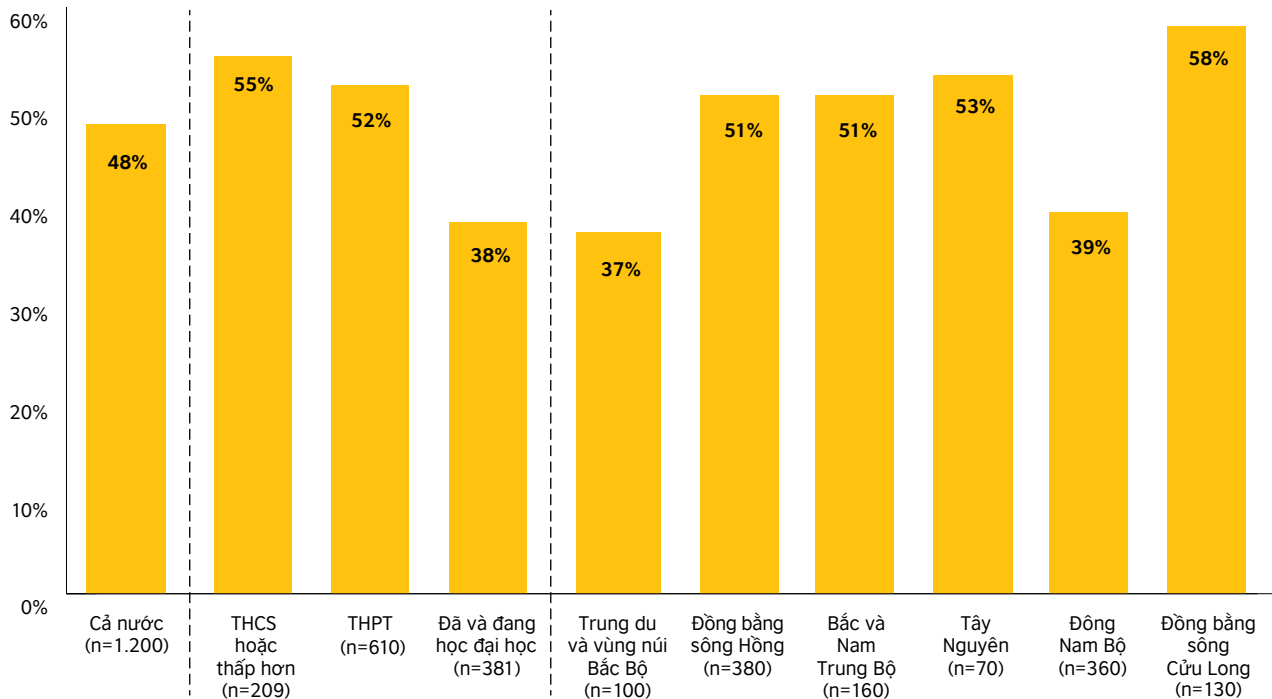
Biểu đồ 14: Tỷ lệ (theo vùng miền) đồng ý với phát ngôn “Tôi cảm thấy áp lực khi học theo ý của gia đình”



Biểu đồ 15: Ba kĩ năng quan trọng nhất được chọn khi hỏi “Kĩ năng tổng quát nào bạn cho là quan trọng nhất khi đi làm?”



Biểu đồ 16: Tỷ lệ (theo trình độ học vấn cao nhất và vùng miền) cho biết sáng tạo xếp trong top 3 kỹ năng cần nhất khi đi làm



Khoảng trống kỹ năng và cách bù lấp

Kỹ năng và kiến thức chúng em học ở trường chỉ đáp ứng khoảng 30% kỹ năng cần cho công việc tương lai.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho rằng, tính phi ứng dụng của chương trình học Việt Nam cho những nhóm cá nhân đặc thù chính là một trong những nguyên nhân chính cho tỷ lệ bỏ học. Những đáp viên được phỏng vấn khác lại cảm thấy chất lượng của hệ thống giáo dục đã làm giảm giá trị của các bằng cấp giáo dục – ít nhất là họ ngụ ý như vậy. Minh chứng từ các thảo luận nhóm tập trung cho thấy số ít cá nhân đã chủ động bỏ học vì họ không chắc liệu học hành có giúp họ kiếm được việc trong tương lai hay không. Một số đáp viên tin rằng thị trường lao động không còn trọng bằng cấp như trước đây, và họ chọn bỏ học chính quy, đăng ký đào tạo nghề, và đi làm:

Bằng cấp giờ không giá trị đến thế, [và] học để lấy bằng cũng chẳng đáng. Mục tiêu cuối cùng đằng nào cũng là kiếm tiền. Vì thế, học ít kỹ năng nghề rồi kiếm tiền nhờ đó sẽ hợp lý hơn.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Hà Nội

Giáo dục chính quy dường như không cung cấp được bộ kỹ năng đầy đủ cần thiết cho khả năng được tuyển dụng vào thế kỷ 21. Khi được hỏi về ba kỹ năng quan trọng nhất khi đi làm, các đáp viên khảo sát đã chọn kỹ năng giao tiếp (78%), cùng các kỹ năng mềm như sáng tạo (48%), làm việc nhóm (35%), quản lý thời gian (21%), tư duy phân tích (21%) và kỹ năng liên nhân (21%).

Kỹ năng giao tiếp – theo định nghĩa trong các thảo luận nhóm tập trung – có nghĩa là có thể giao tiếp khôn ngoan và có khả năng dẫn dắt cuộc đối thoại khi nói chuyện với các bên khác nhau: “kỹ năng giao tiếp quan trọng nhưng không trường nào dạy” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Hà Nội). Các đáp viên cho rằng những kỹ năng này giúp giải quyết các vấn đề căng thẳng mà vẫn rất thuyết phục – một yếu tố để thăng tiến.

Trong khi các kỹ năng sáng tạo đứng thứ hai về mức độ quan trọng trong công việc thì quan điểm định tính về tính ứng dụng của các kỹ năng này tại nơi làm rất đa dạng. Một số người trẻ rất coi trọng kỹ năng sáng tạo, coi đó là thiết yếu cho mọi nghề và là một điều khiến họ khác biệt với các ứng viên khác. Số khác lại cho rằng kỹ năng này chỉ cần thiết cho một số nghề. Nói cách khác, không phải ngành nào cũng coi trọng sáng tạo:

Tôi đã từng bị sa thải vì sáng tạo rồi. Tôi cố trình bày ý tưởng với quản lý, nhưng họ không đồng ý và không cho tôi giải thích. Họ cho rằng tôi thiếu tôn trọng họ và sa thải tôi. Kể từ đó, tôi rút ra bài học là: luôn theo đám đông.

Nữ giới, thảo luận nhóm, nhóm tuổi 25–30, ven đô Hà Nội

Các thành viên trong các nhóm thảo luận tập trung mong muốn đẩy mạnh kỹ năng tư duy phản biện và các kỹ năng mềm khác trong hệ thống trường công. Đồng thời, họ cảm thấy các trường quốc tế và trường tư đã tạo được môi trường để học sinh có thể học được các kỹ năng mềm. Nhu cầu về kỹ năng sống, với sự nhấn mạnh vào chương trình tự lập, đặc biệt nổi bật trong các bạn trẻ khuyết tật thể chất.

Cùng dễ dàng nhận ra các đáp viên thảo luận nhóm tập trung và những người trả lời khảo sát đã không nhận được tư vấn nghề hoặc thiếu kiến thức về thị trường lao động. Điều này được thể hiện trong những phản nản về nạn thất nghiệp hoặc thiếu việc làm.

Chúng tôi bị thiếu định hướng nghề nghiệp. Chúng tôi đã không biết nên theo ngành học nào ở đại học cho phù hợp năng lực.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh

Để bù lấp những thiếu hụt kỹ năng này, các sinh viên Việt Nam đã đưa ra những giải pháp như câu lạc bộ trường đại học và các lớp học thêm là một cách mà sinh viên Việt Nam sử dụng để học các kỹ

năng mà họ cho là cần thiết với công việc, giúp họ nổi bật giữa đám đông: “Nếu chỉ dựa vào kiến thức trên lớp thôi thì sẽ chỉ được cho là “chấp nhận được”. Nếu muốn hiểu sâu hơn thì cần đi học thêm” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Hà Nội). Các câu lạc bộ tại trường đem lại cơ hội mở rộng kỹ năng mềm và tạo cơ hội kết nối sinh viên với nhà tuyển dụng tiềm năng. Những câu lạc bộ này thường tuyển các vị trí để tự tổ chức sự kiện và đào tạo, cùng với các sự kiện được thiết kế để dạy người tham gia một vài kỹ năng cần thiết nhất.

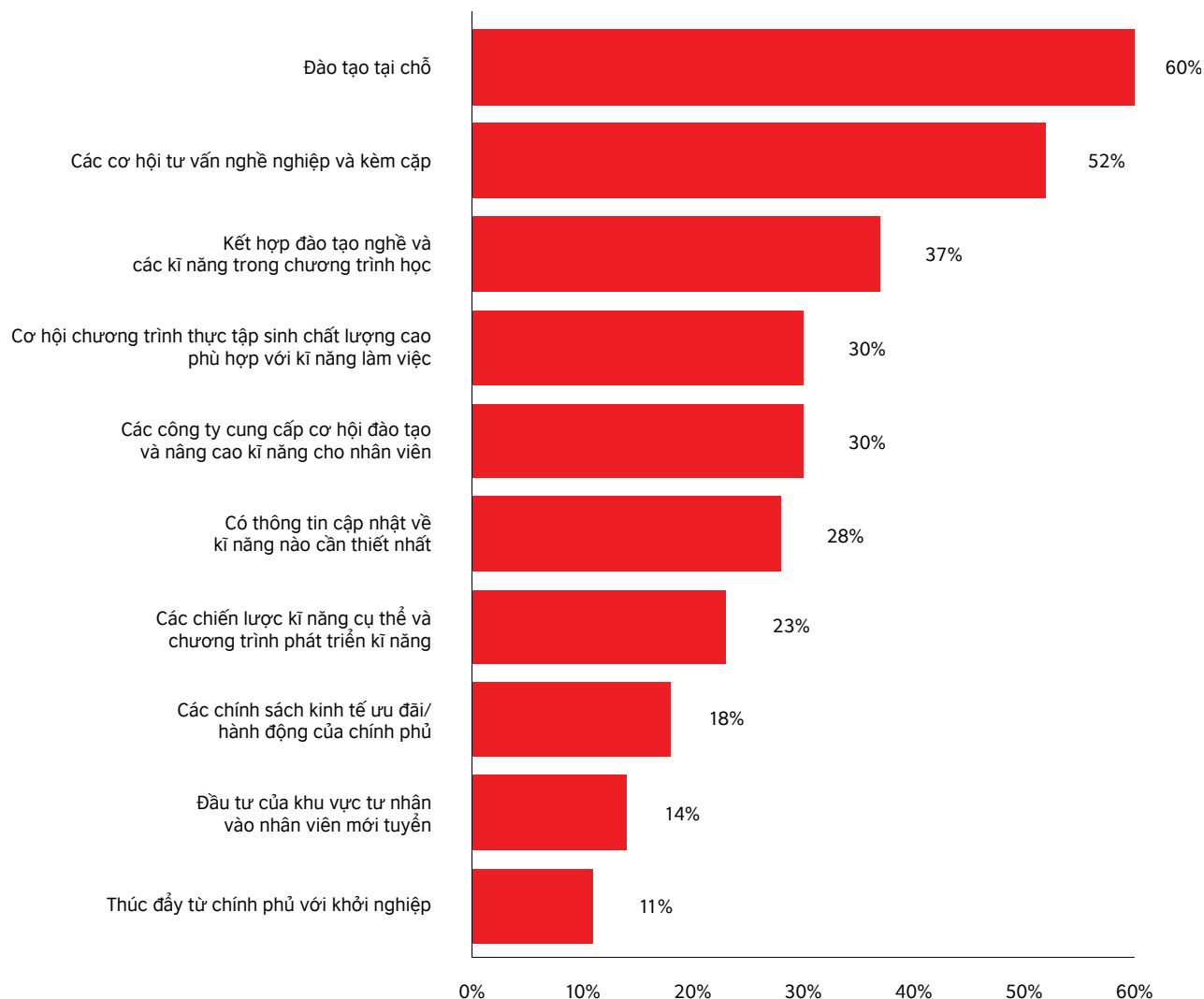
Đào tạo tại chỗ (60%) và các cơ hội tư vấn nghề nghiệp và kèm cặp (52%) nằm trong những hướng giải quyết được nhắc tới nhiều nhất trong khảo sát quốc gia để giải quyết sự “vênh lệch” giữa

nguyện vọng và thực tế thị trường lao động. Nữ giới có xu hướng muốn được tư vấn nghề nghiệp nhiều hơn (57%) so với nam giới (48%). Kết hợp đào tạo nghề và kỹ năng trong chương trình học (57%) cũng được coi là một hướng thiết yếu. Những câu trả lời này tái củng cố quan điểm rằng, có những kỹ năng mới hoặc môn học mới mà người học cảm thấy mình cần học trước khi gia nhập thị trường lao động:

Em nghĩ là học nghề tốt hơn học đại học vì em có thể học trong thời gian ngắn hơn và có thể có được kinh nghiệm thực tế hoặc thực hành trong trường. Khi học ở đại học, em chỉ học các lý thuyết không thực tiễn.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Biểu đồ 17: Phản ứng với các hướng giải quyết bất kỳ sự không phù hợp nào giữa nguyện vọng của bạn và thực tế thị trường việc làm (n=1.200)



Bối cảnh việc làm

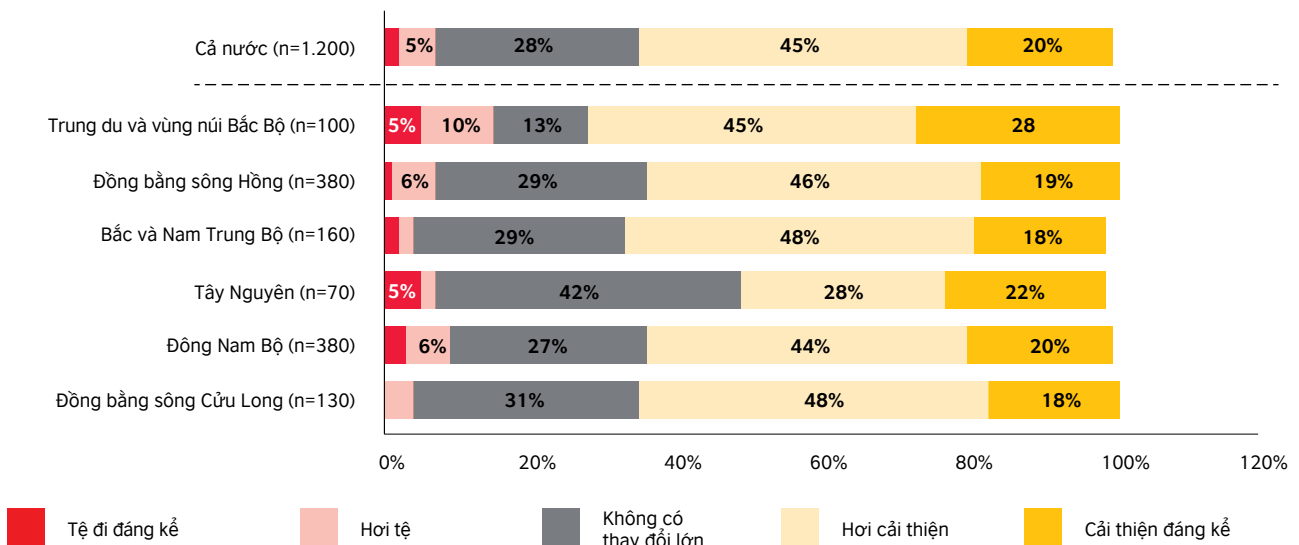
Thị trường việc làm hiện tại

Nhìn chung, người Việt trẻ cảm thấy các cơ hội việc làm đang cải thiện. Do sự phát triển kinh tế của Việt Nam được đẩy mạnh do chính sách Đổi mới, số lượng và độ đa dạng các công việc đã tăng lên cùng với sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp và công ty. Đồng thời, những tiến bộ công nghệ và sự phát triển tổng thể đã giúp những người trưởng thành trong hai thập kỷ vừa qua có được mức lương cao hơn hẳn so với cha mẹ họ. Người trẻ cũng nhận thấy những thay đổi tích cực trong nhận thức cộng đồng về bình đẳng giới tại nơi làm.

Gần hai phần ba người Việt trẻ (65%) tin rằng các cơ hội việc làm cho đoàn hệ nhân khẩu học của họ tại Việt Nam đã cải thiện trong vòng năm năm qua. Trong nhóm này, khoảng 20% cảm thấy cơ hội được cải thiện đáng kể. Chỉ có 7% cho rằng cơ hội việc làm đang giảm và 28% cảm thấy không có thay đổi. Các đáp viên thuộc nhóm tuổi 25–30 có xu hướng nói rằng đang có nhiều việc làm hơn (48%) so với nhóm trẻ hơn, nhóm tuổi 16–19 (36%). Nguyên nhân có thể vì họ đã có nhiều kinh nghiệm thực tiễn hơn trong thị trường lao động.

Về di cư lao động nội địa: đa số các đáp viên đều thích hoặc chuyển tới một tỉnh khác ở Việt Nam (62%), hoặc tới Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh (78%). TP. Hồ Chí Minh được các đáp viên ưa thích hơn một chút do họ nhìn thấy nhiều cơ hội việc làm ở đó (52%) so với ở Hà Nội (36%). Trong các thảo luận nhóm và phiên phân tích, các đáp viên cũng cảm thấy tính minh bạch trong tuyển dụng ở TP. Hồ Chí Minh cao hơn, do có nhiều vị trí trong khu vực tư nhân hơn so với Hà Nội, có nhiều vị trí trong khu vực công hơn. Quan điểm chung trong các thảo luận nhóm tập trung là muốn có công việc ở khu vực công thì thường cần quan hệ cá nhân, gia đình hoặc chính trị. Trong khi đó, công việc ở khu vực tư nhân phổ biến hơn ở TP. Hồ Chí Minh và được cho là cạnh tranh công khai hơn.

Biểu đồ 18: Phản ứng (theo vùng miền) với câu hỏi về cơ hội việc làm cho người Việt trẻ trong năm năm qua



Người trẻ với hoàn cảnh đặc biệt và ở nông thôn mạnh mẽ bày tỏ rằng cuộc sống của họ và khả năng tiếp cận việc làm đã được cải thiện đáng kể kể từ thế hệ cha mẹ họ:

Người trẻ ngày nay có công việc tốt hơn so với thế hệ cha mẹ chúng tôi vì họ có nhiều lựa chọn hơn, như làm việc ở nhà máy thay vì làm việc ngoài đồng như cha mẹ tôi.

Nữ giới, phỏng vấn sâu, 20 tuổi, An Giang, nghỉ học

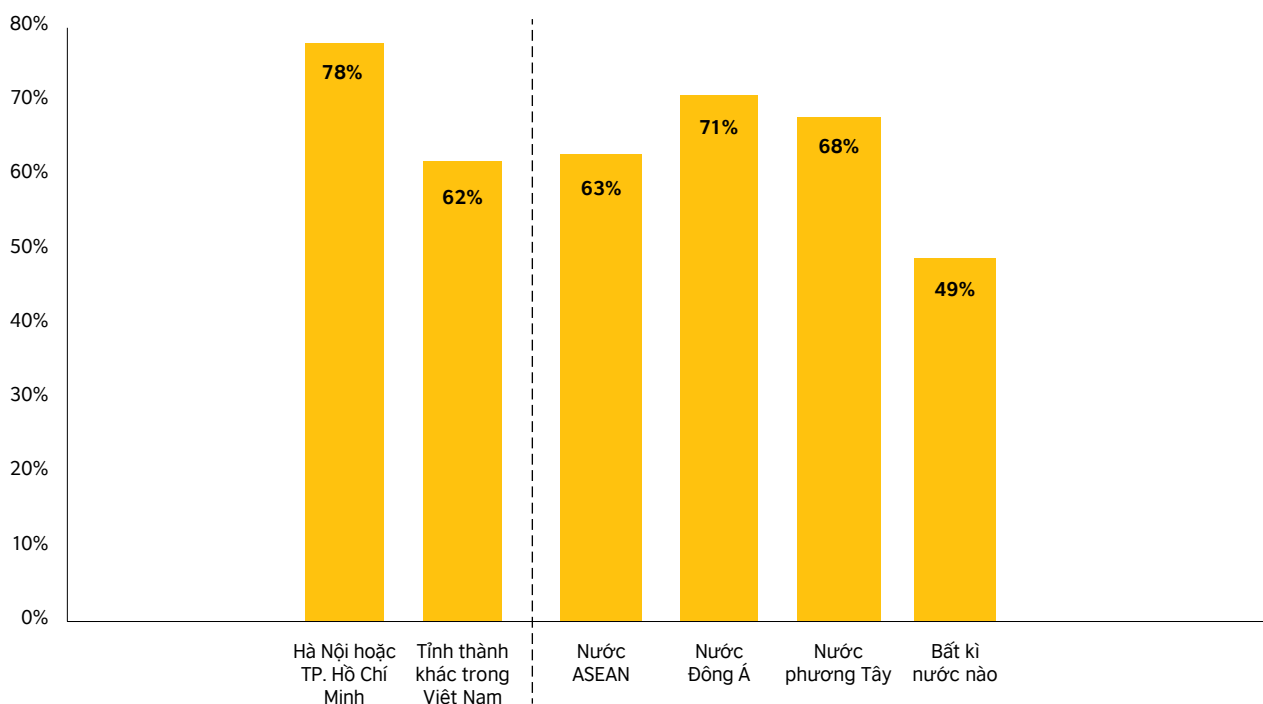
Ngược lại, những đáp viên trong nhóm thảo luận tập trung ở thành thị bày tỏ những lo lắng rằng thị trường lao động đang ngày càng cạnh tranh, khiến họ không có được những vị trí công việc

mong muốn. Cùng với trình độ học vấn cao ở Việt Nam, nhiều đáp viên cảm thấy lượng cung đang vượt quá cầu, không như ngày trước khi những người có bằng cao hơn sẽ tự động có nhiều cơ hội có việc làm hơn. Điều này đặc biệt chính xác với những lao động lành nghề: “Có nhiều việc nhưng lại rất cạnh tranh vì bây giờ ai cũng có bằng đại học. Thậm chí tôi đã làm giao hàng sau khi tốt nghiệp đại học.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang). Theo hướng đó, dựa trên khảo sát, khoảng bốn phần mười (42%) đáp viên cảm thấy có nhiều hoặc rất nhiều việc làm phù hợp nhu cầu của họ. Tuy nhiên, con số này thay đổi đáng kể theo nhóm tuổi và vùng miền (xem biểu đồ 20). Những đáp viên sống ở Tây

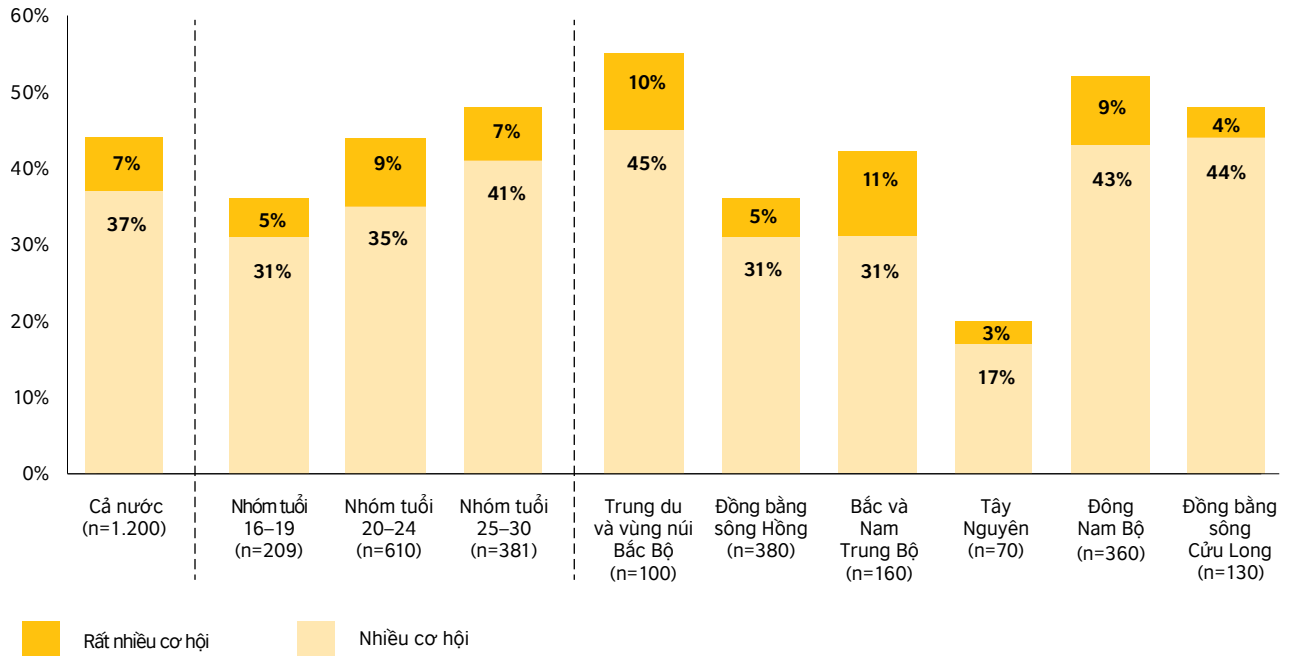
Nguyên đặc biệt bị quan: chỉ có 20% cho biết có nhiều hoặc rất nhiều cơ hội việc làm. Trong khi đó, khoảng một nửa số đáp viên trên toàn Việt Nam cho rằng số cơ hội việc làm ở mức trung bình.

Mặc dù nhiều người cảm thấy có những cơ hội tuyệt vời nhưng khi nghiên cứu sâu dữ liệu khảo sát định lượng sẽ thấy hai phần ba (68%) người trẻ cũng cảm thấy những người thuộc độ tuổi của họ khó tìm được việc phù hợp. Sự khác biệt giữa các vùng miền cũng là một yếu tố, khu vực đồng bằng sông Hồng (58%), Tây Nguyên (60%) và Đông Nam Bộ (6%) cho biết có nhiều khó khăn hơn khi tìm việc so với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc (72%), Bắc và Nam Trung Bộ (73%) và đồng bằng sông Cửu Long (78%).

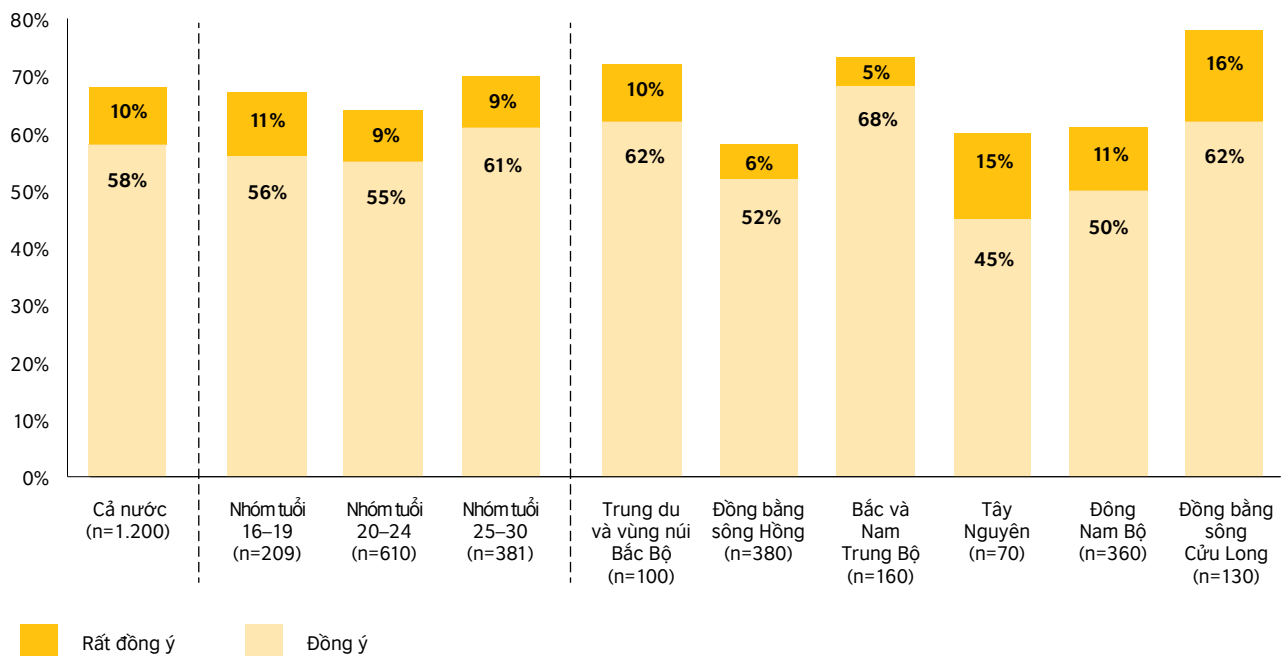
Biểu đồ 19: Tỷ lệ các đáp viên khảo sát chọn các quốc gia sau khi được hỏi: “Trong tương lai bạn muốn làm việc ở... nhiều đến mức nào” (n=1.200)



Biểu đồ 20: Tỷ lệ (theo nhóm tuổi và vùng miền) cho rằng có nhiều hoặc rất nhiều cơ hội việc làm phù hợp nhu cầu



Biểu đồ 21: Tỷ lệ (theo nhóm tuổi và vùng miền) các đáp viên đồng ý với phát ngôn: “Những người ở độ tuổi của tôi khó tìm việc làm phù hợp.”



Vấn đề giới ở nơi làm

Như đã nêu ở trên, khi được hỏi trong khảo sát về định kiến giới và việc làm, đa số đáp viên, nhất là những người ở nông thôn, vẫn giữ thiên kiến do giới rằng một số nghề sẽ phù hợp với giới này hơn giới khác. Tuy nhiên, trong các đối thoại sâu hơn, hầu hết các đáp viên thảo luận nhóm đều thể hiện một quan điểm đồng nhất rằng cả nam và nữ có thể làm bất kỳ việc gì họ thích.

[Sự] phát triển xã hội của phụ nữ, độc lập tài chính, phụ nữ [giờ] có thể tự quyết chuyện hôn nhân. Ngày xưa, kết hôn xong là phụ nữ phải ở nhà chăm sóc gia đình. Bây giờ, phụ nữ cũng cần đi làm.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, TP. Hồ Chí Minh

Tuy nhiên, các yếu tố thể chất của nam giới cũng thường xuyên được đề cập như một yếu tố để phân định nghề cho nam và cho nữ. Trong các thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu, nhiều người cho rằng nam giới có thể làm những việc “thích hợp hơn” với nữ giới, nhưng sẽ khó hơn cho nữ giới làm những việc “thích hợp hơn” với nam giới.

Việc làm bán thời gian và hợp đồng thời vụ

Các việc làm bán thời gian và hợp đồng thời vụ thường được người trẻ lựa chọn, do sự ổn định và độc lập tài chính là ưu tiên. Khi cảm thấy áp lực phải kiếm được việc trong ngành mà gia đình thích, với một số người, một công việc thời vụ đem lại cơ hội khám phá các ngành nghề khác. Nó cũng giúp họ phát triển kỹ năng mềm, trong đó có kỹ năng giao tiếp, mà vẫn kiếm được tiền. Ví dụ, một đáp viên đã chia sẻ “Tôi đang làm cho một phòng tranh, ở đó tôi có thể luyện tập kỹ năng giao tiếp trong khi hình thành [nâng cao] niềm đam mê với nghệ thuật của mình.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Hà Nội).

Các công việc thời vụ với người trẻ có thể là các công việc làm ở ngành dịch vụ, thương mại điện tử (bán hàng hoặc giao hàng), hoặc, với một số ít may mắn, có thể là công việc trực tuyến hoàn toàn như một đáp viên: “Tôi không thích công việc hiện tại vì nó không phải là cái tôi thích. Tôi thích âm nhạc. Giờ, tôi đang xây dựng một kênh YouTube. Tôi muốn làm việc trong ngành âm nhạc nếu có thể.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, TP. Hồ Chí Minh).

Người trẻ kiếm việc như thế nào?

Hơn nửa số đáp viên thảo luận nhóm cho biết quan hệ họ hàng và các mối quan hệ hiện tại đã giúp họ có việc làm. Do các thành viên trong gia đình có ảnh hưởng rất lớn tới các quyết định quan trọng trong cuộc sống nên thường người trẻ được giới thiệu các cơ hội nghề nghiệp thông qua cha mẹ và họ hàng. Đa phần, theo các thảo luận nhóm, các cơ hội việc làm đến từ họ hàng và mối quan hệ của cha mẹ trong ngành của họ. Những đáp viên trong thảo luận nhóm mà không được hưởng lợi gì từ các mối quan hệ của gia đình đã nêu lên quan ngại về các hành vi “con ông cháu cha” ở nhiều nơi. Ngoài gia đình, nhiều người trẻ đã tham vấn các thầy cô họ tin tưởng khi đưa ra quyết định về nghề nghiệp. Tuy không phải tất cả người trẻ đều nghe theo lời khuyên của cha mẹ hoặc thầy cô nhưng một số sẽ làm theo khi họ cân nhắc các yếu tố khác như khả năng có việc làm hoặc học phí cao. Tuy nhiên, sự “vênh lệch” giữa giáo dục và nghề nghiệp dường như đã ngăn cản nhiều người trẻ, theo như một doanh nhân trẻ được phỏng vấn cho nghiên cứu:

Tôi tin rằng những ai thấy khó kiếm việc làm đều là những người không có định hướng nghề cụ thể... Cứ mười sinh viên tôi gặp, có tới chín em không biết nên chọn ngành nào khi học đại học hoặc các em không có lộ trình nghề nghiệp nghiêm túc để theo đuổi.

Doanh nhân, phỏng vấn sâu xác nhận, TP. Hồ Chí Minh

Do thế hệ trẻ vẫn coi trọng quan hệ gia đình nên khoảng cách nơi làm so với nhà và giờ làm việc được ưu tiên khi chọn việc, nhất là với những người trẻ có gia đình. Một số chọn làm việc lương thấp hoặc những việc họ không đặc biệt thích để có thời gian cho gia đình, chủ yếu là những người trẻ có kỹ năng thấp. Tuy nhiên, với những người khác, tiền là tất cả: “Tài chính vẫn ảnh hưởng tới quyết định chọn việc dù bạn có đủ khả năng để học ngành bạn thích hay không.” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, An Giang).

Hài lòng với công việc hiện tại và công việc mơ ước

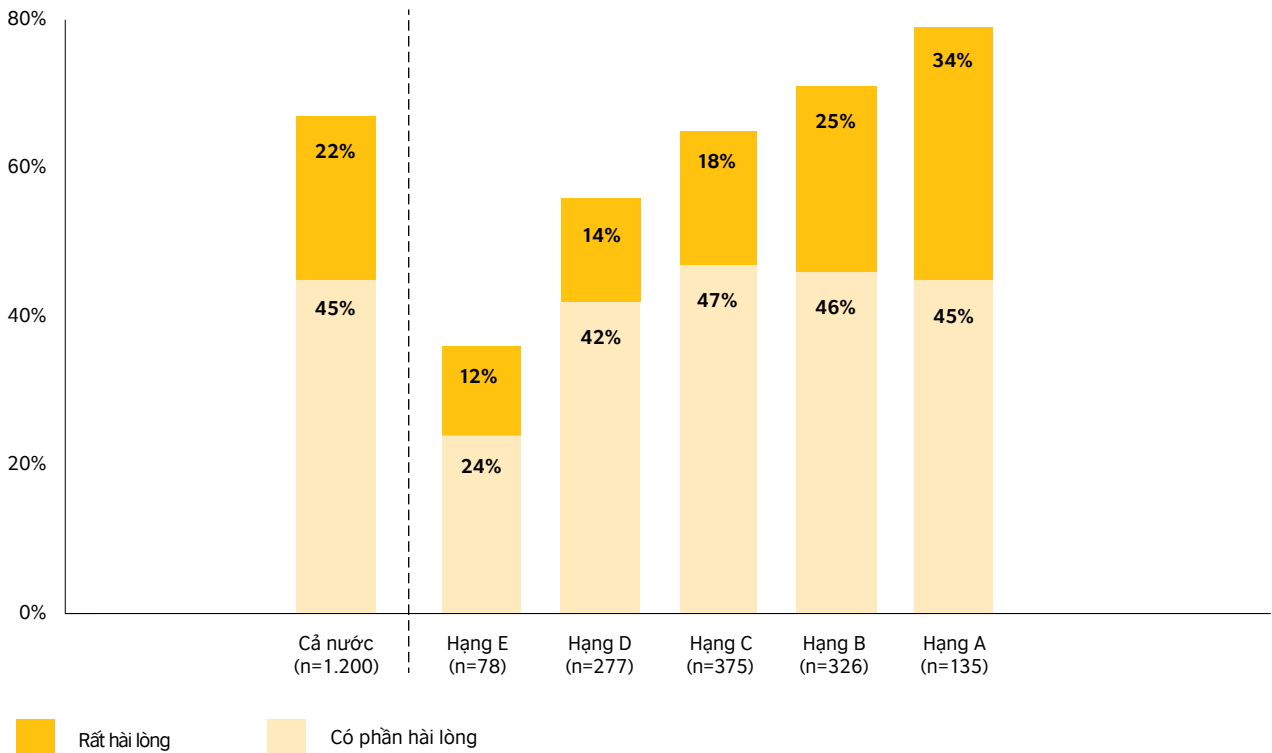
Mức hài lòng với công việc của người trẻ nhìn chung là cao. Hơn hai phần ba (67%) các đáp viên được khảo sát cho biết họ hài lòng với công việc hiện tại; khoảng một phần tư (22%) cho biết họ rất hài lòng. Tuy nhiên, mức độ hài lòng có liên quan mật thiết với tầng lớp kinh tế-xã hội, mức độ hài lòng tăng từ chỉ 36% với hạng E tới 79% ở hạng A (tầng lớp giàu có nhất trong nghiên cứu).

Tuy nhìn chung, các đáp viên thể hiện sự hài lòng với công việc nhưng gần một nửa (46%) những người trẻ có việc làm cho biết công việc đầu tiên của họ chỉ mang tính chuyển tiếp, không liên quan tới ngành họ học. Khoảng một phần ba (32%) cho biết có liên quan tới ngành học, trong khi một phần năm (22%) nói là không liên quan – nhưng họ vẫn hài lòng với công việc. Người trẻ với trình độ học vấn cao hơn thường có xu hướng có được công việc đầu tiên liên quan tới ngành học của họ (59%) so với những người chỉ tốt nghiệp cấp hai (18%) hoặc chưa học hết cấp hai hoặc thấp hơn (19%). Một nam đáp viên tâm sự về trải nghiệm của mình với công việc chuyển tiếp:

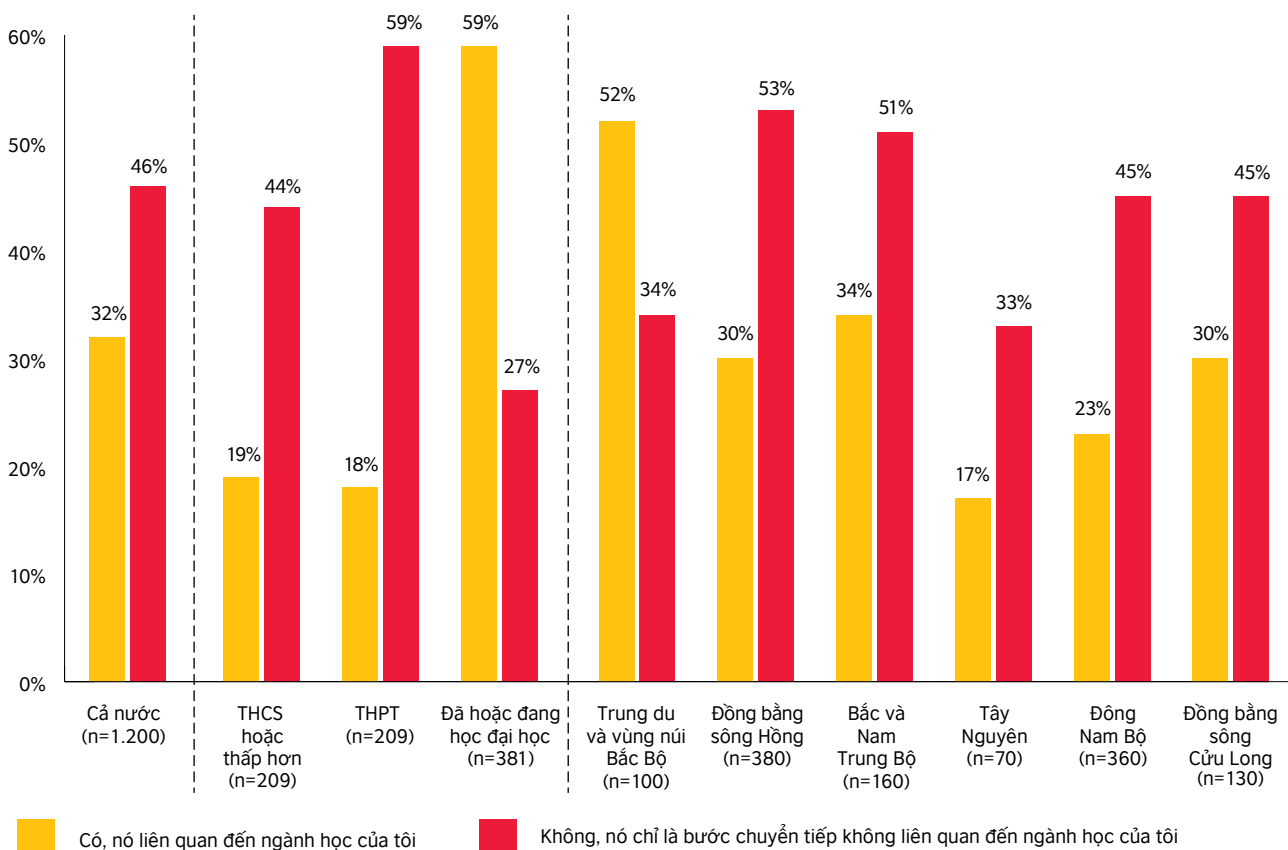
Tôi học Công nghệ thông tin nhưng giờ lại làm ở phòng Nhân sự. Tôi coi trọng những kinh nghiệm mình học được từ công việc này nhưng đây không phải là thứ tôi muốn tiếp tục làm. Tôi vẫn không biết mình muốn theo đuổi con đường nào. Tôi không thể bỏ việc này được vì vẫn còn phải kiếm sống.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh

Biểu đồ 22: Tỷ lệ (theo tầng lớp kinh tế-xã hội) cho biết họ hài lòng với công việc gần đây nhất



Biểu đồ 23: Tỷ lệ (theo trình độ học vấn cao nhất và vùng miền) cho biết việc làm đầu tiên có liên quan đến ngành học

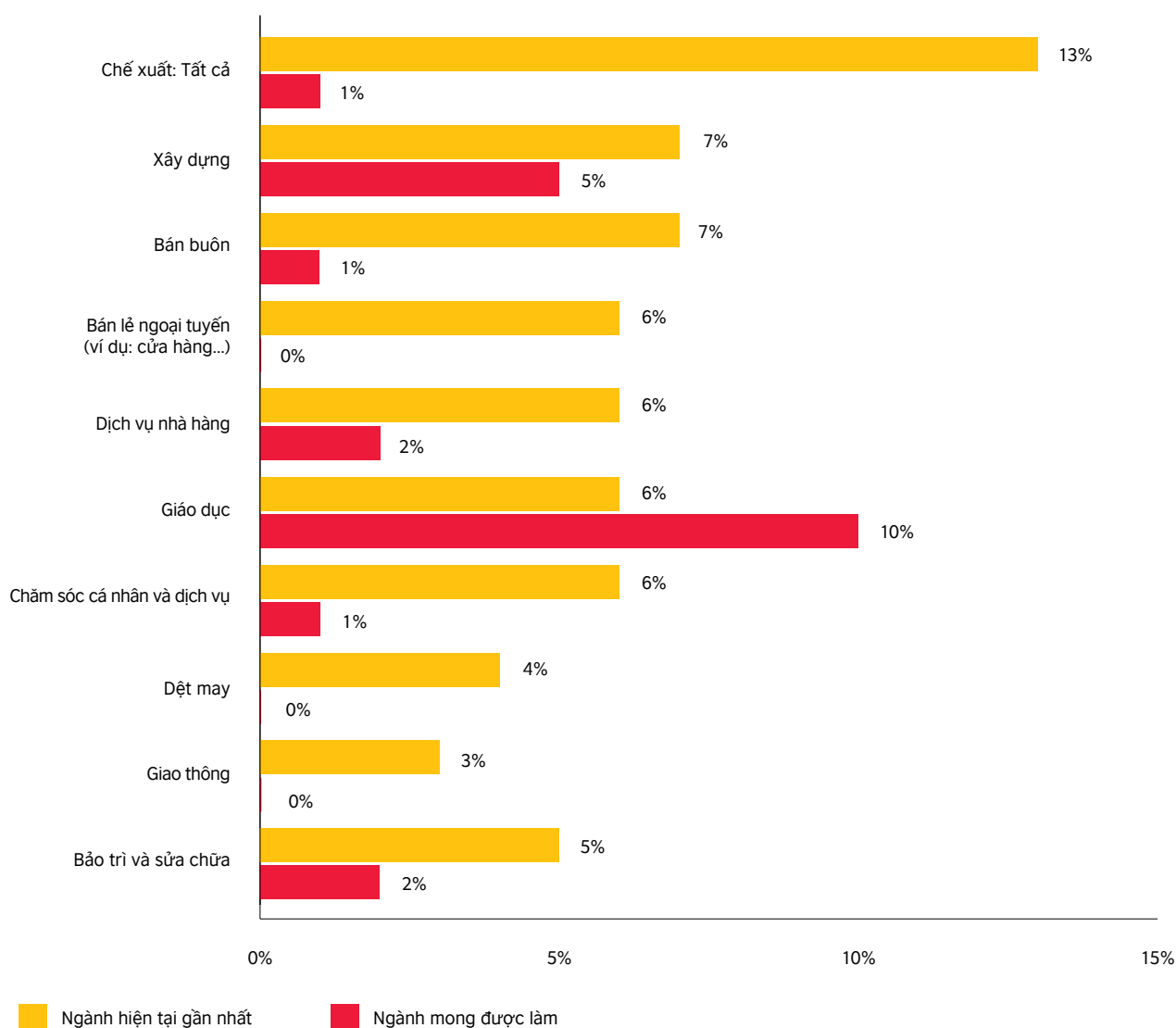


Có một khoảng cách giữa công việc mong muốn với công việc hiện tại. So sánh câu trả lời của những người trẻ vẫn đang đi học hoặc chưa tìm được việc với câu trả lời của những người đã đi làm cho thấy sự khác biệt rõ rệt. Sự khác biệt lớn nhất: 13% đang làm việc trong ngành chế xuất, trong khi chỉ 1% muốn làm trong ngành này. Bán buôn cũng là một ngành có sự khác biệt lớn:

7% đáp viên đang làm trong ngành này, nhưng chỉ 1% muốn làm. Trong các hội thảo kiểm chứng, các đáp viên ở Hà Nội bày tỏ “tìm được việc thì không khó, cái khó là tìm được việc phù hợp với định hướng nghề,” trong khi đáp viên ở TP. Hồ Chí Minh nhận định, người làm “không thiếu nhưng họ không đáp ứng được yêu cầu [kĩ năng] của nhà tuyển dụng. [Do đó] họ vẫn gặp khó khăn khi

tìm công việc phù hợp” (Thảo luận nhóm kiểm chứng, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh). Một doanh nhân trẻ thành đạt được phỏng vấn cho nghiên cứu này cảm thấy Chính phủ nên nâng cao kĩ năng cho giáo viên để có thể đưa ra các tư vấn tốt hơn “ở cấp 3 khi chọn nghề vì sẽ là quá muộn khi các em vào đại học” (phỏng vấn sâu kiểm chứng với doanh nhân, TP. Hồ Chí Minh).

Biểu đồ 24: So sánh việc làm hiện tại với ngành được đào tạo của các đáp viên khảo sát



Bảng 4: Top 10 ngành mà người trẻ mong muốn được làm việc so với ngành họ hiện đang làm (từ khảo sát Thế hệ trẻ)

	Ngành mong muốn được làm	Ngành hiện đang làm/ gần nhất đã làm
Kế toán	13%	3%
Giáo dục	10%	6%
Các dịch vụ du lịch khác	8%	2%
Nghệ thuật, giải trí	8%	1%
Kĩ thuật, thiết kế, hoặc kiến trúc	7%	3%
Xây dựng	5%	7%
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và y tế	5%	2%
Dịch vụ kinh doanh (vd. kế toán, tư vấn, quảng cáo, kinh doanh hoặc nghiên cứu thị trường)	5%	3%
Dịch vụ tài chính: Ngân hàng	4%	1%
Khách sạn hoặc nhà nghỉ	3%	2%

Khi so sánh khu vực công và tư, các đáp viên thảo luận nhóm không cho thấy hứng thú làm việc ở khu vực công. Họ cho rằng điều này là một sự chuyển dịch so với thế hệ cha mẹ họ.

Khi được hỏi về phát triển nghề nghiệp và công việc mơ ước, các đáp viên trong thảo luận nhóm và phỏng vấn đều cảm thấy họ muốn làm việc trong những ngành có thu nhập đủ và ổn định (từ 6–30 triệu đồng, tùy nơi) và có chế độ tốt (bảo hiểm). Số khác, như trên thế giới, muốn được thăng tiến, được tối đa hóa và mở rộng kĩ năng của họ, phù hợp hơn với đam mê của họ, thúc đẩy nhiều sáng tạo hơn ở nơi làm, và không phải đối mặt với các quy định quan liêu. Ở điểm cuối, nhiều phỏng vấn với các doanh nhân trẻ thành đạt đều nói tới các khó khăn với thủ tục và quy định từ Chính phủ, cả với doanh nghiệp xã hội và doanh nghiệp tư” (phỏng vấn sâu kiểm chứng với doanh nhân, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).

Công việc mơ ước với thế hệ trẻ có nghĩa là công việc hợp với ngành học và đam mê của họ. Một số mơ tìm được công việc phù hợp hơn với kĩ năng, đam mê và cá tính của mình. Với một số, có thể làm những gì họ đam mê còn quan trọng hơn cả làm việc đúng với ngành học. Số khác đề cập rằng họ muốn làm ở một ngành phù hợp với sở thích và quan tâm của mình: “nếu chúng tôi có thể làm những gì mình yêu và đam mê thì tôi chắc chắn chúng tôi sẽ làm tốt” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Nghệ An).

Về các nhà tuyển dụng, thế hệ trẻ coi trọng nhất những nơi làm việc mà ở đó họ có thể tích cực, chủ động, và sáng tạo. Họ cũng muốn có khả năng phát triển kĩ năng mới và thực hành những kĩ năng hiện tại có thể có ích cho tương lai của họ. Cuối cùng, họ khao khát một môi trường làm việc an toàn và thân thiện, cấp trên đối xử công bằng, có cơ hội phát triển và ít áp lực căng thẳng.

Khởi nghiệp và thương mại điện tử

Tinh thần kinh doanh rất mạnh mẽ ở Việt Nam. Đáp viên ở cả phần nghiên cứu định tính và định lượng, bất kể xuất thân, đều thể hiện sự khao khát có kinh doanh riêng của mình. Trong các phỏng vấn và thảo luận nhóm, các đáp viên tự hào rằng khi có công việc kinh doanh riêng, họ sẽ có tiếng nói và tự do mà nếu chỉ thuần túy làm nhân viên thì sẽ không có được. Hơn một phần ba (37%) đáp viên được khảo sát cho biết họ có kế hoạch bắt đầu kinh doanh, trong đó 20% dự định thực hiện kế hoạch trong năm năm tới:

Tôi mơ có thể mở được một cửa hàng thời trang. Tôi dự định làm công việc này trong vài năm để kiếm đủ tiền, học kinh nghiệm kinh doanh từ sếp, rồi tự mở kinh doanh riêng.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang

Hệ trẻ Việt Nam coi khởi nghiệp là một cách để học nhanh bằng cách làm nhanh – vì họ phải tự mình làm. Trong các thảo luận và phỏng vấn, nhiều người nhấn mạnh rằng họ đang gây vốn trong khi đi làm để có thể tự kinh doanh trong tương lai. Các đáp viên thường nói sẽ bỏ học để theo đuổi giấc mơ khởi nghiệp. Tuy nhiên, dù nhiều người có thể e ngại khởi nghiệp do các nguy cơ và khó khăn tài chính nhưng đây vẫn là một lựa chọn được mong ước để kiếm sống.

Trong khi đó, với các đáp viên khuyết tật về thể chất, trở thành doanh nhân khởi nghiệp cho họ cơ hội được tự làm theo điều kiện của mình, mà không gặp khó khăn do khó di chuyển:

Tôi muốn mở một văn phòng nhỏ tại nhà nhận làm Photoshop. Vì khuyết tật thể chất nên tôi muốn làm việc ở nhà để không bị quá mệt. Nhưng giờ tôi chưa có đủ tiền hay năng lực để làm điều đó. Do đó [bây giờ] tôi chỉ tiếp tục học kỹ năng thôi.

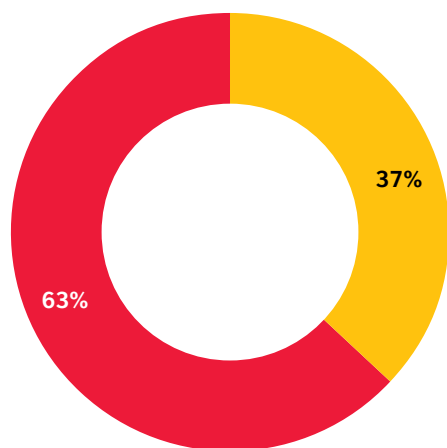
Nam giới, phỏng vấn sâu, 24 tuổi, Yên Bái, khuyết tật thể chất

Các dự án quan trọng được các đáp viên thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu đề cập tới gồm cửa hàng thời trang, thực phẩm và đồ uống, siêu thị mini và nông sản hàng hóa như trồng ca cao. Cửa hàng thời trang trực tuyến cũng được một số người trong thảo luận nhóm tập trung xem là một ngành công nghiệp sinh lợi: “Tất cả chúng tôi đều muốn có công việc kinh doanh riêng. Có thể sẽ bận rộn, nhưng chúng tôi có thể là chủ của chính mình, [có thể] quản lý thời gian của mình, học hỏi nhanh hơn khi phải tự làm mọi thứ và cải thiện từ kinh nghiệm cá nhân.” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Nghệ An).

Các doanh nhân khởi nghiệp thành công nhìn chung là lạc quan về bối cảnh khởi nghiệp mới và sôi động ở Việt Nam. Đặc biệt, họ hào hứng với “những giải pháp số chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai, mang lại nhiều giá trị cho sản phẩm và công việc [của chúng tôi]” và những cơ hội việc làm linh hoạt có được nhờ những công việc từ xa mới mẻ (phỏng vấn kiểm chứng, doanh nhân, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Họ cũng cảm thấy sự bùng nổ khởi nghiệp ở Việt Nam có thể đang hạ nhiệt về số lượng – nhưng lại gia tăng về chất lượng: “Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp khởi nghiệp đã tăng nhanh chóng nhưng số liệu thống kê cho thấy 90% số đó sẽ hoạt động không hiệu quả trong ba năm đầu. Nhưng kể từ giờ, doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ đi theo hướng phát triển sâu hơn chứ không tràn lan khắp nơi” (phỏng vấn sâu kiểm chứng với doanh nhân, Hà Nội).

Biểu đồ 25: Tỷ lệ (theo nhóm có việc làm hay đang đi học) có kế hoạch hoặc hứng thú kinh doanh riêng

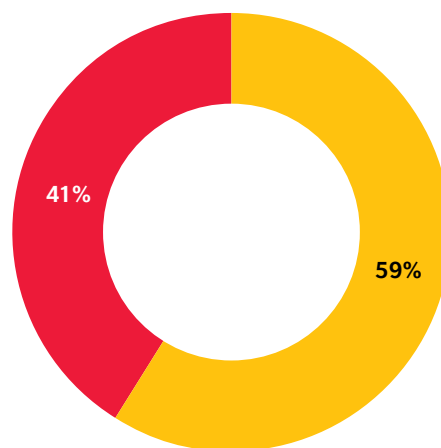


Có



Không/Không chắc

Dự định kinh doanh (đã đi làm) (n=754)



Có



Không/Không chắc

Hứng thú kinh doanh riêng (đang đi học) (n=453)

Mặc dù hơn một phần ba (37%) người đang đi làm muốn mở kinh doanh riêng nhưng với những người chưa có việc làm, có tới 50% nói rằng muốn mở kinh doanh trong tương lai. Những người có kế hoạch kinh doanh – và những người đang đi làm – nhìn chung thích hoạt động trong dịch vụ nhà hàng (17%), bán buôn (17%), bán lẻ ngoại tuyến (16%) và dịch vụ chăm sóc cá nhân (11%). Những người chưa đi làm nhưng muốn kinh doanh thích các ngành như dịch vụ du lịch (13%), nông nghiệp (12%), bán lẻ trực tuyến (10%) và dịch vụ nhà hàng (8%).

Các thách thức với khởi nghiệp

Các doanh nhân trẻ thành đạt được phỏng vấn để kiểm chứng đã đưa ra một số các thách thức lớn mà họ đã gặp phải. Thủ tục hành chính – quan liêu – là một rào cản đối với rất nhiều người sáng tạo, đặc biệt là khi báo cáo thuế. Một nữ doanh nhân khác đã bắt đầu một doanh nghiệp xã hội với mục đích xã hội tốt đã không tìm thấy mã doanh nghiệp phù hợp để phân loại công việc của mình, khiến cô gặp khó khăn trong việc thu xếp tài khoản ngân hàng và địa điểm cho dự án. Một doanh nhân khác cho rằng, một thay đổi mà Chính phủ có thể thực hiện là ban hành “một danh mục kiểm tra những việc mà các doanh nghiệp khởi nghiệp phải làm ngay từ đầu để họ có hướng dẫn làm theo. Thông tin mang tính hệ thống & minh bạch này sẽ là một hướng dẫn để [tôi] và các doanh nghiệp khởi nghiệp khác làm theo và biết chính xác họ cần làm gì để khởi nghiệp” (phỏng vấn sâu kiểm chứng với doanh nhân, Hà Nội). Tương tự, nhiều doanh nhân được phỏng vấn yêu cầu có hướng dẫn rõ ràng để làm theo. Ví dụ, hiện tại, ở “cục thuế, có nhiều chính sách phải làm theo và mỗi chính sách lại có một trang web riêng. Khi tất cả các chính sách cứ thay đổi liên tục như thế này, sẽ mất rất nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu. Có những doanh nghiệp chỉ biết tới các thay đổi khi họ bị phạt vì họ không hề biết mình đã vi phạm chính sách mới” (phỏng vấn sâu kiểm chứng với doanh nhân, TP. Hồ Chí Minh).

Bên cạnh những phần nản về thủ tục hành chính, các khó khăn về vốn là mối quan tâm hàng đầu được nêu lên trong các phỏng vấn kiểm chứng với doanh nhân. Cả doanh nghiệp thành công và những người sắp khởi nghiệp đều giống nhau ở điểm này. “Tôi muốn mở một cửa hàng quần áo vì tôi thích thời trang, nhưng tôi không có đủ tiền để làm” (Nữ giới, phỏng vấn sâu, Đắk Lắk, Dân tộc thiểu số). Với những người đã có thể kinh doanh, hầu hết chỉ có thể làm được bằng cách huy động vốn từ bạn bè, gia đình và tiền tiết kiệm của họ. Nếu có thể dễ dàng thực hiện các khoản vay chính thức hơn thì các doanh nhân cảm thấy họ và những người khác giống họ sẽ dễ dàng khởi nghiệp hơn.

Vì sao kinh nghiệm quốc tế lại quan trọng

Với thế hệ trẻ, kinh nghiệm quốc tế nhìn chung được coi là một con đường tới các chuẩn sống tốt hơn trong tương lai. Trong một thị trường lao động cạnh tranh, kinh nghiệm có được ở nước ngoài được cho là giá trị hơn khi quay về Việt Nam vì nó mở ra cơ hội và trao quyền khởi nghiệp. Những suy nghĩ này giống với những gì mà những người vận động cho giáo dục phong cách quốc tế ở Việt Nam vẫn thường bày tỏ - con đường tới những cơ hội sống tốt hơn. Nhu cầu du học, đặc biệt ở bậc đại học, là rất lớn trong giới trẻ, với vô số thông tin trực tuyến qua truyền thông (ví dụ: Vietabroad, Trong Dục YouTube, YBOX).

Du học

Nói chung, thế hệ trẻ không thích rời khỏi Việt Nam mãi mãi – họ chỉ muốn làm việc, học, và có được lợi thế cạnh tranh rồi về nước. Chỉ khoảng một nửa (49%) người trẻ cảm thấy cần phải ra nước ngoài để có nền giáo dục tốt. Tuy nhiên, gần ba phần tư (73%) cho rằng những người đi học ở nước ngoài sẽ có lợi thế trong thị trường việc làm khi họ quay về. Nữ giới và những người ở nông thôn thường thấy du học là cần thiết nhiều hơn so với nam giới và những người ở thành thị. Họ thường chỉ ra những rào cản về cơ cấu đối với giáo dục trong nước có chất lượng cao:

Du học cho chúng tôi môi trường năng động, thúc đẩy sự sáng tạo, chúng tôi được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa, và quan trọng nhất là đem lại cho chúng tôi cơ hội việc làm tốt hơn khi quay về Việt Nam.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang

Rõ ràng, không phải ai cũng có thể du học. Tuy nhiên, trong thảo luận nhóm tập trung, các đáp viên chỉ ra rằng học ở nước ngoài dường như đem lại sự độc lập và không gian để nuôi dưỡng sáng tạo nhờ chương trình học thực tiễn. Được tiếp cận với nhiều nền văn hóa, khả năng học các ngôn ngữ mới và thụ hưởng những phong cách giảng dạy hướng tới và tôn trọng người học của nền giáo dục nước ngoài – tất cả những điểm này đều được đánh giá cao. Những quốc gia phương Tây như Mĩ (70%), Vương quốc Anh (55%) và Úc (43%) được các đáp viên khảo sát đánh giá cao nhất cho bậc học sau đại học. Ngược lại, nghiên cứu hiện tại của Hội đồng Anh tại Việt Nam đã chỉ ra rằng du học sinh sau khi tốt nghiệp chưa chắc đã có được những kĩ năng như kì vọng khi họ về nước.

Mặc dù không dựa trên các dữ liệu việc làm, theo ý kiến thu được trong nghiên cứu, những người tốt nghiệp ở nước ngoài thường có các cơ hội việc làm tốt hơn khi quay về. Một đáp viên cho biết “không có thói chạy theo thành tích” khi du học, khác với Việt Nam (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang). Tuy vậy, nhiều người vẫn đối diện với các rào cản để học ở nước ngoài, từ các khó khăn về tài chính cho tới ngôn ngữ và nạn phân biệt chủng tộc:

Em lo lắng về cuộc sống ở một nước khác. Bạn em kể là sống ở nước ngoài, không có bố mẹ và bạn bè ở bên là thực sự vất vả. Nạn phân biệt chủng tộc cũng vẫn tồn tại ở các nước phương Tây và chủ yếu [nhắm] vào người châu Á.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Hà Nội

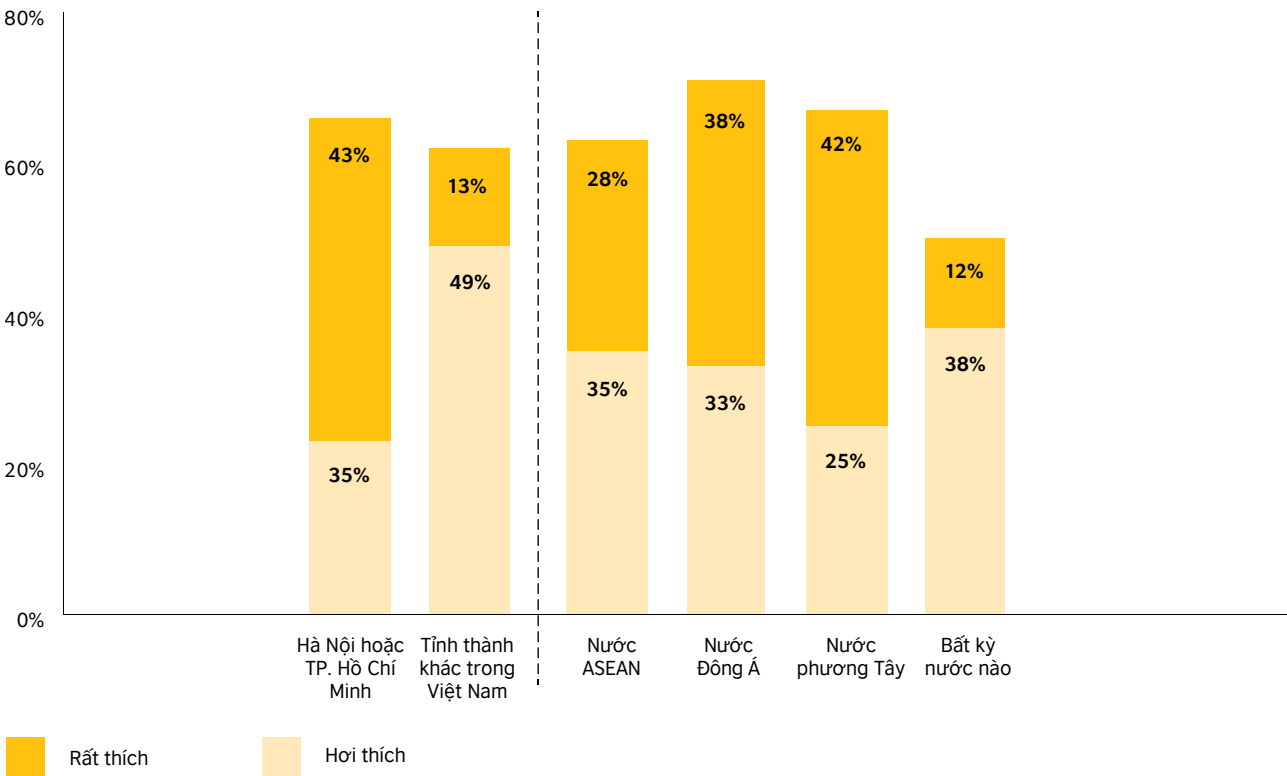
Làm việc ở nước ngoài

Thế hệ trẻ đánh giá chuyện làm việc ở nước ngoài rất cao. Trung bình khoảng 40% đáp viên rất thích làm việc ở nước khác, hoặc Đông Á như Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc (38%), hoặc ở các

nước phương Tây, như Úc, Mĩ, Canada, và Vương quốc Anh/châu Âu (42%). Một cách định tính, hầu hết đều cho rằng kinh nghiệm làm việc quốc tế là một hướng phát triển sự nghiệp, bao gồm cả khi quay về nước. Ví dụ, một đáp viên dân tộc thiểu số “đang muốn đến Nhật

Bản để làm công nhân cơ khí. Thầy cô cấp ba của mình đã kể về một số học sinh tới Nhật Bản và giờ họ có cơ hội tương lai tốt hơn” (Nam giới phỏng vấn sâu, Nghệ An, dân tộc thiểu số). Phần này được bàn sâu hơn ở phần quan điểm quốc tế của báo cáo.

Biểu đồ 26: Tỷ lệ đáp viên hơi hứng thú và rất hứng thú làm việc ở một nơi khác (n=1.200)



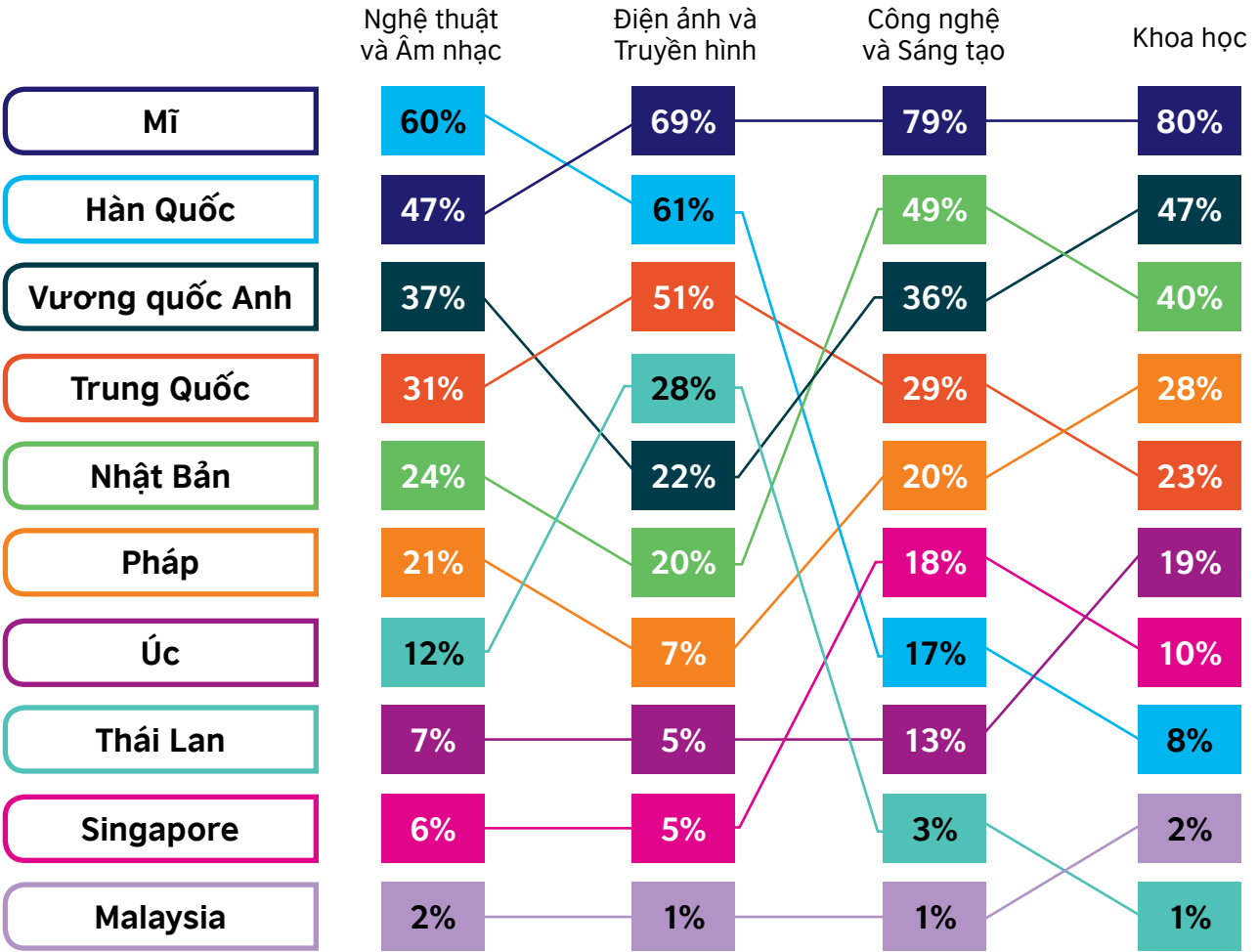


>

Chương 5:

Vị thế Việt Nam trên thế giới

Biểu đồ 27: Tỷ lệ % đáp viên liên hệ tới các quốc gia một cách tích cực với các chủ đề sau (n=1.200)

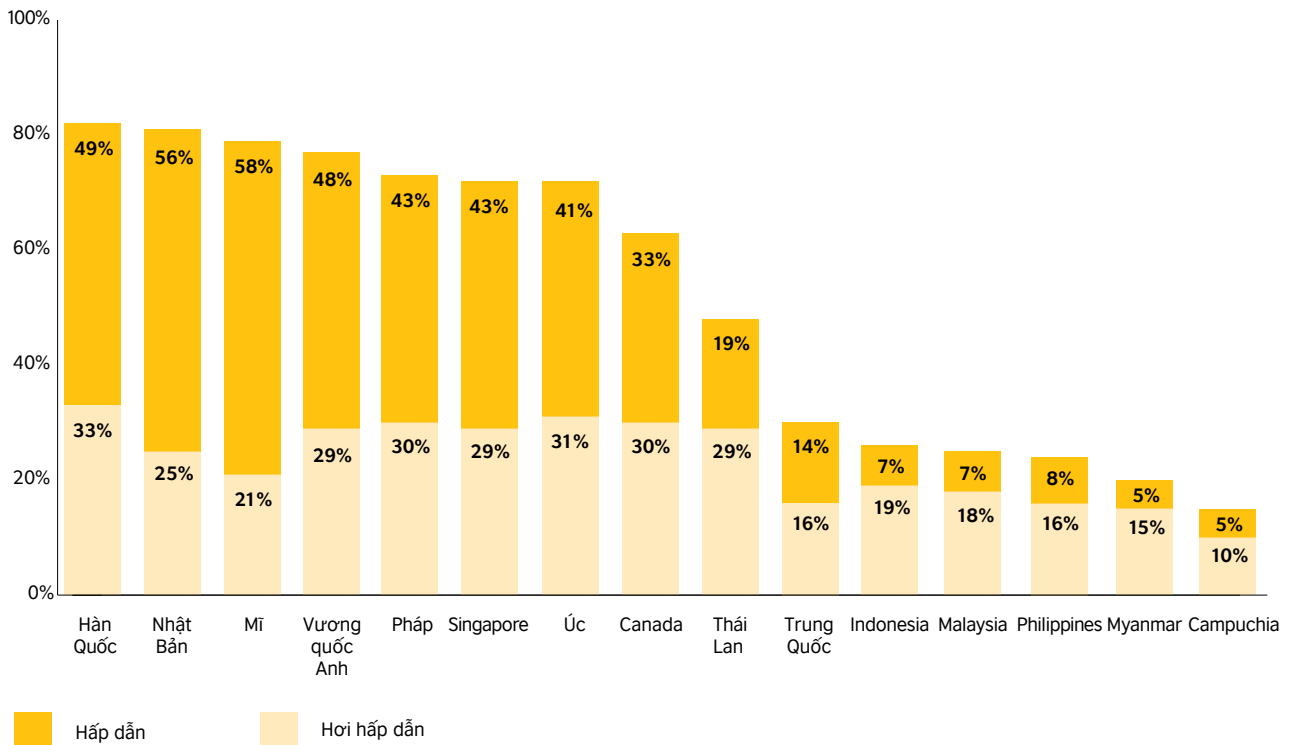


Với hầu hết người trẻ, kinh tế Việt Nam và điều kiện sống tại Việt Nam được đánh giá cao về sự an toàn, tình hình chính trị ổn định, và các cơ hội kinh doanh nở rộ. Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung tự hào về sự mở rộng phát triển của nền kinh tế, ẩm thực phong phú, đa dạng, và môi trường yên bình. Việc dễ dàng tiếp cận thông tin trực tuyến đã kết nối thế hệ thành thạo

công nghệ này với các quốc gia và nền văn hóa khác. Đáp viên nhìn chung cảm thấy các nước phương Tây và Đông Á hấp dẫn nhất – hấp dẫn hơn các nước ASEAN, trừ Singapore. Theo những người được khảo sát, Hàn Quốc (82%), Nhật Bản (81%), Mỹ (79%) và Vương quốc Anh (77%) là những nước hấp dẫn nhất một cách tổng quan. Sống ở nước ngoài, theo các đáp viên thảo luận nhóm

tập trung, hấp dẫn do môi trường sạch sẽ và sang trọng, văn minh giao thông, phúc lợi xã hội và an ninh, giao thông và cơ sở hạ tầng công cộng chất lượng, lương tốt, an toàn thực phẩm, và y tế tốt. Đồng thời, ý tưởng định cư ở nước ngoài cũng khiến thế hệ này lo lắng do những quan ngại về kì thị chủng tộc, tỉ lệ tội phạm cao và việc sử dụng vũ khí ở một số nước.

Biểu đồ 28: Tỷ lệ trả lời các quốc gia sau đây hấp dẫn hay có phần hấp dẫn khi được hỏi về mức độ hấp dẫn/không hấp dẫn của các quốc gia sau đây (n=1.200)



Mặc dù các đáp viên nhìn chung có quan điểm tích cực về Việt Nam và lạc quan về tương lai đất nước nhưng người Việt trẻ có xu hướng so sánh bản thân với các nền kinh tế có thu nhập tương đối cao hơn và chỉ ra những điểm họ mong muốn Việt Nam hướng tới. Ví dụ, một đáp viên thảo luận nhóm vẫn thấy rằng “Việt Nam là một đất nước đang phát triển; do đó sẽ cần học rất nhiều từ các nước khác” (Nam giới, thảo luận nhóm, nhóm tuổi 16–19, Nghệ An). Về quan điểm về các nước đang dẫn đầu thế giới trên nhiều lĩnh vực, theo các đáp viên, Mĩ đứng đầu về công

nghệ và sáng tạo (78%) và khoa học (79%), sau đó là Nhật Bản (49% và 39%), và Vương quốc Anh (36% và 46%). Với chất lượng cuộc sống nói chung, Mĩ (62%), Nhật Bản (42%) và Vương quốc Anh (39%) là ba nước đứng đầu. Điểm thú vị là, giới trẻ thành thị đánh giá về các nước phương Tây cao hơn hẳn so với các đáp viên ở nông thôn. Một đáp viên ở ven đô Hà Nội cho biết “em thích sống ở các nước phát triển như Mĩ, Vương quốc Anh và Singapore [hơn]. Các nước đó rất hiện đại và văn minh.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Thanh Trì).

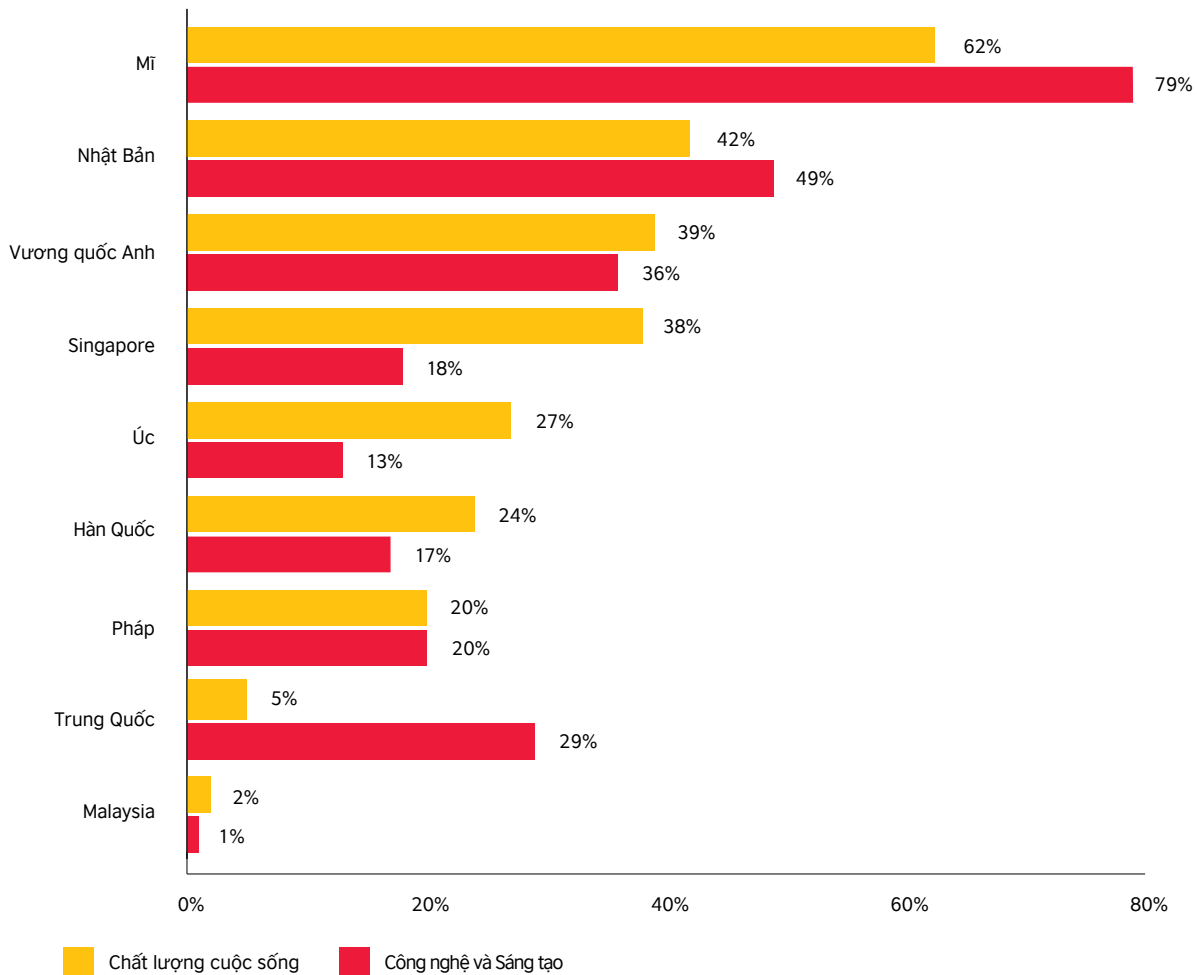
Khi nói đến giáo dục, các nước phương Tây như Mĩ (70%), Vương quốc Anh (55%) và Úc (43%) được các đáp viên khảo sát đánh giá cao về bậc giáo dục sau đại học. So với các nền kinh tế thu nhập cao hơn, người Việt trẻ - như nhận thấy trong các thảo luận nhóm tập trung - mong muốn nước mình sẽ tập trung vào phương pháp giảng dạy sáng tạo và thực tiễn.

Bảng 5: Thứ hạng dựa trên phần trăm đáp viên liên hệ tích cực mỗi quốc gia với các chủ đề sau (n=1.200)

	Mĩ	Nhậ tBản	Vương quốc Anh	Hàn Quốc	Singapore	Pháp	Úc	Trung Quốc	Thái Lan	Malaysia
Xếp hạng trung bình	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Giáo dục đại học	1	4	2	7	6	5	3	8	10	9
Cơ hội làm việc	2	1	4	3	7	8	5	6	10	9
Công nghệ và sáng tạo	1	2	3	7	6	5	8	4	9	10
Khoa học	1	3	2	8	7	4	6	5	10	9
Nghệ thuật và âm nhạc	2	5	3	1	9	6	8	4	7	10
Điện ảnh và truyền hình	1	6	6	2	9	7	8	3	4	10
Chất lượng sống tổng thể	1	2	3	6	4	7	5	9	8	10
An toàn và an ninh	1	2	4	6	3	5	7	8	9	10
Thể thao	3	4	1	5	9	2	8	6	7	10
Môi trường sạch	3	2	5	4	1	7	6	10	8	9
Cởi mở và mến khách	2	1	5	3	4	8	7	9	6	10



Biểu đồ 29: Tỷ lệ giới trẻ đánh giá về chất lượng cuộc sống, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các quốc gia (n=1.200)



Di cư

Như đã đề cập đến trong báo cáo này, giới trẻ thường coi trải nghiệm quốc tế là con đường dẫn đến chất lượng cuộc sống tốt hơn trong tương lai. Theo Cục Quản lý Lao động Ngoài nước, Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc là các quốc gia có tỷ lệ lao động Việt Nam di cư cao (tính đến 2016), số lượng kiều hối gửi về Việt Nam giúp Việt Nam thường xuyên đứng thứ 10 trong số các quốc gia nhận kiều hối nhiều nhất thế giới (Tổ chức Di cư Quốc tế, 2020). Các đáp viên phỏng vấn sâu đã được đào tạo nghề thường cân nhắc việc di cư vì công việc bởi họ cho rằng trải nghiệm quốc tế sẽ giúp họ có cuộc sống tốt hơn. Tuy nhiên hầu hết trong số họ vẫn có kế hoạch quay trở về quê hương: “Tôi dự định đi học nghề ở Đức, rồi làm việc ở đó trong vài năm để tích lũy kinh nghiệm và kiếm tiền. Sau đó về

quê và mở cửa hàng riêng” (Nam giới, Phỏng vấn sâu, Nghệ An, dân tộc thiểu số). Trong các thảo luận nhóm tập trung, giới trẻ thành thị cũng quan tâm đến việc đi lao động ở nước ngoài. 40% đáp viên rất quan tâm đến việc đi lao động ở các quốc gia Đông Á như Nhật Bản, Trung Quốc, và Hàn Quốc (38%) hoặc các nước phương Tây như Úc, Mỹ, Canada, Vương quốc Anh/châu Âu (42%).

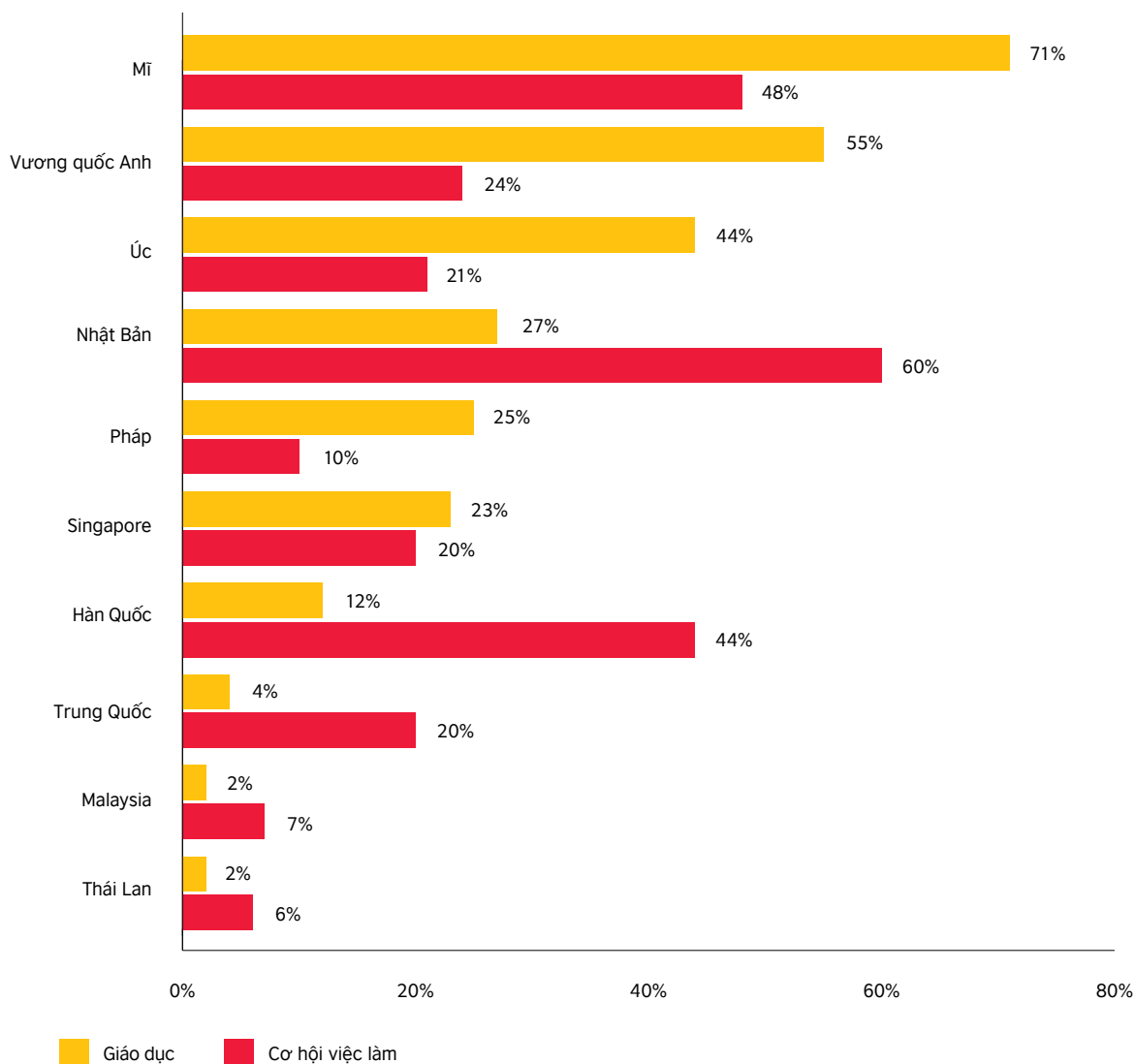
Nhật Bản (60%), Mỹ (47%) và Hàn Quốc (43%) được đánh giá là các quốc gia tốt nhất cho lao động nước ngoài do có nhiều cơ hội việc làm. Khi cân nhắc về vấn đề lao động ở nước ngoài, những người tham gia nhóm thảo luận đánh giá cao môi trường đa văn hóa, đào tạo kỹ năng mềm, môi trường làm việc dựa trên năng lực, phong cách làm việc có kỷ luật và thu nhập cao. Nhiều đáp viên cho rằng môi trường làm việc ở Việt

Nam là khá căng thẳng, mức lương thấp hơn và phải phụ thuộc nhiều vào quan hệ họ hàng và quan hệ cá nhân để xin việc. Một đáp viên nông thôn đã thể hiện mong muốn đi làm ở nước ngoài như sau:

Tôi thích làm việc ở Mỹ vì đó là quốc gia phát triển nhất thế giới, ở một số bang của Mỹ có rất nhiều người Việt Nam sinh sống, do vậy có nhiều cơ hội tìm việc làm và có đồng hương giúp đỡ [và] hỗ trợ khi làm việc.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, An Giang, nhóm tuổi 20–24

Các đáp viên ở khu vực đồng bằng sông Hồng và khu vực Đông Nam Bộ, khu vực thành thị và những người đã tốt nghiệp cấp ba hoặc cao hơn có xu hướng quan tâm đến việc di cư hơn.

Biểu đồ 30: Tỷ lệ giới trẻ đánh giá chất lượng giáo dục và cơ hội việc làm của các quốc gia (n=1.200)

Quan điểm về văn hóa quốc tế

Xét về chính trị và an ninh, phần lớn giới trẻ đều cảm thấy tự hào rằng Việt Nam không có mối đe dọa về an ninh, bao gồm cả vấn đề khủng bố trong nước như nhiều quốc gia khác. Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều 2019 mới đây cũng giúp xây dựng hình ảnh Việt Nam là một quốc gia hòa bình và ổn định chính trị. Thái độ tích cực đối với Mỹ và tổng thống đương nhiệm Donald Trump xuất hiện nhiều trong các thảo luận nhóm. Một đáp viên cho rằng Donald Trump được yêu thích “vì ông ấy dám làm điều ông ấy tuyên bố, vì ông ấy sẽ làm mọi thứ cho quốc gia, sử dụng tiền

của chính mình để đánh bại... [các quốc gia khác] và vì ông ấy giàu có” (Nữ giới, Thảo luận nhóm, nhóm tuổi 25–30, ven đô TP. Hồ Chí Minh). Trong khi đó, các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho rằng cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc nhìn chung sẽ có lợi cho Việt Nam vì các đơn hàng sản xuất sẽ chuyển từ Trung Quốc đại lục sang các công ty tại Việt Nam.

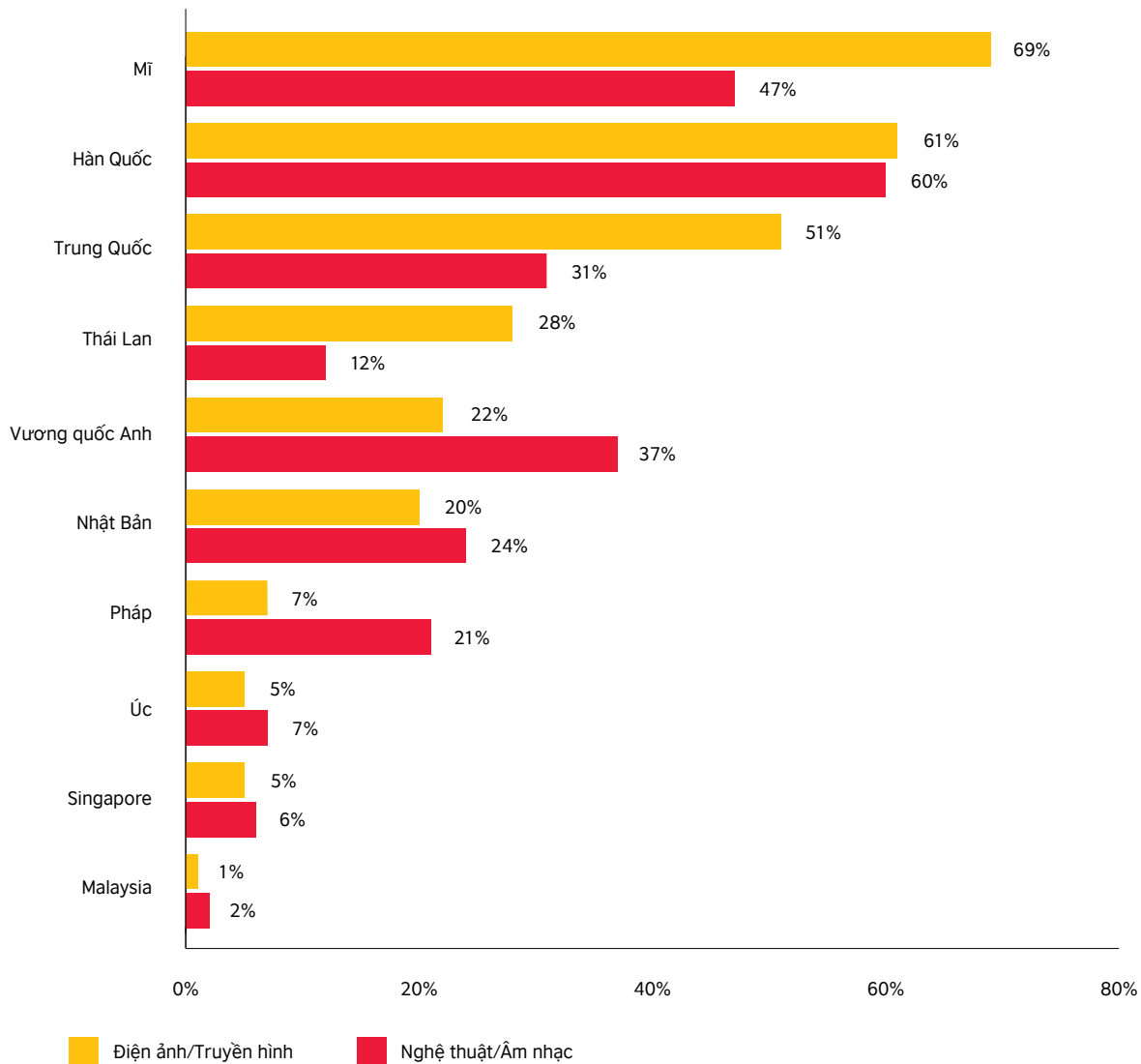
Về lĩnh vực giải trí và truyền thông, giới trẻ Việt Nam đề cập đến Mỹ và Hàn Quốc đầu tiên, với gần hai phần ba đáp viên chọn Hàn Quốc khi đề cập đến điện ảnh/truyền hình (61%) và nghệ thuật và âm nhạc (60%). Hai phần ba (69%) đáp viên đánh giá cao điện ảnh và truyền

hình Mỹ và 47% đánh giá cao nghệ thuật và âm nhạc của nước này. Giới trẻ cũng yêu thích các chương trình của các nước châu Á, chủ yếu là Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan. Tuy nhiên, một số đáp viên cho rằng không gì có thể sánh với những điều quen thuộc:

Tôi chỉ thích xem phim Việt Nam bởi vì các nhân vật rất gần gũi, và tôi cảm giác rằng tôi biết họ. Các phim hành động hay phim nước ngoài dường như không có gì liên quan tới cuộc sống của tôi.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Hà Nội

Biểu đồ 31: Quan điểm về các quốc gia trong lĩnh vực điện ảnh/truyền hình và nghệ thuật/âm nhạc (n=1.200)



Trong các buổi phỏng vấn sâu, giới trẻ ở vùng nông thôn và người dân tộc thiểu số chủ yếu nghe nhạc, xem phim truyền hình và điện ảnh của Việt Nam. Họ cũng thích xem các chương trình truyền hình của phương Tây như: *Master Chef* (Vua Đầu bếp), *the Voice* (Giọng hát hay), và *Got Talent* (Tìm kiếm Tài năng), và các phim điện ảnh của Mỹ và Nhật Bản. Các chương trình trên YouTube thu hút rất nhiều người xem, từ các chương trình nấu ăn cho đến các chương trình dạy học ngoại ngữ, cùng với một số ít các chương trình truyền hình, đây là những nguồn giải trí cho giới trẻ. Giới trẻ Việt Nam cũng xem các phim điện ảnh và chương trình truyền hình phương Tây, mặc dù với tần suất ít hơn do họ không

thực sự thích đọc phụ đề: “chúng tôi có thể tập trung và thưởng thức nội dung và diễn xuất khi xem chương trình tiếng Việt vì chúng tôi không phải đọc phụ đề.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Nghệ An).

Quan hệ khu vực

Mặc dù giới trẻ Việt Nam có đánh giá tích cực về hầu hết các quốc gia, nhưng nhiều người tỏ ra lo lắng về sự bành trướng của các nước trong khu vực. Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, nhiều đáp viên lo ngại về căng thẳng lãnh thổ trong khu vực có thể gây nguy hại tới chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Như một đáp viên nói, “Tôi lo là nước mình sẽ bị mất chủ quyền” (Nam

giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh). Khi được khảo sát, những đáp viên trẻ cũng cảm thấy một vài cường quốc trong khu vực ít khi được gắn với hình ảnh của an toàn, an ninh và cuộc sống chất lượng cao. Trong các thảo luận nhóm, các đáp viên lo lắng về tin tức các tập đoàn nước ngoài tại Việt Nam không tuân theo luật và quy định sở tại, nhất là về các vấn đề môi trường và an toàn thực phẩm. Những quan ngại về khu vực này thể hiện rằng giới trẻ mong muốn có được sự tuân thủ các chuẩn mực pháp lý quốc tế và khu vực để đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ môi trường và an toàn cho người tiêu dùng.

> Chương 6: Tương lai của Việt Nam

72% người tham gia khảo sát tin tưởng rằng Việt Nam sẽ phát triển hơn trong 15 năm tới so với thời điểm năm 2019. Nhìn chung, thế hệ trẻ Việt Nam cảm thấy lạc quan về tương lai của đất nước. Quan điểm này thậm chí còn nổi bật ở vùng nông thôn hơn ở thành thị.

Giới trẻ tin tưởng rằng trong tương lai đất nước sẽ tiếp tục phát triển nhờ vào việc thu hút thêm nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Mặc dù ban đầu việc thu hút FDI có thể là do giá nhân công rẻ, nhưng thế hệ trẻ biết rằng người Việt Nam có khả năng học hỏi rất nhanh để nắm bắt cơ hội nhằm phát triển kỹ thuật và tiếp tục tận dụng lợi thế về vị trí địa lý (phông vốn sâu xác nhận với doanh nhân trẻ, TP. Hồ Chí Minh). Không còn nghi ngờ gì về việc phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế đang tăng trưởng, từ cơ sở hạ tầng và xây dựng trên khắp đất nước đến sự phát triển của các lĩnh vực mới bao gồm các tập đoàn công nghệ, sản xuất ô tô (Vinfast) và du lịch. Nhiều đáp viên cho biết “nền kinh tế đang phát triển. Đất nước ngày càng hiện đại. [Và] giáo dục đang tốt hơn và cải thiện hơn mỗi ngày (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, ven đô Hà Nội).

Thế hệ trẻ tự hào về lĩnh vực du lịch ngày càng phát triển của Việt Nam. Họ đồng tình với nhận xét Việt Nam là một đất nước thanh bình với “cảnh quan thiên nhiên đẹp [nhưng] chưa được khai thác tối đa.” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Hà Nội). Việt Nam có rất nhiều lợi thế về du lịch, bao gồm truyền thống, lịch sử, và ẩm thực phong phú, ngon và giá rẻ.

Khi so sánh với các nước khác, giới trẻ hi vọng Việt Nam sẽ học tập các nước khác trong việc tập trung vào việc giữ chân tài năng trong nước và bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng sống. Phần lớn những người tham gia cho rằng những vấn đề quan trọng đối với tương lai của đất nước bao gồm mang lại phúc lợi đầy đủ, minh bạch trong thủ tục hành chính, tiếp tục phòng chống tham nhũng, và tăng cường vai trò trong các quá trình ra quyết định.

Hình dung tương lai

Trong các buổi hội thảo xác nhận để giới trẻ phản hồi về các kết quả của nghiên cứu này, họ đã đưa ra một danh sách các mục tiêu cho Việt Nam đến năm 2035.

Đối với thế hệ trẻ, một đất nước Việt Nam lý tưởng vào năm 2035 sẽ như sau:

1. Không còn hộ nghèo
2. Đảm bảo giáo dục cho tất cả mọi người, bao gồm cả khu vực nông thôn và miền núi
3. Mọi người có thể sống một cuộc sống yên bình, không hỗn loạn
4. Giới trẻ có nhiều cơ hội tiếp cận và học hỏi các công nghệ tiên tiến
5. Cơ sở hạ tầng hiện đại và tất cả người dân đều có thể sử dụng
6. Phát triển bền vững cho cả con người và môi trường
7. Chính sách của Nhà nước minh bạch
8. Có chính sách để bảo vệ người lao động, quyền con người, và môi trường tự nhiên.

Nghệ sĩ trẻ tham gia chương trình Lưu trú Âm nhạc Cộng đồng FAMILAB tại tỉnh Gia Lai.

Ảnh: Lê Xuân Phong





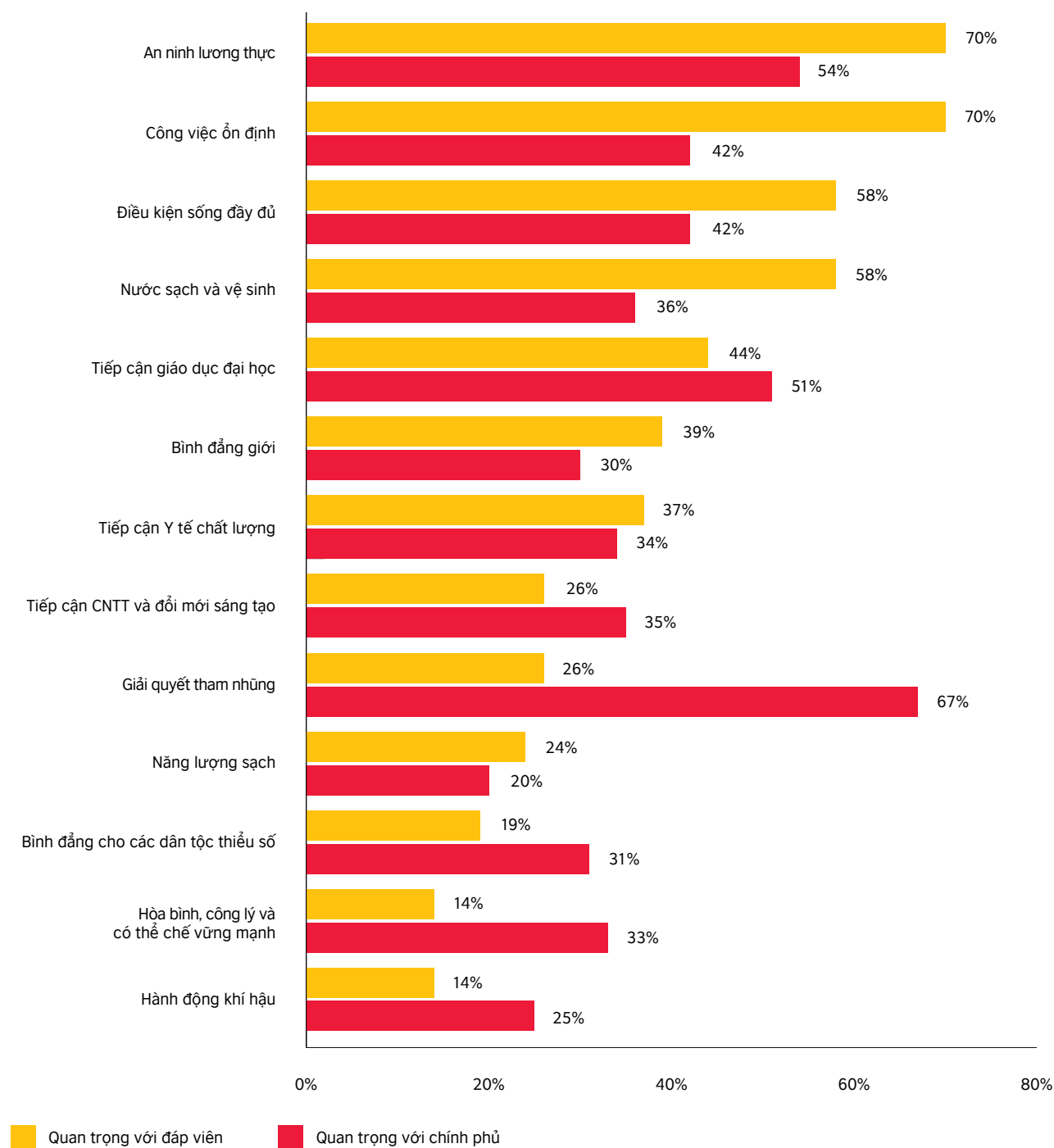
> Chương 7: Các vấn đề ưu tiên và kiến nghị

Mặc dù lạc quan về tương lai nhưng giới trẻ Việt Nam cũng nhận thức rõ những thách thức mà họ và các bạn cùng trang lứa phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày, cũng như những vấn đề xã hội của đất nước. Ở mức độ cá nhân, họ quan tâm nhiều đến việc đạt được điều kiện sống tốt hơn, giáo dục chất lượng hơn và ổn định tài chính. Về Chính phủ và xã hội, họ tin rằng những nhà hoạch định chính sách nên ưu tiên việc giải quyết tham nhũng, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm, và cung cấp cơ hội giáo dục cũng như việc làm tốt.

Có sự khác biệt rõ ràng giữa những niềm tin này và hành động cụ thể của cá nhân, đặc biệt là trong các vấn đề liên quan tới Chính phủ hay quan chức. Các đáp viên buổi thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu cho biết họ thường tránh xa các vấn đề vi mô và cho rằng trong tương lai họ sẽ không đóng góp được gì nhiều cho các vấn đề họ nêu lên. Nhiều đáp viên trong phần nghiên cứu định tính cảm thấy không được trao quyền để thể hiện ý kiến và những người ở vị trí quyền lực không lắng nghe ý kiến của họ một cách tích cực (Thảo luận nhóm tập trung, Đánh giá của giới trẻ, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).



Biểu đồ 32: Mức độ quan trọng của các vấn đề đối với đáp viên và quan điểm về mức độ quan trọng của các vấn đề Chính phủ cần giải quyết (n=1.200)



Sự đối lập giữa việc nhận biết các vấn đề nhưng cảm thấy không có quyền lực để hành động nhằm giải quyết vấn đề thể hiện rõ nhất trong vấn đề tham nhũng. Đây là một vấn đề được nêu lên rất nhiều lần, trong gần như mọi khía cạnh của nghiên cứu này. Khoảng hai phần ba (67%) đáp viên trả lời khảo sát coi đây là vấn đề ưu tiên hàng đầu đối với Chính phủ, nhưng chỉ có chưa đến một phần năm số người cảm thấy rằng đây là vấn đề ưu tiên ở cấp độ cá nhân. Tương tự như vậy, các đáp viên thảo luận nhóm tập trung đều thể hiện mối quan ngại về vấn đề tham nhũng. Mặc dù vậy, khi được hỏi về việc họ nghĩ rằng họ có thể làm gì để giải quyết vấn đề tham nhũng, thì gần như tất cả đều cảm thấy rằng họ không thể làm gì nhiều. Một nhóm nhỏ cho biết họ sẽ cố gắng thuyết phục bạn bè hay gia đình họ hành động khác đi, trong khi hầu hết mọi người cho biết chính họ cũng cần phải dựa vào việc tham nhũng hay hối lộ đồng thời cũng thể hiện quan điểm rằng tham nhũng là vấn đề mà Chính phủ phải giải quyết chứ không phải là cá nhân: “Nếu cần phải đưa hối lộ, tôi sẽ hối lộ giống cách mọi người vẫn làm vì việc đó đã trở thành cơ chế, chúng ta bị buộc phải làm như thế, mọi người đều làm như thế” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, địa điểm không công bố). Các vấn đề liên quan tới tham nhũng đã được phân tích kỹ hơn trong một phần riêng phía dưới.

Lưu ý về vấn đề ưu tiên

Do giới trẻ phụ thuộc vào mạng xã hội, coi đây là phương tiện thông tin tin cậy nhất và thiếu các nguồn thay thế đáng tin cậy, nên cần lưu ý rằng quan điểm của thế hệ trẻ về các sự kiện hiện tại có thể không hoàn toàn phản ánh đúng thực tế. Mặc dù giới trẻ Việt Nam nhận thức được sự lan truyền nhanh chóng của thông tin và tin giả trên mạng, đặc biệt là những tin tức mang tính tiêu cực, nhưng sự phổ biến của tin tức trên mạng xã hội có thể dẫn tới việc phóng đại các sự kiện trong thực tế. Nghiên cứu này tập trung vào ý kiến và mong muốn, do đó không phân tích kỹ tất cả những vấn đề giới trẻ đưa ra theo hướng kinh nghiệm:

Tôi có rất ít niềm tin vào thông tin trên mạng. Thông tin trên mạng có thể khiến chúng ta có quan điểm sai hoặc hiểu sai về các vấn đề hay chủ đề cụ thể. Việc lan truyền nhanh chóng của tin giả cũng gây ra nhiều khó khăn cho các thương hiệu nếu như họ có bề bối hay vấn đề nào đó.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, TP. Hồ Chí Minh

Ví dụ, trong các nhóm thảo luận tập trung, người trẻ cho biết, các “tệ nạn xã hội” đang gia tăng, đặc biệt là ở khu vực phía Nam. Những tệ nạn này gồm có các hoạt động phạm pháp, tội phạm ma túy và cả việc suy giảm đạo đức nói chung. Tuy nhiên, quan điểm này lại trái ngược với dữ liệu về vi phạm pháp luật hàng tháng do Bộ Công an đưa ra. Theo thống kê tội phạm năm 2019, đường xu hướng gần như bằng phẳng trong suốt cả năm, ngoại trừ một đỉnh nhỏ vào tháng Một (Bộ Công an Việt Nam, 2019). Tương tự như vậy, thống kê về vi phạm môi trường cho thấy số vụ vi phạm giảm, đặc biệt và cuối năm là thời điểm nghiên cứu đang thu thập dữ liệu (đd). Một số đáp viên phỏng vấn sâu cũng nhấn mạnh việc ý kiến của công chúng dễ bị ảnh hưởng nhiều bởi những gì giới trẻ thấy đang thịnh hành trên mạng, và điều đó hình thành nên quan điểm của họ về thực tế xã hội.¹¹

Điều này cho thấy quan điểm của thế hệ trẻ về thế giới thực có thể không đồng nhất với mô hình hiện thực trong thực tế. Nên lưu ý điều này khi đọc phần Các vấn đề ưu tiên dưới đây.

Các vấn đề ưu tiên ở cấp độ vi mô

Ở cấp độ cá nhân, việc tiếp cận các nhu cầu thiết yếu là ưu tiên hàng đầu đối với giới trẻ Việt Nam. Dưới đây là năm ưu tiên hàng đầu theo khảo sát đáp viên trên toàn quốc:

1. An toàn thực phẩm (70%)
2. Công việc ổn định (70%)
3. Điều kiện sống đầy đủ (58%)
4. Nước sạch và vệ sinh (58%) và,
5. Tiếp cận giáo dục đại học (44%).

Một số nhận xét thể hiện sự khác biệt giới: nữ giới có xu hướng ưu tiên việc tiếp cận y tế hơn nam giới. Đáp viên là nam giới (31%) và ở khu vực thành thị (30%) có xu hướng ưu tiên việc tiếp cận công nghệ hơn nữ giới (22%) và ở khu vực nông thôn (24%). Ngoài ra, giới trẻ ở nông thôn cũng có những ưu tiên hơi khác so với giới trẻ ở thành thị, mặc dù năm ưu tiên hàng đầu là giống nhau. Giới trẻ ở nông thôn có xu hướng ưu tiên sức khỏe, hòa bình, và sự bình đẳng cho dân tộc thiểu số cao hơn giới trẻ thành thị.

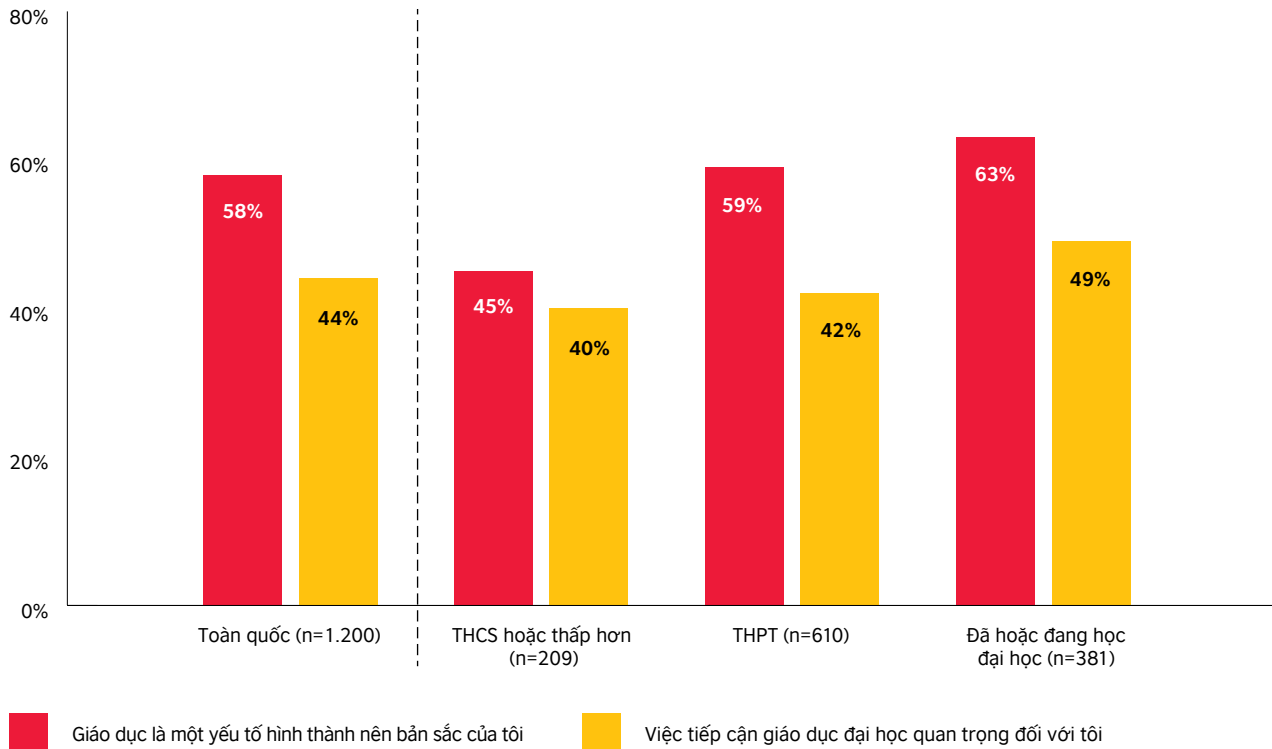
Khi được hỏi về các ưu tiên hàng đầu với Chính phủ, các đáp viên thấy rằng những ưu tiên này chủ yếu giống ưu tiên của chính họ, ngoại trừ một điều đó là tham nhũng. Các đáp viên cho rằng việc giải quyết tham nhũng (67%) là vấn đề ưu tiên hàng đầu của Chính phủ. Các phần mở rộng ở dưới đây được liệt kê theo mức độ quan trọng từ thấp đến cao.

Đời sống học đường và tiếp cận giáo dục

Trải nghiệm giáo dục hình thành bản sắc của thế hệ trẻ: 58% số người trẻ được khảo sát cho rằng giáo dục hình thành nên bản sắc cá nhân của họ, sau đó là gia đình (80%) và bạn bè (64%). Những người đã hoặc đang học đại học có xu hướng gần giáo dục với tính cách của họ hơn là những người chỉ tốt nghiệp trung học hoặc thấp hơn. Khi được hỏi về các vấn đề quan trọng nhất đối với họ, gần một nửa (51%) đáp viên cảm thấy rằng việc tiếp cận giáo dục đại học là vấn đề quan trọng nhất với họ, điều này thể hiện sự khác biệt về nhân khẩu học.

11 > Nhiều năm trước Karl Popper đã quan sát và thấy rằng điều này trái với nguyên tắc phản thân: trong trường hợp này bản thân niềm tin không thực sự khiến xã hội thay đổi.

Biểu đồ 33: Tỷ lệ đáp viên cho rằng giáo dục là một yếu tố hình thành tính cách của họ và việc tiếp cận giáo dục đại học rất quan trọng với họ



Cuộc sống học đường gây lo lắng cho giới trẻ Việt Nam, đặc biệt là những người đang đi học. Phần trình bày về giáo dục cũng đã đề cập đến việc giới trẻ trong nhóm tuổi 16–19 và 20–24 đặc biệt lo lắng về hành vi của giáo viên và việc hành vi đó ảnh hưởng đến họ như thế nào. Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho biết họ phải chịu hình phạt thân thể, sự chửi mắng hay bắt nạt của giáo viên. Họ cho rằng giáo viên không tận tâm với việc giảng dạy và có thái độ tiêu cực với học sinh. Những người vẫn đang đi học cho biết họ cảm thấy bị áp lực phải đạt được thành tích cao trong học tập, điều này dẫn đến việc họ phải tốn nhiều tiền đi học thêm, và đặt nặng điểm số và thứ hạng trong lớp. Như đã đề cập trước đó, chương trình học nặng về lý thuyết và không có tính ứng dụng đã cản trở nhiều người trẻ phát huy tiềm năng của họ và đối với nhiều người, là cản trở cả con đường sự nghiệp của họ. Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, các đáp viên cho biết

họ cảm thấy rằng nhà trường nên đào tạo kỹ năng mềm thay vì giảng dạy các vấn đề đã lỗi thời và học sinh nên được phép chọn môn học phù hợp với họ (Thảo luận nhóm tập trung kiểm chứng với giới trẻ, TP. Hồ Chí Minh). Mặc dù không mang tính đại diện nhưng các cá nhân trong các buổi thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu đều thể hiện sự lạc quan về hệ thống giáo dục của Việt Nam. Nhưng đồng thời, nhiều người trẻ, cả sinh viên và người mới đi làm, cũng thể hiện sự lo lắng về sự không đồng bộ giữa giáo dục và lựa chọn nghề nghiệp (Đánh giá của doanh nhân, Phỏng vấn sâu, TP. Hồ Chí Minh). Giới trẻ có thể chưa được tiếp cận tư vấn nghề nghiệp, do đó đã ảnh hưởng đến quyết định học đại học. Vấn đề này có thể được giải quyết ngay thông qua việc cung cấp tư vấn nghề nghiệp sớm và tập huấn cho giáo viên về lợi ích của việc tư vấn nghề nghiệp (Thảo luận nhóm tập trung kiểm chứng với giới trẻ, TP. Hồ Chí Minh).

Những bạn trẻ bỏ học phải đối mặt với rào cản lớn hơn trong việc tiếp cận giáo dục và quyết định quay lại trường học. Vấn đề về nguồn lực tài chính cùng với các vấn đề với giáo viên hạn chế khả năng tiếp tục học hoặc đi học thêm. Trong các buổi phỏng vấn sâu với các bạn trẻ bỏ học, một số bạn cho biết họ bị bạn cùng lớp và giáo viên bắt nạt, ngay cả khi đó không phải là bắt nạt về thể chất thì điều đó cũng khiến họ không muốn đi học:

Em gặp rất nhiều khó khăn khi đi học. [Một trong số đó là] Em bị bắt nạt và bị giáo viên trù. Học sinh trong lớp cũng rất chia bè nhóm. Những ai thông minh thì chơi với nhau [khiến]... em chỉ có vài đứa bạn muốn chơi cùng.

Nữ giới, phỏng vấn sâu, 18 tuổi, Hà Nội, bỏ học

Đối với các bạn trẻ Việt Nam có khuyết tật thể chất, việc tiếp cận không gian học tập vẫn là một trong những thách thức lớn nhất của họ. Trong một số ít buổi phỏng vấn được thực hiện trong nghiên cứu này, không bao gồm những người có các dạng khuyết tật khác như khuyết tật tinh thần hay khuyết tật nhận thức, người khuyết tật thể chất muốn chương trình học thay đổi để phù hợp với nhu cầu riêng của họ. Việc thiết kế chương trình không thống nhất giữa các cơ sở giáo dục có thể là rào cản cho họ trong việc tiếp cận giáo dục.

Tiếp cận y tế, thực phẩm và vệ sinh

Việc tiếp cận các nhu cầu cơ bản như y tế, thực phẩm an toàn và dinh dưỡng vẫn là những mối lo ngại chính của giới trẻ. An toàn thực phẩm (70%), điều kiện sống đầy đủ (58%), nước sạch và vệ sinh (58%) nằm trong số năm ưu tiên hàng đầu đối với những người trẻ được khảo sát ở Việt Nam. Nữ giới có xu hướng để tâm đến việc tiếp cận y tế hơn nam giới. Đáp viên ở nông thôn thường ưu tiên việc tiếp cận y tế hơn ở thành thị. Khi được hỏi về những thách thức, một phần ba số đáp viên đề cập đến việc tiếp cận y tế là thách thức nổi bật thứ hai mà họ phải đối mặt trong cuộc sống.

Các đáp viên nhóm tập trung cho biết việc tiếp cận các dịch vụ y tế ở Việt Nam không thuận tiện, chất lượng các

dịch vụ có thể rất khác nhau. Một số người cho biết muốn tiếp cận dịch vụ y tế mà không phải trải qua các thủ tục mất nhiều thời gian thì cần phải dựa vào việc hối lộ.

Thực phẩm là trung tâm trong đời sống giới trẻ Việt Nam, do vậy số đông đáp viên thảo luận nhóm tập trung thấy rằng an toàn thực phẩm là vấn đề bảo động với họ. Khi được hỏi, nhiều ý kiến của họ dựa trên vô số những câu chuyện giết gân và lan truyền trên mạng về thực phẩm giả, chất phụ gia, nguồn nước không an toàn. Rõ ràng là tồn tại nhu cầu cải thiện các quy định về thực phẩm cũng như việc thực thi các quy định đó để đảm bảo an toàn dinh dưỡng, và cũng như cần công khai rõ hơn các hành động thực tế của các cơ quan pháp luật:

Tôi nghĩ môi trường và an toàn thực phẩm nên được xếp là quan trọng nhất vì đó chính là tình hình hiện đang diễn ra và trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống của chúng ta. Nhiều người chết vì ung thư vì thực phẩm bị tiêm hóa chất và phun thuốc trừ sâu quá mức.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Thanh Trì

Tôi lo nhất là về sức khỏe và vệ sinh. Nếu không khỏe mạnh thì không thể nào có đời sống tốt được.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, Nghệ An

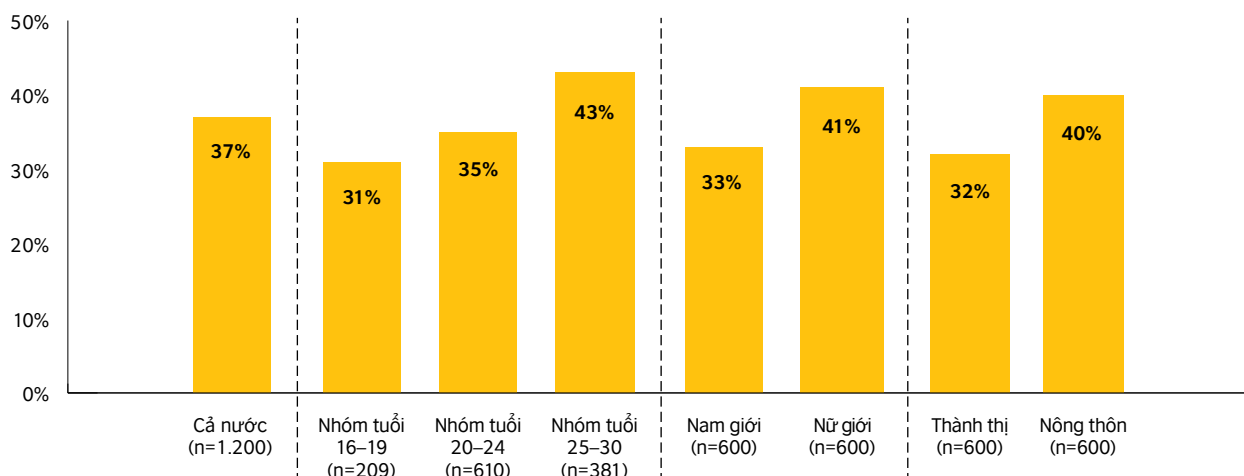
Ổn định tài chính và cư trú (nhà ở)

Tài chính cũng là mối quan tâm hàng đầu của giới trẻ Việt Nam khi nhìn về tương lai, cụ thể bao gồm sự ổn định tài chính (56%), khả năng độc lập về tài chính (56%) và lo lắng về việc không thể theo đuổi nghề nghiệp họ lựa chọn (55%). Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho biết khả năng chu cấp cho gia đình là mối quan tâm đặc biệt của họ, cùng với việc chu cấp cho cha mẹ, hay với những cặp vợ chồng trẻ là chu cấp cho gia đình của chính họ. Bảy phần mười (69%) số người trẻ tham gia khảo sát cho biết họ lo lắng về khả năng cho con cái họ được hưởng một nền giáo dục tốt. Khá nhiều người trẻ trong các nhóm thảo luận tiết lộ rằng họ phải kiếm sống rất chật vật. Những lời phàn nàn chính của họ trong các thảo luận định tính ở các nhóm tuổi chính là mức thuế cao, tỉ lệ lạm phát cao - mặc dù cả hai điều này nên được hiểu là ý kiến chứ không phải là sự việc thực tế:

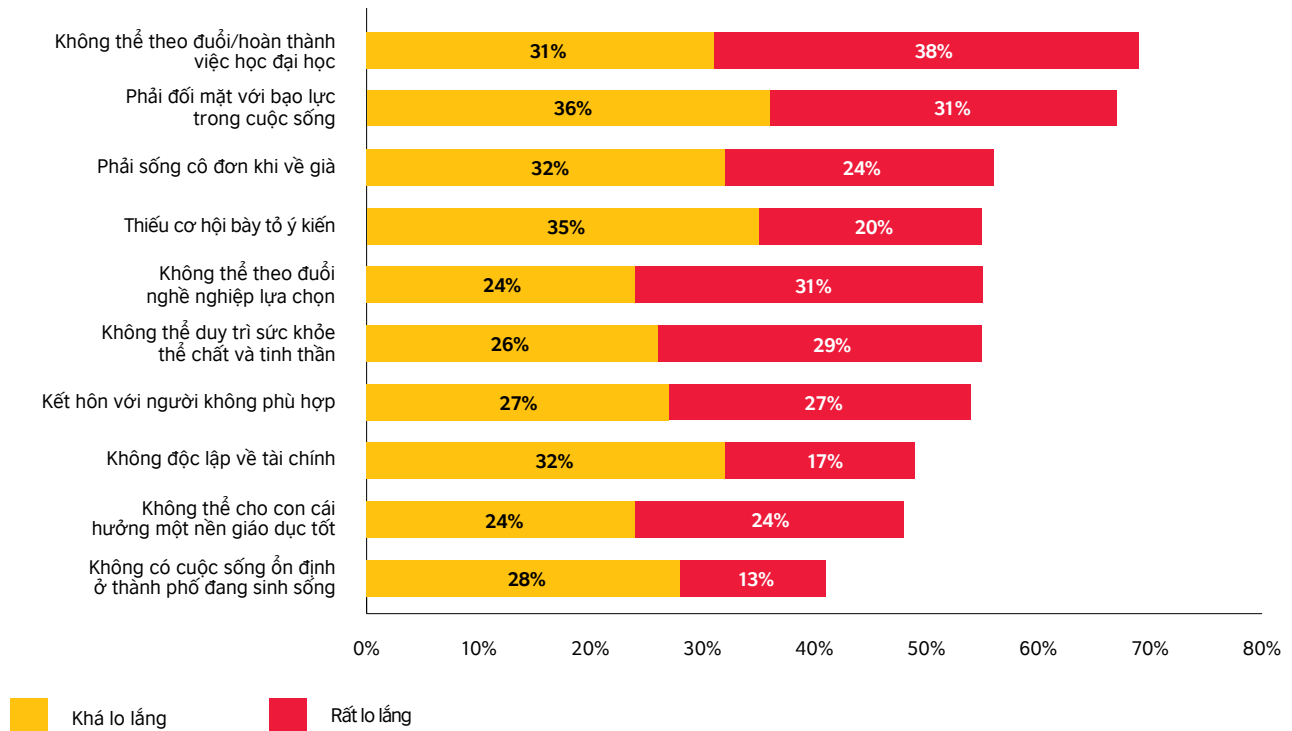
Chúng ta đã thấy mức thuế cao và lạm phát tăng, trong khi lương thì vẫn thế. Em nghĩ tình hình trong thập kỷ tới còn tệ hơn.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang

Biểu đồ 34: Tỷ lệ đáp viên (theo độ tuổi, giới tính và mức độ đô thị hóa) cho rằng tiếp cận y tế là ưu tiên hàng đầu của họ



Biểu đồ 35: Tỷ lệ giới trẻ cho biết họ khá lo lắng hay rất lo lắng về những vấn đề dưới đây (n=1.200)



Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, giới trẻ mơ ước về các công việc giúp họ có mức lương khá và ổn định cùng với phúc lợi phù hợp. Một số đáp viên phản nản về việc mức lương cơ sở hiện tại của họ thấp và việc điều chỉnh lương không theo kịp với lạm phát gia tăng. Ngoài ra, các đáp viên cho biết một số sinh viên tốt nghiệp phải đối mặt với tình trạng thiếu việc làm do cạnh tranh trên thị trường lao động ngày một gay gắt. Cuối cùng, xét về vấn đề khác biệt giới và khác biệt đô thị từ cuộc khảo sát quốc gia, có thể thấy nữ giới có xu hướng lo lắng về độc lập tài chính hơn nam giới, trong khi giới trẻ ở nông thôn lo lắng nhiều hơn về khả năng theo đuổi nghề nghiệp họ lựa chọn so với giới trẻ ở thành thị.

Hôn nhân và gia đình

Do gia đình có vai trò trung tâm trong đời sống giới trẻ của Việt Nam nên không có gì ngạc nhiên khi hầu hết người trẻ được hỏi đều hình dung về việc kết hôn trong tương lai gần, thường là khi họ 28 tuổi. Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, một số người

cho biết họ chịu áp lực phải có sự ổn định về tài chính để đảm bảo rằng họ có thể chăm lo cho bản đời và gia đình. Đối với những người đã kết hôn, việc những cặp vợ chồng trẻ phải chịu áp lực có con từ cha mẹ của họ là điều phổ biến.

Đối với giới trẻ thuộc cộng đồng LGBTI được phỏng vấn, tuy ý kiến không mang tính đại diện nhưng độ tuổi mong muốn kết hôn của họ cao hơn, khoảng 30 tuổi. Các đáp viên có chung mối quan ngại về việc khó tìm được bạn đời trong cộng đồng LGBTI. Mặc dù kết hôn đồng giới vẫn chưa được pháp luật công nhận, nhưng những bạn trẻ này thể hiện sự lạc quan vào việc cộng đồng sẽ được chấp nhận rộng rãi hơn ở Việt Nam. Mặc dù việc các cá nhân LGBTI có con là điều hiếm ở Việt Nam nhưng các đáp viên vẫn thể hiện mong muốn có con thông qua việc nhận con nuôi hay thụ tinh nhân tạo, mặc dù họ biết rất rõ những chi phí liên quan. Một đáp viên phỏng vấn sâu LGBTI cho biết “30 tuổi là độ tuổi lí tưởng để em kết hôn và có con với vợ em. [Em sẽ] đủ trưởng thành.” (Nữ giới, phỏng vấn sâu, LGBTI, TP. Hồ Chí Minh).

Bất nạt, quấy rối và lạm dụng

Giống như giới trẻ trên khắp thế giới, việc trao đổi quan điểm trên mạng, bắt nạt, quấy rối, kỳ vọng xã hội và lạm dụng tinh thần là những mối quan tâm chính. Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung biết rõ về những tác động tiêu cực của mạng xã hội lên sức khỏe tinh thần của họ, ví dụ như miệt thị ngoại hình hay chém gió trên mạng. Các bạn nữ trong các nhóm thảo luận thể hiện sự lo lắng về kỳ vọng xã hội liên quan tới ngoại hình và việc quấy rối tình dục:

Tôi ngày xưa không tham gia câu lạc bộ ở trường đại học vì bạn kiểm tiền trả học phí. Mới lại, tôi cũng rất mập nên tôi đã cảm thấy tự ti về ngoại hình bản thân và sợ giao tiếp với người khác.

Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, An Giang

Các vấn đề ưu tiên ở cấp độ vĩ mô

Kinh tế

Hệ trẻ đã chứng kiến sự chuyển đổi to lớn của nền kinh tế Việt Nam trong thời của họ. Các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho biết họ đã chứng kiến sự bùng nổ trong xây dựng, tiến bộ kỹ thuật ở rất nhiều lĩnh vực, cũng như hệ thống giao thông trên khắp đất nước được cải thiện. Du lịch quốc tế cũng bùng nổ. Do đó, giới trẻ thấy rằng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam đã được nâng cao đáng kể.

Mặt khác, so với thời của cha mẹ họ, các đáp viên cho biết họ nhận thấy tỉ lệ lạm phát gia tăng trong khi mức lương gần như vẫn giữ nguyên. Nên lưu ý rằng ý kiến này không đồng nhất với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và dữ liệu về thu nhập bình quân đầu người hàng tháng từ CEIC và Tổng cục Thống kê Việt Nam (CEIC, 2019). Dựa trên dữ liệu thống kê trong giai đoạn trước khi dữ liệu định tính được thu thập vào tháng Mười một năm 2019, mức tăng chỉ số giá tiêu dùng vẫn ổn định (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2019). Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng có xu hướng tăng lên trong một thập kỷ qua, và đã tăng gần gấp ba lần trong giai đoạn 2008 đến 2018 (dữ liệu sơ bộ). Quan điểm không phải lúc nào cũng phản ánh đúng thực tế, mặc dù các dữ liệu kinh tế vĩ mô cũng không phải hoàn toàn đáng tin cậy.

Như đã đề cập trước đó, phần lớn giới trẻ đều đồng ý rằng trong những năm gần đây cơ hội việc làm ở Việt Nam đã tăng lên đáng kể và đầy tiềm năng khởi nghiệp theo quan điểm của họ (Thảo luận nhóm tập trung kiểm chứng với giới trẻ, Hà Nội). Mặt khác, có nhiều người lo lắng về việc cơ hội việc làm đang giảm vì cung nhiều hơn cầu, thể hiện tính cạnh tranh của thị trường; những sinh viên mới tốt nghiệp không có đầy đủ những kỹ năng cần thiết cho công việc thị trường; và nhìn chung mức lương vẫn còn thấp (Thảo luận nhóm tập trung kiểm chứng với giới trẻ, TP. Hồ Chí Minh). Tương tự như vậy, các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho biết bằng cấp không còn giá trị như trước do lạm phát giáo dục. Đồng thời, những chuyên gia có kỹ thuật cao cũng

có thể di cư đến các nước khác để làm việc, điều này gây ra tình trạng chảy máu chất xám.

Các doanh nhân trẻ thành đạt được phỏng vấn để kiểm chứng đã đưa ra một số các thách thức lớn mà họ đã gặp phải. Thủ tục hành chính – quan liêu – là một rào cản đối với rất nhiều người sáng tạo, đặc biệt là khi báo cáo thuế. Một nữ doanh nhân khác đã bắt đầu một doanh nghiệp xã hội với mục đích xã hội tốt không tìm thấy mã doanh nghiệp phù hợp để phân loại công việc của mình, khiến cô gặp khó khăn trong việc thu xếp tài khoản ngân hàng và địa điểm cho dự án. Khi được hỏi, họ đã đưa ra những đề xuất sau để thúc đẩy doanh nghiệp mới và các ý tưởng mới.

Để cải thiện nền kinh tế và hoạt động khởi nghiệp, các đáp viên hệ trẻ đề xuất:

1. Xây dựng và công khai danh sách những điều các doanh nghiệp khởi nghiệp phải làm để thực hiện các thủ tục hành chính từ giai đoạn hình thành tới giai đoạn thực hiện
2. Cải thiện các chỉ dẫn hành chính và hướng dẫn thuế cho doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp xã hội, có thể là thông qua một cổng thông tin điện tử rõ ràng cho mọi chính sách về thuế
3. Hỗ trợ tiếp cận vốn qua các khoản vay chính thức hoặc các quỹ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và khởi nghiệp để tạo điều kiện thành lập doanh nghiệp mới.

Bình đẳng giới

Khoảng bốn phần mười (39%) số người tham gia khảo sát coi bình đẳng giới là một trong những ưu tiên quan trọng hàng đầu của họ. Nữ giới (41%) có xu hướng đánh giá cao bình đẳng giới hơn nam giới (37%). Bằng chứng từ các nhóm thảo luận cho thấy giới trẻ Việt Nam rất tự hào về những cải thiện trong bình đẳng giới ở Việt Nam. Điều này thể hiện niềm tự hào về việc xã hội đang ngày càng hiện đại và cởi mở hơn. Trong số những người thuộc cộng đồng LGBTI được phỏng vấn, sự phân biệt đối xử không phổ biến và các thành viên cộng đồng này đều cảm thấy lạc quan: “ngày nay mọi người cởi mở hơn về mối quan hệ giữa nam và nữ, tình dục trước hôn nhân, và chấp nhận người chuyển

giới. Giáo dục giới tính [giờ đây đã được] dạy trong trường học” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Hà Nội).

Tuy nhiên, bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới vẫn là một trong những mối lo ngại chính của nữ giới tham gia thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu. Một số đáp viên cho biết đã chứng kiến việc quấy rối tình dục trong các cơ sở giáo dục, cũng như bạo lực gia đình: “Ở trường tôi, có một thầy giáo quấy rối tình dục một sinh viên nữ. Bạn đó có thai và họ phải lấy nhau” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 15–30, An Giang). Giống như các mối lo ngại khác, việc sử dụng mạng xã hội cung cấp một nền tảng để những người bị bạo hành lên tiếng và tìm sự hỗ trợ. Việt Nam đã có nhiều tiến bộ trong vấn đề bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới, tuy nhiên vẫn cần cải thiện nhiều hơn nữa.

Để cải thiện bình đẳng giới, các đáp viên hệ trẻ đề xuất:

1. Cung cấp nền tảng an toàn cho phụ nữ trẻ thể hiện ý tưởng của họ, nơi mọi người có thể mạnh dạn và không sợ nói ra các ý tưởng quyết liệt
2. Cung cấp phúc lợi và nơi tạm trú cho những nạn nhân của bạo hành tình dục và bạo hành trên cơ sở giới
3. Thực thi các chính sách cung cấp nơi tạm trú và chăm sóc cho con của những nạn nhân, đặc biệt là những người đang sống tại nơi tạm trú.

Môi trường

Giới trẻ Việt Nam nhận thức rất rõ về các vấn đề môi trường ở đất nước mình. Bảy phần mười (69%) đáp viên cho biết họ sẽ đóng góp cho tương lai của Việt Nam thông qua các đóng góp có lợi cho môi trường.

Những thay đổi so với thời cha mẹ của họ đã mang đến sự chuyển tiếp tích cực: kinh tế phát triển và gia tăng cơ hội việc làm. Tuy nhiên, đây cũng là con dao hai lưỡi nếu không được kiểm soát. Một số đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho rằng việc môi trường thiên nhiên của Việt Nam bị tàn phá là sự đánh đổi cần thiết để đạt được tăng trưởng kinh tế. Những người khác lo ngại khi chứng kiến nạn phá rừng tràn lan, sự mở rộng của các khu vực sản

xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, việc chuyển đổi đất nông nghiệp thành nhà máy. Bên cạnh đó, ngành dịch vụ đang phát triển không ngừng cũng được xem là một nguyên nhân dẫn đến suy thoái môi trường.

Một số người trẻ cho rằng công nghệ là giải pháp cho các vấn đề môi trường, nhưng những người khác lại cho rằng tiến bộ công nghệ không thể theo kịp với sự tàn phá môi trường. Một người nhận xét “ô nhiễm môi trường tăng nhanh hơn mức độ phát triển công nghệ, do đó khó có thể cải thiện môi trường” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, An Giang). Ngoài ra, một số đáp viên thảo luận nhóm tập trung cũng nhận xét rằng nhìn chung ý thức bảo vệ môi trường của người dân Việt Nam dường như còn thấp. Theo như quan sát của một đáp viên, Việt Nam không có các quy trình quản lý và tái chế rác thải tốt. Một người đặc biệt khen ngợi Đài Loan là mô hình cho Việt Nam học tập về vấn đề quản lý rác thải (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, Nghệ An).

Các đáp viên phỏng vấn sâu đến từ các vùng nông thôn hoặc là người dân tộc thiểu số có xu hướng lên tiếng về mối quan tâm đến môi trường nhiều hơn, vì họ rất tự hào về cảnh quan thiên nhiên của Việt Nam. Do sinh kế của các đáp viên đến từ vùng nông thôn phụ thuộc vào môi trường sinh thái, nên sự suy thoái ngắn hạn và việc canh tác đất để thâm canh cũng như phá rừng phục vụ công nghiệp đang gây ra những thiệt hại lâu dài cho người lao động ở vùng nông thôn do họ phải phụ thuộc vào tài nguyên sinh thái để duy trì cuộc sống.

Mặc dù vậy, cần lưu ý rằng việc chuyển biến từ các mối quan tâm về môi trường sang các hành động giảm thiểu tác động khí hậu là không rõ ràng. Điều này được minh họa bằng các bằng chứng trong cuộc khảo sát, với bảy phần mười (69%) số người được hỏi mong muốn đóng góp cho tương lai của Việt Nam thông qua các vấn đề môi trường, nhưng chỉ có khoảng một phần chín (14%) xếp biến đổi khí hậu là một trong năm ưu tiên hàng đầu của họ. Tuy vậy, nhiều đáp viên thảo luận nhóm đã

thể hiện sự ủng hộ các vấn đề môi trường và dường như đã biết được họ có thể làm những hành động gì để bảo vệ môi trường, ví dụ như hạn chế sử dụng bao bì nhựa.

Khi được hỏi về vấn đề năng lượng sạch và hành động giảm thiểu tác động khí hậu, chỉ có 24% và 14% cảm thấy rằng đây là những vấn đề quan trọng. Không có mối liên hệ giữa các vấn đề môi trường gần gũi ví dụ như quản lý rác thải hay ô nhiễm, với những biến đổi khí hậu rõ ràng hơn. Các đáp viên là nữ giới đến từ TP. Hồ Chí Minh trong nhóm tuổi 16–19 đồng ý rằng họ chưa hề nghĩ đến những việc họ có thể làm để giúp đỡ cộng đồng. Họ chỉ có thể thực hiện những hành động nhỏ như nhặt rác trong ngõ xóm nhưng không biết làm thế nào để nâng cao hành động về các vấn đề biến đổi khí hậu.

Khi được đặt vào hoàn cảnh được ra quyết định, giới trẻ trong các buổi thảo luận đánh giá đưa ra đề xuất các cá nhân có thể làm những việc sau:

Với cá nhân:

1. Hạn chế sử dụng vật liệu nhựa và khuyến khích mọi người sử dụng các vật liệu thay thế an toàn cho môi trường
2. Trồng rau tại nhà hoặc chuyển sang dùng thực phẩm hữu cơ
3. Nâng cao nhận thức về phân loại rác và rác có thể tái chế
4. Tiếp nhận sự hỗ trợ truyền thông và giáo dục của Chính phủ về tất cả những vấn đề nói trên.

Với nhà hoạch định chính sách:

1. Đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch như ô tô điện và xe máy điện
2. Khuyến khích các chiến dịch giáo dục để bảo vệ môi trường, ví dụ như các chiến dịch trồng cây trên toàn quốc
3. Đảm bảo các yêu cầu quy định về nước thải, vệ sinh và môi trường phải được cả người tiêu dùng và doanh nghiệp thực thi triệt để
4. Cung cấp thêm cho công dân các lựa chọn về rác và tái chế.

Giảm sút trong việc tham gia cộng đồng

Nhìn chung, giới trẻ Việt Nam cảm thấy họ nhận được nhiều sự hỗ trợ từ cộng đồng địa phương, nhưng họ cũng cảm thấy xa rời các vấn đề lớn hơn mang tầm quốc gia. Phần lớn đáp viên cảm thấy họ có thể tiếp cận các dịch vụ cộng đồng tại nơi họ sinh sống (71%), thông tin về các sự kiện và hoạt động trong cộng đồng (61%), tham gia vào việc phát triển cộng đồng dân cư (56%), và tham gia vào các hoạt động xã hội của cộng đồng (65%). Nhìn chung, 61% cảm thấy họ nhận được sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư.

Điều này có lẽ dẫn đến ý kiến của hơn một nửa (55%) số người được khảo sát cho rằng họ sẽ đóng góp cho tương lai của Việt Nam thông qua việc phát triển cộng đồng. Nam thanh niên và những người trẻ sống ở khu vực nông thôn có xu hướng muốn đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng nhiều hơn nữ thanh niên và giới trẻ thành thị.

Giới trẻ sống ở khu vực nông thôn cảm thấy họ nhận được nhiều sự hỗ trợ và có tham gia vào cộng đồng tại địa phương, nhưng giới trẻ ở thành thị ít tham gia hoạt động ở cộng đồng hơn. Chỉ có một phần ba (27%) người tham gia khảo sát ở thành thị cho biết họ tham gia vào việc lập kế hoạch và ra quyết định trong cộng đồng; chỉ có 35% cảm thấy ý kiến của họ được cộng đồng coi trọng. Dữ liệu thu được từ các buổi thảo luận nhóm tập trung cho thấy sự gắn kết xã hội giữa những người sống cùng một khu trong các thành phố kém hơn các nơi khác. Người Việt Nam giờ đây ít giao lưu với hàng xóm do cuộc sống của họ đã thay đổi, mang tính cá nhân nhiều hơn, ngay cả ở khu vực nông thôn. Một nam đáp viên ở An Giang cho biết, “trước đây, hàng xóm láng giềng có mối quan hệ rất gần gũi và mọi người đều biết về cuộc sống của nhau. Nhưng giờ đây do cuộc sống bận rộn, nên mọi người chỉ quan tâm đến công việc của riêng họ” (Nam giới, Thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, An Giang).

Mặc dù giới trẻ có tham gia vào các cộng đồng địa phương nhưng tham gia các hoạt động cộng đồng như các câu lạc bộ hoặc các tổ chức ở thành thị là khá thấp. Một nửa số đáp viên (51%) cho biết họ có tham gia các tổ chức hoặc câu lạc bộ. Các đáp viên ở thành thị của đồng bằng sông Hồng (64%) và đồng bằng sông Cửu Long (61%) có xu hướng không tham gia vào các câu lạc bộ và tổ chức nhiều như các khu vực khác. Trong số các tổ chức xã hội, các nhóm thanh niên (24%), các câu lạc bộ thể thao/giải trí (18%), và công đoàn (14%) là phổ biến nhất. Người trẻ có bằng tốt nghiệp cấp ba hoặc cao hơn và người trên 20 tuổi có xu hướng tham gia vào các nhóm thanh niên hơn là người ít tuổi hơn và người có bằng tốt nghiệp cấp hai hoặc thấp hơn.

Thiếu tiếng nói và hành động

Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, phần lớn đáp viên đều đồng tình với nhận xét rằng họ cảm thấy tiếng nói của họ chỉ được bạn bè, gia đình hoặc bạn trên mạng xã hội coi trọng chứ không được các nhà chức trách lắng nghe. Trên toàn quốc, người tham gia khảo sát cho biết đây là một mối lo ngại lớn cho tương lai, với khoảng năm phần chín (55%) số người được hỏi cho biết họ quan ngại về việc thiếu cơ hội bày tỏ ý kiến của mình. Khi muốn tìm nơi để chia sẻ khó khăn, giới trẻ Việt Nam thường cảm thấy mình quá nhỏ bé nên không ai lắng nghe họ. Thay vì thể hiện ý kiến qua các cơ chế cũ hơn, giới trẻ Việt Nam thường sử dụng các kênh như mạng xã hội hoặc qua hình thức thay thế ít phổ biến hơn là các trang tin trực tuyến để thể hiện suy nghĩ và lo lắng của họ mà không sợ bị đánh giá:

Bọn em cảm thấy được lắng nghe ở trường, ở lớp (nhưng) đôi lúc bọn em không được coi trọng. Ở mạng xã hội, bọn em có thể thoải mái nói về bất kỳ điều gì bọn em muốn mà không phải lo về ý kiến của người khác.

Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, Nghệ An

Nhìn chung, như đã đề cập đến ở phần trước, giới trẻ cảm thấy họ nhận được sự hỗ trợ của cộng đồng. Tuy nhiên, họ cảm thấy họ không có quyền đưa ra quyết định. Trong các buổi thảo luận nhóm tập trung, giới trẻ đưa ra ý kiến rằng để được xã hội lắng nghe cần có

quyền, có vị trí trong xã hội, hoặc có tiền. Hàng ngày, giới trẻ thấy rằng họ có rất ít quyền lực để gây ảnh hưởng tới xã hội, ngoại trừ thông qua mạng xã hội và trong nhóm gia đình và bạn bè thân thiết.

Khi họ gặp phải hoặc chứng kiến các vấn đề xã hội như tham nhũng hay bạo lực, nhiều đáp viên thảo luận nhóm tập trung cho biết họ buộc phải chấp nhận chuyện đó và không trình báo do họ thấy rằng có trình báo cũng chưa chắc tạo ra thay đổi trong xã hội. Một số người cho biết khi họ thông báo với cơ quan chính quyền, họ được “lắng nghe” nhưng không được ghi nhận. Họ mong muốn được tự do lên tiếng về các vấn đề họ gặp trong xã hội. Ngoài ra, họ cũng mong muốn được thấy những hành động cụ thể được thực hiện để giải quyết những vấn đề họ phản hồi (Thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, địa điểm không công bố).

Trong các buổi hội thảo đánh giá, khi được hỏi về các đề xuất mang tính xây dựng, giới trẻ cảm thấy rằng các chính sách công nói chung nên được điều chỉnh để hướng tới sự phát triển của xã hội và khuyến khích việc lắng nghe và coi trọng ý kiến của người dân.

Để lắng nghe tốt hơn và trao tiếng nói cho thế hệ trẻ, các đáp viên thế hệ trẻ đề xuất:

1. Tiếp tục tạo ra các nền tảng để hiện thực hóa quyền con người và tạo ra các không gian để lắng nghe tiếng nói của nhiều người hơn về xây dựng chính sách
2. Xây dựng các phương pháp hỗ trợ và giải quyết các thủ tục hành chính nhanh hơn và hiệu quả
3. Minh bạch với các hoạt động hoạch định chính sách và có cơ chế ngân sách tham gia nhiều hơn, đặc biệt ở cấp địa phương.

Tham gia hạn chế vào các vấn đề chính trị

Nhìn chung, phần lớn giới trẻ cảm thấy không gắn kết với các vấn đề lớn của quốc gia, đặc biệt là vấn đề chính trị. Dữ liệu từ khảo sát cho thấy khoảng ba phần tư (78%) giới trẻ Việt Nam không tham gia vào các vấn đề chính trị, và chỉ khoảng 7% tin rằng họ có tham gia ở mức độ nào đó. Chỉ có 4% số đáp viên người được hỏi cho biết họ tham gia vào việc thảo luận chính trị trong câu

lạc bộ phi chính thức; 1% hoặc ít hơn cho biết có tham gia vào các hoạt động chính trị khác (Ví dụ: Grinter, 2006, tr. 151-165; Valentin, 2007, tr. 299-315; HCMCYU, 2012 được dẫn trong Trung tâm Phát triển OECD, 2017). Dữ liệu khảo sát của Nghiên cứu Hệ thống trẻ cho thấy khoảng 24% số người được hỏi có tham gia vào các tổ chức thanh niên (những đáp viên lớn tuổi hơn sẽ tham gia ít hơn). Chỉ 12% tham gia các tổ chức từ thiện, tổ chức nhân đạo hoặc tương tự và 5% tham gia các tổ chức cộng đồng (các tổ chức phi chính phủ ở địa phương, quy mô nhỏ). Những con số này khá thống nhất ở mọi đoàn hệ theo nhóm tuổi.

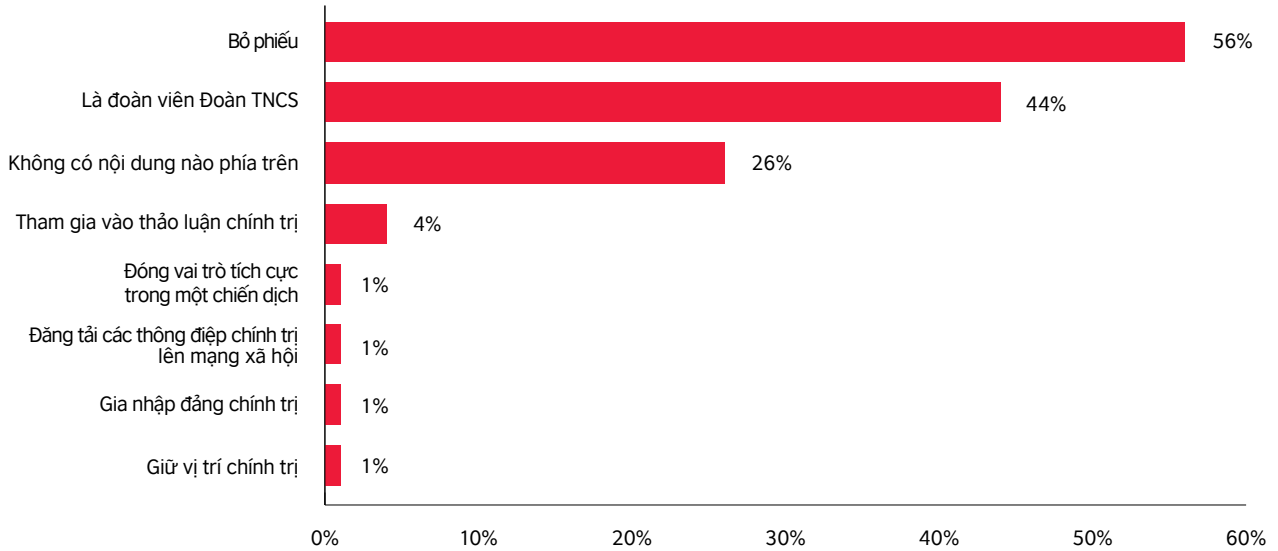
Trong khi đó, khoảng 44% của các đáp viên được khảo sát đã từng là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản (TNCS). Cần lưu ý rằng tỉ lệ phần trăm là đoàn viên giảm theo độ tuổi, từ 51% nhóm tuổi 16–19 trả lời chắc chắn có gia nhập Đoàn TNCS so với chỉ 39% nhóm tuổi 25–30. Như dự đoán, phần trăm cho biết đã bỏ phiếu ít nhất một lần tăng theo tuổi: 62% nhóm tuổi 20–24 và 73% nhóm tuổi 25–30. Những con số này thống nhất với các kết quả của kết quả thảo luận nhóm tập trung.

Tôi đã nghĩ tới việc đóng góp cho chính quyền địa phương, nhưng tôi không nghĩ là sẽ được gì vì bất cứ thứ gì liên quan tới Chính phủ đều rất khó thay đổi.

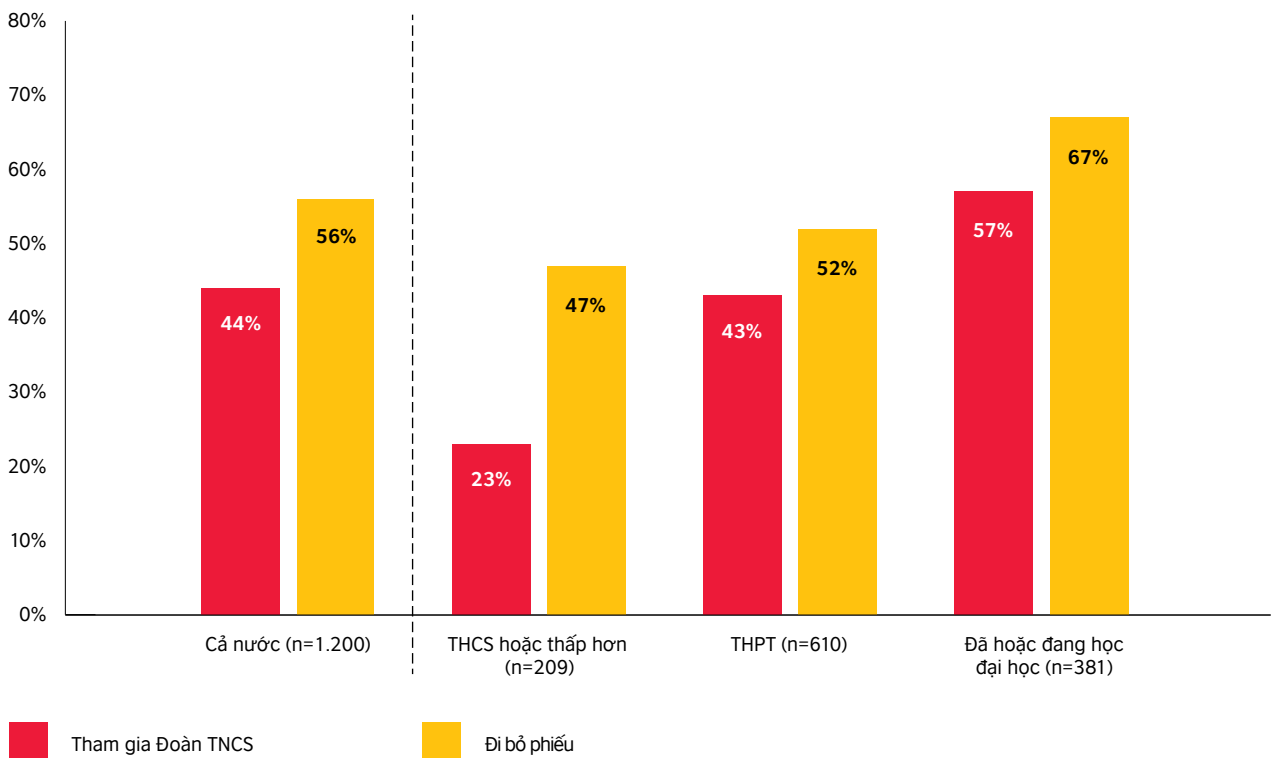
Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, địa điểm không công bố

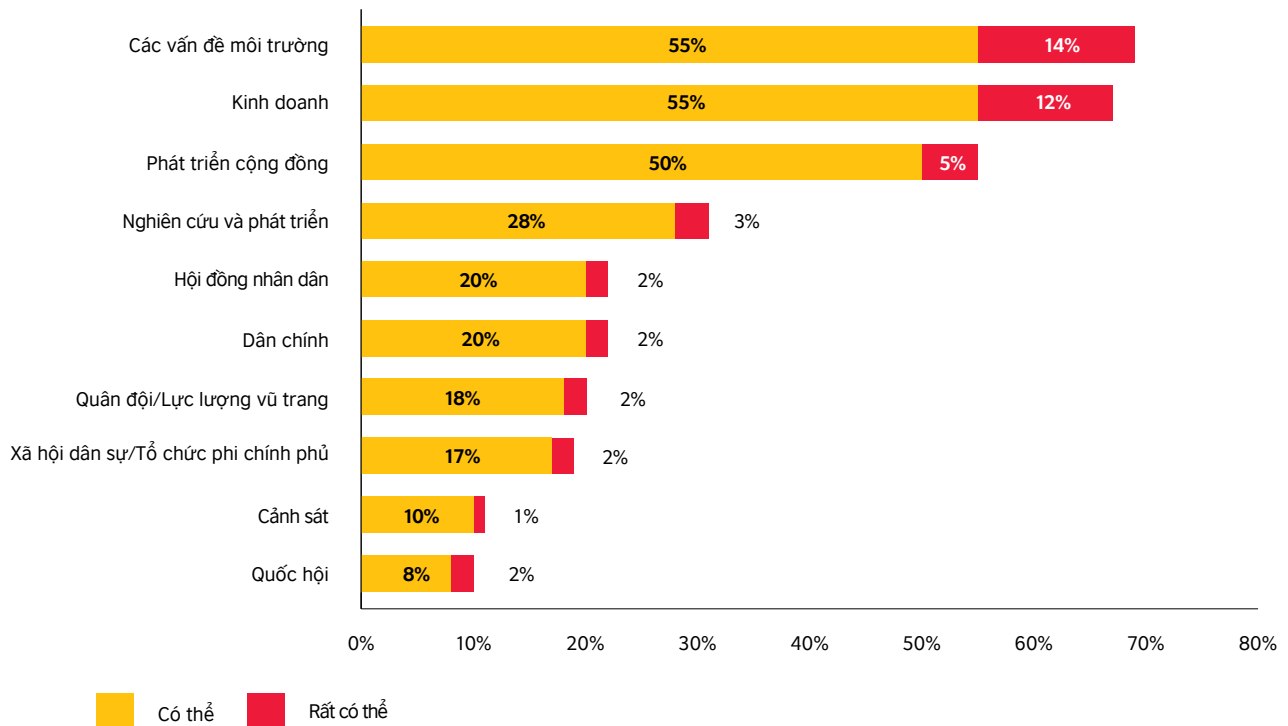
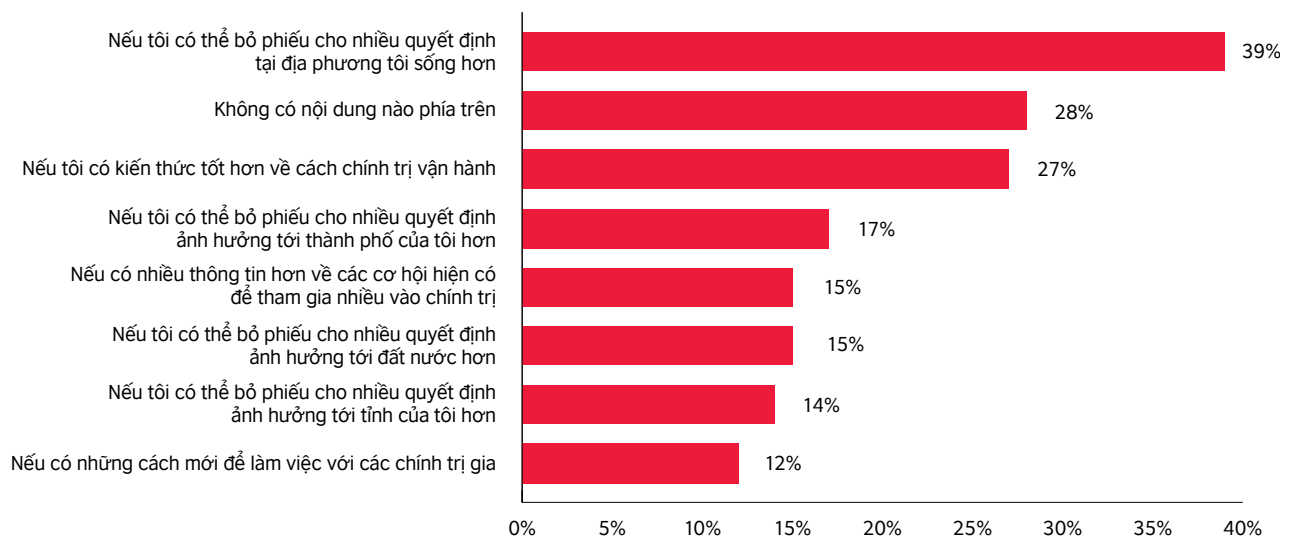
Do đó, phần lớn giới trẻ thể hiện mong muốn tránh vấn đề chính trị và công vụ. Đa số giới trẻ không thấy mình đóng góp cho lĩnh vực chính trị, công vụ hay lực lượng quân đội/cảnh sát. Tuy nhiên, giới trẻ ở khu vực nông thôn cảm thấy gần gũi với các nhà hoạch định chính sách hơn, thường là thông qua quan hệ gia đình, và họ cũng có cái nhìn tích cực hơn về các lực lượng trên. Do không có sự kết nối này nên phần lớn những người trẻ được khảo sát (77%) nói rằng họ sẽ đóng góp cho tương lai của Việt Nam thông qua công việc kinh doanh chứ không thông qua các thể chế chính thức. Một lần nữa, chúng ta lại thấy được tinh thần khởi nghiệp của giới trẻ.

Biểu đồ 36: Tham gia vào các hoạt động chính trị với mọi độ tuổi (n=1.200)



Biểu đồ 37: Sự tham gia vào cộng đồng giảm tại một số vùng (n=1.200)



Biểu đồ 38: Người trẻ cảm thấy được cộng đồng hỗ trợ (n=1.200)**Biểu đồ 39:** Kết quả khảo sát toàn quốc cho câu hỏi “Điều nào trong số những điều dưới đây có thể tăng sự tham gia của bạn vào chính trị nhất?” (n=1.200)

Minh chứng từ các buổi thảo luận nhóm tập trung cho thấy giới trẻ sống ở khu vực thành thị và vùng ngoại ô chỉ trích vấn đề chính trị nhiều hơn, trong khi đối với giới trẻ ở khu vực nông thôn, Chính phủ có vẻ gần gũi và được đánh giá cao hơn. Như một đáp viên dân tộc Xinh Mun ở Sơn La cho biết “có một chính trị gia đại diện cho ngôi làng của chúng tôi. Chúng tôi rất ngưỡng mộ và yêu quý ông. Ông giúp đỡ người dân trong làng” (Nữ giới, Phỏng vấn sâu).

Nhìn nhận của giới trẻ về tương lai trong lĩnh vực chính trị có vẻ chưa rõ ràng. Chỉ có chưa đến một nửa (46%) cảm thấy rằng họ sẽ có cơ hội chứng tỏ bản thân về mặt chính trị, 49% cảm thấy ý kiến của họ sẽ được lắng nghe, 46% thấy họ có ảnh hưởng tới cách sống ở Việt Nam. Giới trẻ ở khu vực nông thôn có xu hướng tham gia vào chính trị nhiều hơn do họ có lòng tin cao hơn vào quan chức, tuy nhiên họ cũng thể hiện mối lo ngại tương tự như giới trẻ thành thị khi nhìn về tương lai:

Mọi vấn đề đều cần hành động từ Chính phủ. Chúng tôi quá trẻ và không có địa vị gì trong xã hội. Do đó, chẳng có gì là chúng tôi có thể thực sự làm được.

Thảo luận nhóm, nhóm tuổi 25–30, ven đô TP. Hồ Chí Minh

Để tăng sự tham gia vào chính trị, các đáp viên trẻ đề xuất:

1. Trao khả năng được bỏ phiếu cho các quy định trong cộng đồng họ sinh sống (39%)
2. Nhận thêm thông tin về cách chính trị vận hành ở Việt Nam (27%).

Tình trạng tham nhũng tràn lan

Tham nhũng là ưu tiên cao nhất ở cấp độ vĩ mô đối với giới trẻ, hai phần ba (67%) người được hỏi cho biết giải quyết tham nhũng là vấn đề hàng đầu mà Chính phủ phải đối mặt. Các buổi thảo luận nhóm tập trung cho thấy tình trạng tham nhũng tồn tại ở hầu hết mọi lĩnh vực của xã hội và ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày, từ giáo dục tới công việc; từ chính quyền địa phương tới các thủ tục ở trung ương. So với thời của cha mẹ họ, giới trẻ cảm thấy

nạn tham nhũng đang ngày càng tồi tệ. Một bạn trẻ ở TP. Hồ Chí Minh nói rằng “chúng tôi đang chứng kiến nhiều [tham nhũng] hơn. [Thời] cha mẹ tôi, họ tham nhũng trong bóng tối, còn giờ đây là công khai” (Thảo luận nhóm tập trung, ven đô). Khi phải làm việc với các quan chức chính quyền, một số đáp viên cho biết họ cần phải đưa hối lộ nếu không họ sẽ phải thực hiện những thủ tục hành chính phiền hà kéo dài, thậm chí ngay cả với việc tiếp cận các dịch vụ y tế thông thường: “Nếu bạn không có tiền, bạn sẽ phải đợi tất cả mọi dịch vụ ngay cả tại bệnh viện (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 16–19, địa điểm không công bố).

Trong các buổi thảo luận nhóm, đáp viên cũng cho biết rằng việc đối xử ưu tiên rất phổ biến trong xã hội. Những người giữ địa vị xã hội cao hoặc có tiền thường được ưu tiên và thường có nhiều đặc quyền hơn những người khác. Điều này đặc biệt đúng với những người làm trong chính quyền. Ngoài ra, các đáp viên thảo luận nhóm tập trung cũng cho biết rằng những người không đủ khả năng vẫn có thể được làm quan chức chính quyền do có các mối quan hệ, điều này làm cho tình trạng tham nhũng trở nên tồi tệ hơn.

Mặc dù phần lớn đáp viên thảo luận nhóm tập trung cảm thấy rằng tham nhũng là một thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, nhưng nhiều người vẫn chọn cách hối lộ khi cần: “Nếu tôi cần đưa hối lộ thì tôi sẽ hối lộ giống như cách mọi người vẫn làm, bởi vì việc đó đã trở thành cơ chế, chúng tôi buộc phải làm như vậy. Ai cũng làm vậy” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24, địa điểm không công bố). Thế hệ trẻ biết rằng hối lộ có thể được sử dụng để mua điểm cao trong kỳ thi hay được nhận vào các cơ sở giáo dục. Về vấn đề việc làm, đáp viên cho biết các mối quan hệ quen biết đóng vai trò rất lớn khi xin việc: “Bạn phải là người giàu có hoặc có mối quan hệ mới xin được việc. Nếu không, bạn chỉ có thể ở nhà và chẳng có việc làm” (Nam giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 25–30, địa điểm không công bố).

Thế hệ này đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc giải quyết vấn đề tham nhũng. Mặc dù họ vẫn cảm thấy chưa được trao quyền để tố cáo tham nhũng nhưng những buổi thảo luận nhóm cho thấy, họ muốn làm điều đó. Do đó, phần lớn đáp viên cảm thấy họ có thể thể hiện mối lo ngại trên mạng hoặc với một nhóm nhỏ có mối quan hệ gần gũi. Việc sử dụng các nền tảng mạng xã hội để lên tiếng về những quan ngại về tham nhũng phải được thực hiện hết sức cẩn thận.

Khi được hỏi điều gì tạo ra sự khác biệt trong việc chống tham nhũng, nhiều người đề cập đến việc tăng cường thực thi các luật phòng chống tham nhũng, giống như những luật đang được thi hành hiện nay, cùng với việc tăng lương cho cán bộ công chức có thể giúp giảm nạn hối lộ đang tràn lan.

Khi được hỏi về những việc các nhà hoạch định chính sách nên làm để chống tham nhũng, các đáp viên đã đề xuất:

1. Tăng việc thực thi các luật chống tham nhũng và tiếp tục đẩy mạnh các hình thức chống tham nhũng của Chính phủ
2. Nâng lương cho các cán bộ ở vị trí thấp hơn trong khối công
3. Đưa ra các hình phạt nặng hơn, có thể phạt cả người đưa hối lộ và người nhận hối lộ
4. Tăng cường các giao dịch minh bạch cho tiền phạt và các loại phí để người dân biết được rằng tiền họ đóng được sử dụng như thế nào, bằng cách chuyển sang hóa đơn và đóng tiền bằng thẻ
5. Tăng cường kiến thức pháp luật cho người dân, để khi họ phải đối mặt với những tình huống như vậy có thể tự bảo vệ mình
6. Công khai mức lương của các cán bộ công chức cho tất cả người dân biết.

> Kết luận

Thế hệ trẻ đã đánh giá Việt Nam là một đất nước đang vươn lên mạnh mẽ, ngày càng phát triển và đem lại điều kiện sống được cải thiện cho người dân. Những đáp viên ở khu vực nông thôn đã nhận thấy những lợi ích lớn lao trong một thời gian ngắn, và vẫn hài lòng với sự tăng trưởng. Những đáp viên ở thành thị, mặc dù vẫn háo hức, đã bắt đầu nhận thấy nhiều tác động biên và bản khoản về tương lai.

Trên khía cạnh kinh tế, chính sách Đổi mới và sự tăng trưởng có được từ chính sách này đã đem lại những thay đổi rõ nét: thế hệ trẻ được hưởng lợi từ một nền kinh tế phát triển bùng nổ với đa dạng việc làm, cả về số lượng và hình thức. Những cải tiến kỹ thuật và phát triển nói chung đã giúp lớp người sinh trưởng trong ba thập kỷ qua có được mức lương cao hơn hẳn so với thế hệ cha mẹ họ. Người trẻ cũng nhận thấy những thay đổi tích cực về bình đẳng giới ở nơi làm và trong xã hội. Gần 65% người Việt trẻ tin rằng cơ hội việc làm cho thế hệ mình đã cải thiện trong vòng năm năm qua. Những người trẻ là dân tộc thiểu số và sống ở nông thôn cảm nhận được rõ rệt sự thay đổi về chất lượng cuộc sống và sinh kế so với thế hệ cha mẹ họ.

Đồng thời, tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. 37% đáp viên, bất kể hoàn cảnh xuất thân, có ý định tự kinh doanh. Trong các buổi phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung (FGD), các đáp viên cho biết khởi nghiệp kinh doanh đem đến cho họ quyền quyết định và tự do hơn hẳn so với việc làm cho người khác.

Giáo dục cũng đang được cải thiện. Hơn ba phần tư những người trẻ được khảo sát (77%) trên cả nước cảm thấy giáo dục hiện nay đã được cải thiện so với các thế hệ trước. Tuy nhiên, hai phần ba người trẻ (68%) cho rằng những người cùng trang lứa với họ đang gặp khó khăn trong tìm việc làm đúng ngành học và đúng mong đợi. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục tái sửa đổi chương trình giảng dạy ở trường để đáp ứng nhu cầu của thế kỷ

21 thông qua các kỹ năng giảng dạy như giao tiếp sáng tạo, tư duy phê phán và quản lý thời gian.

Đồng thời, quá trình hội nhập với thế giới đã dẫn đến những biến đổi rõ nét trong xã hội. Cuộc sống của thế hệ trẻ đang được số hóa cao độ, không thể tách rời khỏi internet và mạng xã hội, trong đó mạng xã hội đóng vai trò chủ chốt trong việc định danh khoảng một phần ba đáp viên trên toàn Việt Nam. Với nhiều người, cuộc sống không có internet hay mạng xã hội là điều không tưởng: như một đáp viên ở Nghệ An đã nói, “một ngày [không có mạng và mạng xã hội] sẽ dài tựa thế kỷ” (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24).

Với sự trao đổi thông tin và giao thương ngày càng nhiều, các giá trị xã hội đang dịch chuyển: bằng chứng từ các nhóm thảo luận cho thấy người Việt trẻ vô cùng tự hào về tình hình bình đẳng giới được cải thiện ở Việt Nam – và cảm thấy háo hức khi xã hội đang ngày càng hiện đại hóa và cởi mở. Khi được khảo sát, bốn trên mười đáp viên đã xếp bình đẳng giới trong nhóm năm vấn đề ưu tiên hàng đầu của họ. Những đáp viên trẻ thuộc cộng đồng LGBTI cũng đã chứng kiến sự nâng cao về kiến thức và quan điểm của xã hội. Họ lạc quan về tương lai của mình khi Việt Nam đã xóa bỏ lệnh cấm hôn nhân đồng giới, dù vẫn chưa có các lựa chọn pháp lý cho việc kết hợp dân sự đồng giới và họ vẫn quan ngại rằng hôn nhân đồng giới sẽ khó được chấp nhận ở các vùng nông thôn bảo thủ.

Thế hệ trẻ - ít nhất là những người sống ở thành thị - cũng cho thấy họ chuộng các giá trị cá nhân hơn các giá trị tập thể. Điều thú vị là xu hướng này lại không xuất hiện ở các đáp viên từ nông thôn. Cho dù đó là ảnh hưởng bởi tính cá nhân tư bản hay đơn giản chỉ là sự cô đơn mà cuộc sống hiện đại mang lại – vốn được nhiều nhà tâm lý học coi là bệnh lý – vẫn có một sự phân cách rõ ràng giữa thành thị và nông thôn khi xét tới các cảm xúc về tính tập thể và cộng đồng (Cacioppo, Cacioppo, & Capitanio, 2014). Thái độ ủng hộ tính tập thể ở các

vùng nông thôn tương quan với thái độ ủng hộ dành cho dịch vụ dân sự và những nhận thức được cải thiện về khả năng phản ứng của Chính phủ - cả hai điểm này đều ít thấy hơn ở khu vực thành thị.

Mặc dù lạc quan về tương lai nhưng thế hệ trẻ Việt Nam nhận thức được các thách thức họ và bạn bè đồng trang lứa phải đối diện hàng ngày – cũng như các vấn đề xã hội mà đất nước đang gặp phải. Ở cấp độ cá nhân, họ đầu tư nhiều công sức để kiếm tìm các điều kiện sống, giáo dục tốt hơn và sự ổn định tài chính. Khi nhìn vào Chính phủ và xã hội, họ tin rằng các nhà hoạch định chính sách cần ưu tiên xử lý vấn đề tham nhũng, cải thiện môi trường tự nhiên, đảm bảo an toàn và chất lượng thực phẩm, và cung cấp cơ hội giáo dục và việc làm tốt. Có hai thái cực khá rõ ràng về việc nên hay không nên lên tiếng mạnh mẽ về các vấn đề hệ trọng, nhất là khi họ ý thức được rằng một cá nhân khó có thể tác động để thay đổi, đặc biệt trong các vấn đề liên quan tới Chính phủ hoặc những nhân vật trong bộ máy chính quyền.

Có lẽ hiện trạng này diễn ra vì, mặc dù người Việt trẻ cảm thấy được các cộng đồng địa phương hỗ trợ, nhưng hầu hết các đáp viên đều cảm thấy bị tách biệt khỏi những vấn đề quốc gia lớn hơn. Gần như toàn bộ các đáp viên thảo luận nhóm tập trung đều thấy rằng tiếng nói của họ thường chỉ có bạn bè thân thiết và gia đình, cũng như những người theo dõi họ trên mạng xã hội lắng nghe, chứ không tác động được đến xã hội ở quy mô rộng hơn. Để được lắng nghe, họ chỉ ra rằng, cá nhân cần có chức danh và quyền thế, uy tín theo hình thức nào đó, hoặc phải có tiền. Mỗi ngày, người trẻ đều cảm thấy bản thân mình chẳng có mấy quyền lực tác động tới xã hội, có lẽ chỉ trừ qua mạng xã hội và bạn bè thân hữu. Họ khao khát khả năng được lên tiếng cởi mở về những vấn đề trong xã hội: họ muốn có tiếng nói. Và, hơn thế, họ muốn thấy những hành động cụ thể được thực hiện để đáp lại tiếng nói ấy. Họ muốn được lắng nghe.

Đề xuất cho nghiên cứu tương lai

Dự án nghiên cứu này đưa ra một cái nhìn tổng quan về trải nghiệm của toàn bộ một thế hệ. Do đó, mặc dù nghiên cứu đã cố gắng thể hiện quan điểm của các nhóm ít được đại diện nhưng sẽ vẫn có những nội dung có thể được nghiên cứu sâu trong tương lai. Cụ thể, đó là:

1. Nghiên cứu chuyên sâu về 54 nhóm dân tộc Việt Nam và nhận thức của những người trẻ trong các cộng đồng đa dạng này về sự thay đổi thế hệ. Nghiên cứu này sẽ không còn giới hạn trong các nhóm có mặt ở nghiên cứu này (Kinh, H'Mông, Mường, Ê-đê, Xinh Mun, và Thái; cùng với các đáp viên thiểu số theo đạo Hồi và đạo Ki-tô)
2. Tìm hiểu sâu về động lực khởi nghiệp của thế hệ trẻ và để tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ các cơ chế tiềm năng của tăng trưởng kinh tế và xã hội mà nó có thể thúc đẩy
3. Nghiên cứu sâu hơn về những hi vọng, ước mơ, và nhu cầu cụ thể của những người trẻ có khuyết tật phi thể chất
4. Giải thích sâu về ý nghĩa chính sách của các đề xuất hàng đầu trong nghiên cứu này, lý tưởng là bởi các chuyên gia về các vấn đề này, những người có thể thực hiện các đề xuất sơ bộ của nghiên cứu này do những đáp viên phổ thông đưa ra.



> Tài liệu tham khảo

Anh, D.N., 'Youth Work and Employment in Vietnam', *Vietnam's Socio-Economic Development* [website], 2009, <<http://www.grips.ac.jp/vietnam/VDFTokyo/Doc/SocialBook1Chapter4.pdf>>, truy cập ngày 9 tháng Tư năm 2019.

Bộ Công an Việt Nam, Dữ liệu về Vi phạm Pháp luật, 27 tháng Mười Hai năm 2019, <<http://www.bocongan.gov.vn/thong-tin-thong-ke/tinh-hinh-vi-pham-phap-luat-thang-122019-d100-t27021.html>>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2020.

Bộ Nội vụ Việt Nam, *Luật Thanh niên và Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020* [tiếng Anh] [website] [website], 2012, <https://www.youthpolicy.org/national/Vietnam_2011_Youth_Development_Strategy.pdf>, truy cập ngày 10 Tháng Tư, 2019.

Cacioppo, J., Cacioppo, S. & Capitanio J., 'Loneliness is a Disease that Changes the Brain's Structure and Function', *Research Digest, the British Psychological Society* [website], 12 Nov. 2014, <<https://digest.bps.org.uk/2014/11/12/loneliness-is-a-disease-that-changes-the-brains-structure-and-function/>>, truy cập ngày 10 tháng Ba năm 2020.

CEIC, *Vietnam Monthly Consumer Price Index CPI Growth 1996-2020*, dd, <<https://www.ceicdata.com/en/indicator/vietnam/consumer-price-index-cpi-growth>>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2019.

Collins, N., 'Economic Reform and Unemployment in Vietnam', được đăng trong Y.Xhu & J.Benson ed., *Unemployment in Asia*, Routledge, London, 2005, tr.176-194, <https://www.researchgate.net/publication/233985636_Economic_Reform_and_Unemployment_in_Vietnam>, truy cập ngày 10 tháng Tư, 2019.

Grinter, G.E., 'Vietnam's Thrust into Globalization: "Doi Moi's" Long Road', *Asian Affairs: An American Review* [online journal], vol.33, No.3, Fall 2006, tr.151-165, <<https://www.jstor.org/stable/30173023?seq=1>>, truy cập ngày 9 tháng Tư năm 2019.

Hayden, C. và cộng sự, 'Explaining the Offending Behaviour of Young People on Educational Programmes Incarcerated in Educational Institutions in Vietnam', *Youth Justice* [online journal], vol 17, issues 3, 2017, tr.232-249, <<https://doi.org/10.1177/1473225417716100>>, truy cập ngày 9 tháng Tư năm 2019.

Hội đồng Anh, *Tiêu điểm về Khả năng Tuyển dụng: Tìm hiểu quan điểm của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài quay về Việt Nam* [tiếng Anh], dd.

King, V.T. và cộng sự, 'Professional Middle Class Youth in Post-Reform Vietnam: Identity, Continuity and Change', *Modern Asia Studies* [online journal], vol.42, issue 4, 2008, tr. 783-813, <<http://www.jstor.org/stable/20488041>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Ngân hàng Thế giới, *Các Chỉ số Phát triển Thế giới của Ngân hàng Dữ liệu: Việt Nam* [tiếng Anh], [không có ngày đăng], <<https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=2&series=SE.PRM.ENRR&country=VNM#>>, truy cập ngày 12 tháng Tư năm 2019.

Ngân hàng Thế giới, *Giáo dục trong Lịch sử phát triển Việt Nam, Thách thức và Giải pháp* [tiếng Anh], dd, <https://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/278200-1121703274255/1439264-1153425508901/Education_Vietnam_Development.pdf>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2020.

Ngân hàng Thế giới, *Giáo dục chất lượng cao cho tất cả mọi người của Việt Nam đến năm 2020 Tập 1 Tổng quan/Báo cáo Chính sách* [tiếng Anh] [website], tháng Sáu năm 2011, <<http://documents.worldbank.org/curated/en/416151468320084130/pdf/680920v10WPOP10educ0tap-10Engl012012.pdf>>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2019.

Nguyễn, H., 'The Conceptualization and Representations of Adolescence in Vietnamese Media during the "Reform Era" of Vietnam (1986-1995)', *Journal of*

Family History [online journal], vol.40, issue 2, tr.172-194, <<https://doi.org/10.1177/0363199015573401>>, truy cập ngày 12 tháng Tư năm 2019.

OECD, 'Viet Nam - Country Note - PISA 2018 Results' [website], 2019, <https://www.oecd.org/pisa/publications/PISA2018_CN_VNM.pdf>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2020.

P.Boothroyd và X.N. Phạm, 2000 được dẫn trong H. Nguyễn, 2015, 'The Conceptualization and Representations of Adolescence in Vietnamese Media during the "Reform Era" of Vietnam (1986-1995)', *Journal of Family History* [online journal], vol 40, issue 2, 2015, tr.172-194, <<https://doi.org/10.1177/0363199015573401>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Putnam, R.D., 'Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community', Simon & Schuster, New York, 2000.

Rushing, R., 'Migration and Sexual Exploitation in Vietnam', *Asian and Pacific Migration Journal* [online journal], vol 15, issue 4, tr. 471-494, Tháng Mười hai, 2006 <<https://doi.org/10.1177/011719680601500403>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Tambyah S.K., và cộng sự, 'Measuring Status Orientations: Scale Development and Validation in the Context of an Asian Transitional Economy', *Journal of Marketing Theory and Practice* [online journal], vol.17, issue 2, tr.175-187, <<http://www.jstor.org/stable/40470405>>, truy cập ngày 15 tháng Tư năm 2019.

Thư viện Ban nghiên cứu Quốc hội Liên bang Hoa Kỳ, Country Profile: Vietnam, December 2005, Tháng Mười hai, 2005, <<https://www.loc.gov/rr/frd/cs/profiles/Vietnam.pdf>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Tổ chức Lao động Thế giới, 'Labour Market Transitions of Young Women and Men in Viet Nam' [website], Work4Youth Publication Series, No. 22, Geneva, 2015, <<https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/>

public/---dgreports/---dcomm/documents/publication/wcms_347256.pdf>, truy cập ngày 12 tháng Tư năm 2019.

Tổng cục Thống kê Việt Nam, Thu nhập Bình quân hàng tháng theo đầu người tính theo giá hiện tại tại nơi cư trú và tại khu vực cư trú, vùng miền và năm, đđ, <https://www.gso.gov.vn/default_en.aspx?tabid=783>, truy cập ngày 20 tháng Hai năm 2019.

Trung tâm Phát triển OECD, 'Youth Well-being Policy Review of Viet Nam' [website], EU-OECD Youth Inclusion Project, Paris, 2017, <http://www.oecd.org/countries/vietnam/OECDYouthReportVietNam_ebook.pdf>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Trung tâm Phát triển Toàn cầu, *Vietnam's Exceptional Learning Success: Can We Do That Too?* [website], 2018, <<https://www.cgdev.org/blog/vietnams-exceptional-learning-success-can-we-do-too>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2019.

Turner, S. & Nguyen, P.A. 'Young Entrepreneurs, Social Capital and Doi Moi in Hanoi, Vietnam', *Urban Studies* [online

journal], vol.42, issue 10, 2005, tr.1693-1710, <<http://dx.doi.org/10.1080/00420980500231563>>, truy cập ngày 9 tháng Tư năm 2019.

Ủy ban Nhân quyền Việt Nam, *Vi phạm quyền của các dân tộc, tôn giáo ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [tiếng Anh] [website], Geneva, tháng Một năm 2012, <https://tbinternet.ohchr.org/Treaties/CERD/Shared%20Documents/VNM/INT_CERD_NGO_VN-M_80_10313_E.pdf>, truy cập ngày 5 tháng Một năm 2020.

Valentin, K., 'Mass Mobilization and the Struggle over the Youth: The Role of Ho Chi Minh Communist Youth Union in Urban Vietnam', *Young* [online journal], vol. 15, issue 2, 2007, tr.299-315, <<https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/110330880701500305>>, truy cập ngày 9 tháng Tư năm 2019.

We Are Social & Hootsuite, *Digital in Vietnam 2016 report* [website], 29 tháng Một năm 2016, <<https://datareportal.com/reports/digital-2016-vietnam>>, truy cập ngày 10 tháng Tư năm 2020.

Ngân hàng Thế giới, Các chỉ số Phát triển Ngân hàng dữ liệu thế giới: Việt Nam, [no date], <<https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=2&series=SE.PRM.ENRR&country=VNM#>>, truy cập ngày 12 tháng Tư năm 2019.

Ngân hàng Thế giới, Lịch sử Phát triển Giáo dục ở Việt Nam, Những thách thức và giải pháp, n.d., <https://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/278200-1121703274255/1439264-1153425508901/Education_Vietnam_Development.pdf>, accessed 20 Feb. 2020.

Ngân hàng Thế giới, Giáo dục chất lượng cao cho tất cả mọi người ở Việt Nam năm 2020 Volume 1 Overview/ Policy Report [website], Jun. 2011, <<http://documents.worldbank.org/curated/en/416151468320084130/pdf/680920v10WP0P10oduc0tap-10Engl012012.pdf>>, truy cập vào ngày 20 tháng Hai năm 2019.





> Phụ lục 1: Phương pháp và cách tiếp cận

Nghiên cứu Hệ thống trẻ Việt Nam sử dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật thu thập dữ liệu đa dạng, được chia ra làm bốn giai đoạn thu thập và phân tích dữ liệu. Mục đích chính của nghiên cứu là:

- Tìm hiểu về cấu trúc, trải nghiệm, nhu cầu, thái độ, và mong muốn của giới trẻ (nhóm tuổi 16-30) ở Việt Nam trong năm 2019
- Tập trung vào những khoảng trống và cơ hội để mở rộng ý kiến của giới trẻ và thu hút sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách, cũng như các ví dụ về thực hành tốt
- Đưa ra khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan chủ chốt về các điều kiện thu hút sự tham gia của giới trẻ.

Nghiên cứu Hệ thống Trẻ Việt Nam có mục đích trả lời những câu hỏi chính sau:

1. Cấu trúc nhân khẩu học của giới trẻ (nhóm tuổi 16-30) ở Việt Nam là gì?
2. Loại hình giáo dục và công việc mà giới trẻ đang học/đang làm?

3. Đây là động lực, thách thức và trải nghiệm trong việc theo đuổi các lộ trình giáo dục khác nhau và những công việc mà mỗi lộ trình giáo dục mang lại?
4. Đây là động lực và chiến lược trong việc theo đuổi các loại hình công việc khác nhau? Các lựa chọn công việc này có những thách thức nào, và tại sao?
5. Các loại hình hoạt động mà giới trẻ thực hiện ngoài học tập và công việc là gì? Đây là động lực, lợi ích và sự liên kết của các loại hình hoạt động khác nhau, và ai thường tham gia các hoạt động này?
6. Người trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội, tôn giáo hay chính trị nào ở cộng đồng, khu vực hoặc quốc gia ở mức độ nào? Những hoạt động này được tiến hành và tổ chức như thế nào, và vì mục đích gì?
7. Giới trẻ đang dành thời gian cho các không gian trực tuyến và ngoại tuyến ở đâu? Vì mục đích gì, ai là người tham gia những không gian này, những không gian này có tính chất gì?
8. Những ai là hình mẫu và người có ảnh hưởng đến giới trẻ trong các vấn đề khác nhau, ví dụ như sức khỏe, giáo dục, chính trị... Những hình mẫu này khác nhau như thế nào và tại sao?
9. Người trẻ miêu tả mối quan hệ của họ với gia đình và bạn bè thân thiết như thế nào? Đây là những thách thức và lợi ích của mạng lưới thân thiết này đối với giới trẻ?
10. Giới trẻ tìm thông tin đáng tin cậy về các chủ đề khác nhau ở đâu, khi nào, bằng cách nào, và tại sao?

11. Quan điểm về các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, bao gồm Vương quốc Anh, Mi, châu Âu, Trung Quốc, ASEAN như thế nào và đây là vị thế của Việt Nam trên thế giới? Nguyên nhân dẫn đến những quan điểm này là gì?

12. Giới trẻ có những tham vọng và hi vọng gì cho tương lai? Đây là những mối quan tâm hoặc hạn chế nổi bật nhất? Giới trẻ lập kế hoạch để đạt được những tham vọng hoặc giải quyết những thách thức này như thế nào?

Cách tiếp cận để trả lời những câu hỏi này được chia ra làm bốn giai đoạn riêng biệt và liên tục, kết quả của giai đoạn trước định hướng cho giai đoạn sau, và đồng thời cũng thu hút sự tham gia ý nghĩa của các bên liên quan trong suốt quá trình.

Giai đoạn đầu tiên là các buổi họp mặt khởi động, thành lập nhóm chỉ đạo tư vấn, các buổi phỏng vấn với các bên liên quan (n=20), nghiên cứu lý thuyết, phân tích truyền thông cơ bản để đặt cơ sở cho dự án và quy trình thu thập dữ liệu sau này với giới trẻ Việt Nam. Giai đoạn thứ hai là tiến hành các cuộc khảo sát định lượng trực tiếp với đại diện giới trẻ trên khắp đất nước (n=1.200). Giai đoạn thứ ba là cách tiếp cận định tính, gồm có thảo luận của các nhóm tập trung với giới trẻ nói chung và phỏng vấn sâu với các bạn trẻ có các hoàn cảnh đặc biệt mà có thể chưa tiếp cận được thông qua việc lấy mẫu chung. Giai đoạn cuối cùng gồm có phân tích các dữ liệu thu thập được và xác minh việc phân tích. Các buổi hội thảo đánh giá, nhóm thảo luận kiểm chứng với giới trẻ, và phỏng vấn sâu với doanh nhân trẻ được thực hiện để công nhận kết quả bước đầu và đưa ra các đề xuất chính sách.



Giai đoạn 1: Gặp mặt khởi động, Nhóm chỉ đạo cố vấn và Phân tích truyền thông cơ bản

Giai đoạn đầu tiên đặt nền móng cho dự án. Thông tin thu thập được từ giai đoạn này được dùng để điều chỉnh và định hình trọng tâm của nghiên cứu trong các giai đoạn 2-4.

Gặp mặt khởi động

Để khởi động dự án nghiên cứu và chọn lọc thông tin phù hợp, nhóm nghiên cứu đã tổ chức buổi gặp mặt khởi động trực tiếp tại Hà Nội, với sự có mặt của Giám đốc dự án, người phụ trách nghiên cứu định tính, cố vấn chính sách thanh niên và giám đốc thực địa.

Tại buổi họp mặt, các đại biểu đã thảo luận và thống nhất về các vấn đề sau:

- Các điểm liên lạc chính và các bên liên quan chính
- Vai trò và trách nhiệm của từng nhóm
- Bối cảnh và mục tiêu của dự án
- Tài liệu chủ chốt giúp chuẩn bị nghiên cứu
- Đề xuất để thu hút các bên liên quan chủ chốt tham gia vào nghiên cứu, và các cách tiếp cận phù hợp để quản lý mối quan hệ
- Kế hoạch dự án, thời gian và thời hạn cho các buổi họp quan trọng
- Các lo ngại hoặc rủi ro ban đầu
- Phương thức hiện đang dùng để chia sẻ tài liệu.

Hợp với Ban Cố vấn

Trong giai đoạn này, việc hợp với Ban Cố vấn của Hội đồng Anh, bao gồm các thành viên nhóm nòng cốt được thực hiện trong giai đoạn ban đầu của dự án để điều chỉnh và tư vấn về các vấn đề sau:

- Nguy cơ liên quan của nghiên cứu và cách thức giảm nhẹ
- Phương pháp nghiên cứu và các cách tiếp cận
- Đảm bảo chất lượng nghiên cứu
- Công bố nghiên cứu.

Ban Cố vấn bao gồm đại diện của các tổ chức phát triển chính sách, lãnh đạo thanh niên, và đại diện từ các nhóm khác nhau. Ban Cố vấn này cũng tham gia vào Giai đoạn 4 của nghiên cứu để công nhận kết quả nghiên cứu bước đầu.

Phỏng vấn các bên liên quan (n=15)

Một chuỗi các buổi phỏng vấn với các bên liên quan (n=15) được thực hiện nhằm: hiểu rõ nhất về mục tiêu và cách tiếp cận của Hội đồng Anh đối với khảo sát Hệ thống trẻ; thu thập ý kiến và quan điểm của các bên liên quan chủ chốt trong bối cảnh chính trị-xã hội của Việt Nam và chính sách thanh niên; xác định các cách tiếp cận với nghiên cứu và phổ biến nghiên cứu giúp tối đa hóa hiệu quả của nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu hợp tác với Hội đồng Anh xây dựng cách tiếp cận phù hợp với từng mối liên lạc, dựa trên mối quan hệ hiện có, và thực hiện thông qua gặp mặt trực tiếp hay phỏng vấn qua điện thoại.

Nhóm nghiên cứu tham gia với các bên liên quan trong các lĩnh vực sau:

- Các bên liên quan trong Hội đồng Anh như: chuyên gia ở Việt Nam và/hoặc tham gia vào chính sách thanh niên; và những người tham gia vào nghiên cứu Hệ thống trẻ trên toàn thế giới
- Đại diện của các tổ chức thanh niên
- Các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam trong các cơ quan chính phủ chủ chốt
- Các tổ chức phi chính phủ địa phương thực hiện các chương trình thanh niên
- Các bên liên quan trong lĩnh vực truyền thông và công nghiệp sáng tạo có sự tham gia của giới trẻ.

Nghiên cứu lý thuyết

Việc hiểu biết bối cảnh quốc gia, độ nhạy cảm cũng như phạm vi nghiên cứu có vai trò quan trọng có thể ảnh hưởng đến giới trẻ và do đó có thể thu hút giới trẻ. Các học giả, tổ chức quốc tế, các nhà hoạch định chính sách cũng đã thực hiện nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Do đó nhóm nghiên cứu đã thực hiện một nghiên cứu lý thuyết bước đầu và giai đoạn nghiên cứu tài liệu để đưa ra bối cảnh và xây dựng các câu hỏi cho những giai đoạn đầu của nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu đã xem xét 26 nghiên cứu và ấn phẩm, trong đó có các nghiên cứu nội bộ của Hội đồng Anh hoặc các tài liệu liên quan tới Việt Nam, đánh giá các chính sách chính phủ liên quan tới giới trẻ bao gồm các công cụ pháp lý chính và cơ chế quản lý, nghiên cứu tài liệu để xác định các chỉ số số định tính

đã có sẵn hoặc có thể có liên quan tới sự tham gia của giới trẻ, và nghiên cứu tài liệu để xác định các “thời điểm” quan trọng trong lịch sử gần đây của mỗi quốc gia có thể ảnh hưởng đến và/hoặc thu hút giới trẻ.

Phân tích trực tuyến và mạng xã hội

Việc phân tích trực tuyến và mạng xã hội được thực hiện để xác định những người có ảnh hưởng chính trên mạng đối với giới trẻ trong nhóm tuổi 16–30 và ví dụ về nơi họ thảo luận các chủ đề tương tự, các ấn phẩm hoặc nền tảng truyền thông hàng đầu hướng tới giới trẻ về các chủ đề nổi bật, ví dụ như các trang web cụ thể, các kênh trên YouTube,... các nhóm thảo luận hàng đầu trên mạng xã hội và các chủ đề nổi bật được yêu thích, các kênh cụ thể được yêu thích đối với một nhóm mục tiêu nhất định ví dụ như nhóm người dân tộc thiểu số, người bị khuyết tật thể chất... Các thông tin này được sử dụng để đưa ra câu hỏi nghiên cứu và hướng dẫn thảo luận, cũng như hiểu được bối cảnh của hành vi và sở thích trên mạng của giới trẻ.

Giai đoạn 2: Khảo sát định lượng trên toàn quốc (n=1.200)

Sau giai đoạn thứ nhất, nhóm nghiên cứu thiết kế và đánh giá khảo sát định tính để đảm bảo độ chính xác và phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. Một cuộc khảo sát được thực hiện trực tiếp với 1.200 đại diện trên khắp cả nước trong nhóm tuổi 16–30. Cách tiếp cận này đảm bảo tính chính xác, nếu chỉ thực hiện chiến lược tìm người trực tuyến thì khó có thể đảm bảo tính đại diện cho cả quốc gia. Những người tham gia nghiên cứu là đại diện cho quốc gia theo những tiêu chí như sau: tính đô thị hóa, nhóm tuổi, giới tính và thu nhập gia đình.

Nghiên cứu sử dụng kết hợp hai phương pháp chọn mẫu là chọn mẫu phân tầng và chọn mẫu nhiều giai đoạn. Chọn mẫu phân tầng xác định chỉ tiêu dựa trên khu vực sinh sống là nông thôn hoặc thành thị, nhóm tuổi, giới tính và thu nhập, còn phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn được áp dụng theo cấp độ hành chính (vùng, tỉnh, quận,...) để lựa chọn người tham gia. Chúng tôi chia Việt Nam thành sáu vùng tương đương với tám khu vực địa lý của Việt Nam và đưa ra các chỉ tiêu mềm nhằm đảm bảo

rằng mỗi phân khúc dân số đều có người đại diện. Do những hạn chế về nghiên cứu và ngân sách, ở mỗi khu vực, chúng tôi lựa chọn ít nhất hai tỉnh (có một trường hợp ngoại lệ) để thực hiện các cuộc phỏng vấn ở vùng nông thôn và thành thị. Mỗi khu vực có tối thiểu 200 người tham gia, ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có ít nhất 300 người tham gia. Sau đó dữ liệu được đối sánh với Thống kê Dân số Việt Nam năm 2014 để đảm bảo tính đại diện.

Khảo sát được tiến hành thí điểm để đánh giá mức độ toàn diện và đảm bảo độ chính xác trong suốt quá trình thực địa còn lại. Mẫu cuối cùng được phân chia theo tỉnh thành phố, giới tính, nhóm tuổi và thu nhập gia đình. Dữ liệu định lượng được thu thập trong khoảng thời gian từ ngày 26 tháng Sáu đến ngày 26 tháng Bảy năm 2019. Sau khi hoàn thành khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành tập huấn cho nhóm thực địa về các chủ đề sau:

- Thông tin tổng quát về dự án và các mục tiêu của dự án
- Cấu trúc và thành phần của nhóm

- Kế hoạch hậu cần và các hoạt động hàng ngày
- Phương pháp khảo sát – phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp kiểm soát chất lượng và phương pháp xử lý dữ liệu
- Kế hoạch chọn mẫu, lựa chọn mẫu hộ gia đình và kế hoạch thay thế
- Xây dựng mẫu chuyển giao dữ liệu
- Các công cụ khảo sát - xem xét kỹ từng câu hỏi
- Phỏng vấn mô phỏng và đóng vai
- Đào tạo về mức độ nhạy cảm của giới trẻ và cách tiếp cận đúng để có được sự đồng thuận của cha mẹ
- Bài kiểm tra đánh giá thông tin dự án – người phỏng vấn cần thực hiện một bài kiểm tra nhỏ để củng cố các kỹ năng học được sau khi tập huấn kết thúc.

Các quy trình kiểm soát chất lượng được thực hiện tại thực địa bao gồm:

- Hàng ngày kiểm tra tất cả (100%) các buổi phỏng vấn về các chỉ số chất lượng chính như hệ thống định vị toàn cầu, độ dài của buổi phỏng vấn,

năng suất của người phỏng vấn)

- Tất cả các buổi phỏng vấn sẽ được ghi âm bằng nền tảng Survey-To-Go
- 20% số buổi phỏng vấn sẽ có người quan sát trực tiếp hoặc nghe thông qua file ghi âm do người giám sát thực địa ghi để đảm bảo kỹ năng và cách tiếp cận của người giám sát
- 40% số buổi phỏng vấn sẽ được theo dõi về các câu trả lời cho 8-10 câu hỏi quan trọng trong khảo sát. Nếu có lỗi thì buổi phỏng vấn sẽ bị thay thế
- 30% số buổi phỏng vấn sẽ có “hậu kiểm” thực hiện bởi người trưởng nhóm. Người trưởng nhóm sẽ gọi điện thoại cho người tham gia khảo sát để xác minh một số thông tin cơ bản như độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, hỏi xem liệu họ đã nhận được tiền bồi dưỡng và liệu người phỏng vấn có lịch sự và nhã nhặn không. Người giám sát tại địa phương cũng sẽ đến nhà của người tham gia nếu người tham gia có bất kỳ lo ngại gì liên quan đến việc trao đổi trực tiếp.

Bảng A: Chỉ tiêu theo tỉnh thành và mức độ đô thị hóa

STT	Tỉnh/thành phố	Thành thị	Nông thôn	Tổng
1	Thái Nguyên	25	25	50
2	Sơn La	25	25	50
3	Hà Nội	150	150	300
4	Hải Phòng	20	20	40
5	Thái Bình	20	20	40
6	Nghệ An	50	50	100
7	Đà Nẵng	30	30	60
8	Đắk Lắk	35	35	70
9	TP. Hồ Chí Minh	150	150	300
10	Đồng Nai	15	15	30
11	Tây Ninh	15	15	30
12	Cần Thơ	35	35	70
13	An Giang	30	30	60
	Tổng số	600	600	1.200

Bảng B: Chỉ tiêu theo giới tính và mức độ đô thị hóa

Giới tính	%	Thành thị	Nông thôn	Tổng
Nam giới	50%	300	300	600
Nữ giới	50%	300	300	600
Tổng	100%	600	600	1.200

Bảng C: Chỉ tiêu theo nhóm tuổi

Nhóm tuổi	%	Thành thị	Nông thôn
16–19	31%	187	186
20–24	35%	206	209
25–30	34%	207	205
Tổng số	100%	600	600

Bảng D: Chỉ tiêu theo mức thu nhập của hộ gia đình

Hạng	Thu nhập hộ gia đình	%	Thành thị	Nông thôn	Tổng
F	Dưới 2.000.000 đồng	1%	1	8	9
	2.000.001 - 3.000.000 đồng				
E	3.000.001 - 5.000.000 đồng	7%	40	38	78
D	5.000.001 - 7.500.000 đồng	23%	155	122	277
C	7.500.001 - 10.000.000 đồng	31%	169	206	375
B	10.000.001 - 15.000.000 đồng	27%	166	160	326
A	15.000.001 - 20.000.000 đồng	11%	69	69	135
A1	20.000.001 - 25.000.000 đồng				
A2	25.000.001 - 30.000.000 đồng				
A3	30.000.001 - 40.000.000 đồng				
A4	40.000.001 - 50.000.000 đồng				
A5	50.000.001 - 60.000.000 đồng				
A6	Trên 60.000.000 đồng				
TỔNG SỐ		100%	600	600	1.200

Giai đoạn 3: Các cách tiếp cận định lượng

Trong giai đoạn này, nghiên cứu sử dụng hai cách tiếp cận định lượng, đó là các buổi thảo luận nhóm tập trung với giới trẻ nói chung và phỏng vấn sâu với các bạn trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Những cách tiếp cận này giúp nghiên cứu thu thập thông tin chính xác, xác minh và bối cảnh hóa những kết quả từ giai đoạn định tính, và hiểu sâu hơn về đời sống của giới trẻ trong những tình huống cụ thể với hoàn cảnh đặc biệt, những người này không thể tiếp cận được khi thực hiện khảo sát định lượng và nhóm tập trung.

Tất cả các đáp viên được lựa chọn bởi một đối tác nghiên cứu tại địa phương với khả năng xác nhận mẫu đồng ý. Cả các buổi thảo luận nhóm và các buổi phỏng vấn đều được điều phối bởi những điều phối viên người Việt Nam được đào tạo bài bản với kỹ năng thảo luận các chủ đề nhạy cảm với giới trẻ và điều hành các buổi thảo luận nhóm hiệu quả, trong đó có cả những buổi thảo luận trực tuyến.

Các nhóm tập trung sẽ được hình thành tại sáu địa điểm khác nhau dưới đây:

- Miền Bắc: Hà Nội (quận)
- Miền Bắc: Hà Nội (huyện)
- Bắc Trung Bộ: Nghệ An (nông thôn)
- Miền Nam: TP. Hồ Chí Minh (quận)
- Miền Nam: TP. Hồ Chí Minh (huyện)
- Tây Nam Bộ: An Giang (nông thôn).

Các kỹ thuật thu thập dữ liệu

Khi tiến hành nghiên cứu về các chủ đề nhạy cảm, với những người trẻ và/hoặc trong các nhóm thảo luận khi ban đầu có sự ngại ngùng, các đáp viên thường cần có các giả định hoặc sự khuyến khích để vượt qua sự ngại ngùng nhằm định hình và điều chỉnh câu trả lời của mình. Những bài tập dưới đây giúp người điều phối tránh được các câu trả lời bề nổi và khai thác sâu hơn những niềm khát vọng và sự thất vọng của giới trẻ:

- Bài kiểm tra về phổ tuyên bố yêu cầu đáp viên đưa ra vị trí của họ trong một phổ quan điểm giữa hai quan điểm đối lập và giải thích tại sao họ có thể/không thể chuyển từ vị trí này sang vị trí kia
- Các ví dụ về câu chuyện hoặc hình ảnh truyền thông (lấy từ truyền thông hoặc tưởng tượng) để đánh giá khả năng nhớ một số câu chuyện nhất định về những vấn đề chính sách hoặc những vấn đề giới trẻ đối mặt, và cách hiểu của riêng họ về vấn đề đó
- Bài tập phân loại xe đẩy hàng siêu thị dựa trên việc nhận thức được một số thách thức hoặc có thể chính cá nhân đã trải nghiệm vấn đề
- Bài kiểm tra về nhóm tham khảo hoặc “tâm ảnh hưởng”, nghĩa là xác định xem đáp viên sẽ tin tưởng ai để nhờ hỗ trợ trong một số vấn đề, và xác định đâu là phản ứng bình thường hoặc chấp nhận được nếu người đó là thành viên gia đình, giáo viên, bạn bè hoặc trên truyền thông
- Loại câu hỏi như “ai đó ở trong cộng đồng của bạn sẽ nghĩ hoặc làm gì nếu...” là loại câu hỏi giúp thăm dò điều gì được coi là tiêu chuẩn của nhóm tham chiếu khi người trẻ đối mặt với một số thách thức nhất định.

Tập huấn

Sau khi hoàn thành xong các hướng dẫn thảo luận, nhóm nghiên cứu bắt đầu tập huấn kéo dài hai ngày cho hai điều phối viên để đảm bảo họ hiểu rõ về các mục tiêu và cách tiếp cận định tính được sử dụng. Phần hướng dẫn và tập huấn bao gồm những vấn đề sau:

- Thông tin tổng quát về dự án và các mục tiêu của dự án
- Kế hoạch hậu cần và các hoạt động hàng ngày
- Mẫu và thông tin về người tham gia
- Hình thức bản ghi chép
- Các công cụ khảo sát – xem xét từng câu hỏi một

- Phỏng vấn giả định và đóng vai
- Tập huấn cụ thể về sự nhạy cảm của giới trẻ và cách tiếp cận đúng đắn để có được sự đồng thuận của cha mẹ.

Nhóm nghiên cứu đã quan sát ít nhất sáu buổi thảo luận nhóm ở khu vực thành thị để đảm bảo rằng các hướng dẫn có hiệu quả và đưa ra thay đổi hướng dẫn khi cần thiết.

Thảo luận nhóm tập trung (n=18)

Đã thực hiện tổng cộng 18 buổi thảo luận nhóm tập trung, mỗi nhóm có 6–8 người tham gia (n người tham gia = khoảng 108), bao gồm các nhóm cả khu vực nông thôn và với người tham gia đến từ các gia đình có thu nhập thấp.

Mẫu thảo luận nhóm tập trung được phân chia theo các tiêu chí sau:

- **Nhóm tuổi:** các nhóm có ba nhóm tuổi khác nhau giúp buổi thảo luận mang tính chuyên sâu về giai đoạn đời sống cụ thể, ví dụ như giáo dục, giáo dục đại học và/hoặc thị trường việc làm cũng như những áp lực khác nhau liên quan tới gia đình, hôn nhân, nhà cửa...
- **Giới tính:** các buổi thảo luận nhóm tập trung sẽ có sự đồng nhất và tỉ lệ nam giới và nữ giới là như nhau giúp tạo ra một cuộc hội thoại thoải mái về sự khác biệt giới và phân biệt đối xử
- **Thu nhập hộ gia đình:** các nhóm sẽ được chia theo mức thu nhập khác nhau giữa khu vực thành thị, ven đô và nông thôn.

Bảng phân tích chi tiết các buổi thảo luận nhóm tập trung như sau:

Bảng E: Phân chia chi tiết các buổi thảo luận nhóm tập trung (n=20)

MẪU: c. 108 người Việt Nam trẻ tuổi trong nhóm tuổi 16-30 – 18 nhóm tập trung, mỗi nhóm có sáu người tham gia
CHỈ TIÊU: Quy mô mẫu: n=108 Giới tính: Nam giới = 54 (9 buổi thảo luận nhóm tập trung) Nữ giới = 54 (9 buổi thảo luận nhóm tập trung) Nhóm tuổi: 16–19 tuổi = 36 (6 buổi thảo luận nhóm tập trung) – không có sinh viên đại học 20–24 tuổi = 36 (6 buổi thảo luận nhóm tập trung) – bao gồm sinh viên đại học 25–30 tuổi = 36 (6 buổi thảo luận nhóm tập trung) Mức thu nhập: Các quận và huyện Mức thu nhập cao 15.000.000 hoặc cao hơn = 24 (2 buổi thảo luận nhóm tập trung) Mức thu nhập trung bình: 7.500.000 – 14.999.999 = 36 (4 buổi thảo luận nhóm tập trung) Mức thu nhập thấp: 0 – 7.499.999 = 48 (6 buổi thảo luận nhóm tập trung) Các khu vực nông thôn: Mức thu nhập cao: 7.500.000 hoặc cao hơn = 24 (2 buổi thảo luận nhóm tập trung) Mức thu nhập trung bình: 4.500.000 – 7.499.999 = 36 (2 buổi thảo luận nhóm tập trung) Mức thu nhập thấp: 0 – 4.499.999 = 48 (2 buổi thảo luận nhóm tập trung) Loại hình trường học: Đối với các buổi thảo luận nhóm tập trung với đối tượng 16-19 tuổi = kết hợp chỉ tiêu mềm gồm có trường công lập và trường dân lập Địa điểm: 1. Miền Bắc: Hà Nội (quận) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung) 2. Miền Bắc: Hà Nội (huyện) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung) 3. Bắc Trung Bộ: Nghệ An (chỉ vùng nông thôn) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung) 4. Miền Nam: TP. Hồ Chí Minh (quận) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung) 5. Miền Nam: TP. Hồ Chí Minh (huyện) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung) 6. Miền Tây Nam Bộ: An Giang (chỉ vùng nông thôn) = 18 (3 buổi thảo luận nhóm tập trung)

Phỏng vấn sâu với các bạn trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (n=20)

20 buổi phỏng vấn sâu bán cấu trúc với các đáp viên trong các tình huống đặc

biệt được thực hiện để thảo luận các trải nghiệm của họ mà khó thảo luận trong bối cảnh nhóm. Những đáp viên này bao gồm người dân tộc thiểu số và tôn giáo thiểu số, thành viên cộng đồng người

đồng giới, lưỡng giới, chuyển giới, liên giới; người có khuyết tật thể chất, và người bỏ học cũng là người đến từ các gia đình có thu nhập thấp. Bảng dưới đây minh họa việc phân chia mẫu:

Bảng F: Phân bố các buổi thảo luận nhóm tập trung theo tỉnh thành và nhóm tuổi

	Phân bố các buổi thảo luận nhóm tập trung	16–19 tuổi	20–24 tuổi	25–30 tuổi	Tổng
Miền Bắc	Hà Nội	M-HI	F-HI	M-MI	3
	Hà Nội (huyện)	F-LI	M-LI	F-MI	3
	Nghệ An (nông thôn)	M-MI	F-LI	M-LI	3
Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	F-MI	F-HI	M-HI	3
	TP. Hồ Chí Minh (huyện)	M-LI	F-LI	M-MI	3
	An Giang	M-LI	M-MI	F-LI	3
	TỔNG	6	6	6	18

Bảng G: Phân bố theo tỉnh thành và hoàn cảnh của người trẻ tuổi trong các buổi phỏng vấn sâu

Mẫu phỏng vấn sâu	TP. Hồ Chí Minh – Quận	TP. Hồ Chí Minh – Huyện	Hà Nội – Quận	Hà Nội – Huyện	Các khu vực nông thôn
Người đồng giới, lưỡng giới, chuyển giới, liên giới		1 Nam/1 Nữ	1 Nam		
Khuyết tật thể chất				1 Nam	1 Nam (Nghệ An)
Bỏ học	1 Nữ	1 Nam			1 Nữ (An Giang)
Dân tộc thiểu số					1 Nam/1 Nữ (Đắk Lắk), 1 Nam/1 Nữ (Sơn La), 1 Nam/1 Nữ (An Giang), 2 Nam/1 Nữ (Nghệ An)
Tôn giáo thiểu số	2 Nữ				
Hộ gia đình thu nhập thấp					1 Nam (An Giang)
TỔNG	3	3	1	1	12

Giai đoạn 4: Phân tích và công nhận nghiên cứu

Sau khi thu thập dữ liệu ở ba giai đoạn đầu, nhóm nghiên cứu tổng hợp và phân tích dữ liệu thu thập được. Việc phân tích các dữ liệu định lượng được thực hiện bằng công cụ SPSS và Tableau, còn dữ liệu định tính được phân tích bằng lý thuyết có cơ sở vững chắc được mã hóa bằng các mã ưu tiên được xác định trong giai đoạn một và hai.

Để công nhận kết quả bước đầu, ba bước công nhận được thực hiện để làm rõ các kết quả thu được từ thực địa, đảm bảo độ chính xác về bối cảnh của việc phân tích, và hình thành các đề xuất chính sách dựa trên các bên liên quan tham gia vào nghiên cứu, đó là giới trẻ và các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam.

Công nhận và phản hồi của Ban cố vấn

Tiến hành buổi làm việc với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam và các bên liên quan trong Ban cố vấn để trình bày các kết quả nghiên cứu bước đầu, nắm bắt được quan điểm của các thành viên về các kết quả chính, và thảo luận về các đề xuất chính sách của các thành viên Ban cố vấn.

Nhóm thảo luận tập trung kiểm chứng với giới trẻ (n=2)

Có thêm hai buổi thảo luận nhóm tập trung được thực hiện ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để trình bày và xác minh các kết quả bước đầu thu được trong các giai đoạn định tính và định lượng. Các buổi thảo luận này có sự tham gia của các đáp viên đã từng tham gia vào thảo luận nhóm tập trung trong giai đoạn định tính, ngoài trừ trường hợp một đáp viên của một tỉnh. Các buổi thảo luận nhóm thu thập quan điểm của giới trẻ về các kết quả chính, các chính sách được Chính phủ thực hiện tập trung vào giới trẻ, và đề xuất của chính họ về các chính sách hiện tại và các thách thức mà giới trẻ phải đối mặt.

Phỏng vấn sâu với các doanh nhân trẻ (n=4)

Các kết quả của giai đoạn ban đầu cho thấy tinh thần khởi nghiệp cao của giới trẻ Việt Nam, cho dù họ có hoàn cảnh khác nhau. Để có thể thu được thông tin toàn diện về tinh thần khởi nghiệp trong giới trẻ Việt Nam, bốn buổi phỏng vấn sâu đã được thực hiện với các doanh nhân trẻ Việt Nam, gồm có cả các doanh nhân "đường phố" và các doanh nhân trẻ rất thành công. Các kết quả

ban đầu được trình bày để có thể xác minh. Trong giai đoạn này nghiên cứu cũng thu thập kinh nghiệm của doanh nhân để bối cảnh hóa sự quan tâm lớn của giới trẻ với việc khởi nghiệp.

> Phụ lục 2: Bảng câu hỏi định tính

Phía dưới là tóm tắt khảo sát các câu hỏi. Phiên bản đầy đủ bao gồm các lựa chọn, phân nhánh có điều kiện (skip logic) và bản dịch câu hỏi có thể được cung cấp theo yêu cầu. Mời xem trang giới thiệu của bản báo cáo để có thông tin email liên hệ.

Câu hỏi số	Câu hỏi
Phần 1: Nhân khẩu học	
D1	Năm nay bạn bao nhiêu tuổi/Bạn sinh năm bao nhiêu?
D2	Giới tính của bạn là gì?
D3	Bạn sinh ra ở tỉnh/thành nào?
D4	Tình trạng hôn nhân của bạn?
D5	Bạn đã có con chưa?
D6	Trong gia đình bạn có thành viên nào khuyết tật thể chất hoặc có vấn đề về sức khỏe tâm thần không?
D6.1	Nếu có, bạn có thể nói đó là khuyết tật thể chất hay vấn đề sức khỏe tâm thần nào trong danh sách dưới đây không?
D6.2	Nếu có, hãy dùng thang đo dưới đây, bạn đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự khuyết tật hoặc vấn đề sức khỏe tâm thần của họ tới đời sống thường ngày của thành viên đó.
D7	Thu nhập cá nhân hàng tháng của bạn là bao nhiêu?
D8	Thu nhập hộ gia đình hàng tháng của bạn là bao nhiêu?
D9	Trong danh sách phía dưới, bạn thực hành tôn giáo nào?
D10	Bạn thuộc dân tộc nào?
D11	Bạn xếp hạng kĩ năng tiếng Anh của mình ở mức nào?
D12	Ngoài tiếng Việt và tiếng Anh, bạn có biết ngôn ngữ nào khác từ mức cơ bản không? (vd. giao tiếp cơ bản hoặc đọc/viết được)
Phần 2: Học vấn và Việc làm	
1	Tình trạng việc làm hiện tại của bạn?
2	Trình độ học vấn cao nhất của bạn tới nay?
3	Vì sao bạn chọn ngành học đó?
Đã đi làm/ngỉ hưu/không có việc làm	
4A	Loại hình tổ chức bạn đang làm việc hoặc đã làm gần đây nhất?
5A	Khu vực kinh tế nào bạn đang làm việc hoặc đã làm gần đây nhất?
6A	Bạn có kế hoạch mở công ty riêng của mình không?
6A.1	Nếu có, bạn muốn mở công ty trong lĩnh vực gì?
6A.2	Nếu bạn quan tâm tới khởi nghiệp thì bạn cảm thấy mức độ sẵn sàng của mình tới đâu về kĩ năng và kiến thức khởi nghiệp?
7A	Công việc đầu tiên của bạn có liên quan đến ngành bạn học không?
8A	Bạn đánh giá mức độ hài lòng của bạn với công việc hiện tại/công việc gần đây nhất của bạn như thế nào?

Học sinh/sinh viên	
4B	Bạn mong mình được làm việc ở loại hình tổ chức nào?
5B	Bạn muốn được làm việc trong khu vực kinh tế nào?
6B	Bạn có muốn mở công ty riêng không?
6B.1	Nếu có, bạn muốn mở công ty trong lĩnh vực gì?
6B.2	Nếu bạn quan tâm tới khởi nghiệp thì bạn cảm thấy mức độ sẵn sàng của mình tới đâu về kĩ năng và kiến thức khởi nghiệp?
Tất cả	
9	Bố mẹ/người bảo trợ của bạn đang/đã làm trong khu vực kinh tế nào?
10	Bạn đánh giá mức độ sẵn có các cơ hội việc làm phù hợp với học vấn và nhu cầu tài chính của bạn như thế nào?
11	Bạn đồng ý hay không đồng ý với những tuyên bố sau đây về học vấn và việc làm như thế nào?
12	Bạn đồng ý hay không đồng ý với những tuyên bố sau đây như thế nào?
13	Các kĩ năng tổng quan theo bạn là quan trọng nhất đối với việc làm là gì?
14	Theo bạn, một vài bước chính có thể giúp giải quyết khoảng cách giữa khát vọng của bạn và thực tế thị trường lao động là gì?
15	Trong vòng 5 năm qua, cơ hội việc làm dành cho người Việt trẻ đã...
16	Trong tương lai, bạn thích làm việc trong... như thế nào?
Phần 3: Tham gia chính trị và cộng đồng	
17	Bạn tham gia tổ chức/câu lạc bộ nào dưới đây?
18	Bạn đồng ý hay không đồng ý ở mức độ nào với các tuyên bố sau?
19	Bạn tham gia vào chính trị và chính phủ ở mức độ nào?
20	Bạn đã bao giờ làm những điều sau chưa?
21	Điều nào trong số những điều dưới đây có thể tăng sự tham gia của bạn vào chính trị nhất?
22	Bạn sẽ đóng góp cho tương lai Việt Nam thông qua những cách nào dưới đây?

Phần 4: Các ưu tiên và tương lai	
23	Đối với những ưu tiên sau đây, xin hãy chọn 5 điều bạn cảm thấy quan trọng nhất với bạn
23.1	Hãy xếp hạng năm sự lựa chọn của bạn từ quan trọng nhất (1) tới ít quan trọng nhất (5)
24	Đối với những ưu tiên sau đây, xin hãy chọn 5 điều bạn cảm thấy quan trọng nhất với chính phủ
24.1	Hãy xếp hạng năm sự lựa chọn của bạn từ quan trọng nhất với chính phủ (1) tới ít quan trọng nhất với chính phủ (5)
25	Nhìn vào tương lai của bạn, bạn quan ngại hay không quan ngại như thế nào với những điều sau
26	Bạn lạc quan hay bi quan như thế nào với những viễn cảnh sau
27	Những thách thức chính mà bạn có thể gặp phải trong cuộc sống là gì?
28	Bạn quan tâm tới vấn đề môi trường ở Việt Nam như thế nào?
29	Bạn quan tâm tới sự sẵn có các cơ hội kinh tế cho đối tượng dân tộc thiểu số ở Việt Nam như thế nào?
30	Trong 15 năm tới kể từ bây giờ, Việt Nam...
Phần 5: Các quan tâm và thái độ chung	
31	Yếu tố nào ảnh hưởng tới bạn/cá tính của bạn trong việc hình thành nên con người bạn ngày nay?
32	Bạn đồng ý hay không đồng ý ở mức độ nào với các tuyên bố sau?
33	Đâu là nguồn thông tin chính của bạn về các chủ đề sau?
34	Những nước sau bạn cảm thấy hấp dẫn hay không hấp dẫn ở mức độ nào?
35	Các nước khác nhau nổi tiếng vì những lý do khác nhau. Với mỗi khía cạnh nước nào nổi tiếng nhất?



**“Tôi tin rằng các bạn trẻ
của tương lai sẽ là
lực lượng đóng góp
tích cực vào phát triển
đất nước.”**

PGS. TS. Trần Xuân Bách, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam,
Thư ký Diễn đàn Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu



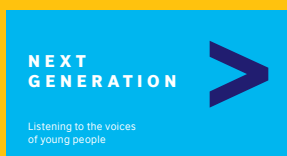


Love Frankie, đối tác Dịch vụ Quốc tế M&C Saatchi tại châu Á - Thái Bình Dương, là tổ chức hướng tới thay đổi xã hội, tập trung vào các nghiên cứu sáng tạo và các sáng kiến giao tiếp chiến lược giải quyết các vấn đề xã hội trên toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đội ngũ nghiên cứu của chúng tôi áp dụng đa dạng các phương pháp từ khảo sát, phỏng vấn lưu động và trực tiếp, tới giám sát mạng xã hội sử dụng trí thông minh nhân tạo, các cộng đồng trực tuyến và phương pháp giám sát và đánh giá (M&E) tại những nơi nhạy cảm về không gian địa lý. Chúng tôi kết hợp tư duy sáng tạo với quan sát sâu.



Indochina Research (IRL) cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược, nghiên cứu và thăm dò ý kiến cho đa dạng các đối tượng khách hàng quan tâm tới sự phát triển của khu vực Đông Dương. Các khách hàng này bao gồm trường đại học, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quốc tế và Liên Hợp Quốc. Chúng tôi phát triển các đội ngũ thực địa xuất sắc có thể làm việc ở những nơi xa xôi nhất. Đội ngũ nhân sự của chúng tôi có kinh nghiệm quốc tế và/hoặc có trải nghiệm liên văn hóa, làm việc trong các chương trình xã hội và phát triển.

www.indochina-research.com



Chuỗi Nghiên cứu Thế hệ trẻ là một phần trong cam kết của Hội đồng Anh trong việc tìm hiểu tiếng nói và lựa chọn của người trẻ. Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu thái độ và khát vọng của người trẻ, cổ vũ tiếng nói của người trẻ và hỗ trợ tốt hơn việc hoạch định chính sách cho người trẻ. Những nghiên cứu này tập trung vào những người trẻ ở các quốc gia trải qua những thay đổi lớn, để đảm bảo rằng tiếng nói của những người trẻ được lắng nghe và những quan tâm của họ được thể hiện trong các quyết định sẽ có tác động lâu dài tới cuộc sống của họ.

www.britishcouncil.org/research-policy-insight/research-series/next-generation

Ảnh

Mọi hình ảnh ©Mat Wright trừ phi có quy định khác.

© Hội đồng Anh 2020/L045

Hội đồng Anh là tổ chức quốc tế của Vương quốc Anh thúc đẩy các hợp tác văn hóa và cơ hội giáo dục.